47

Bản-chí khải-sự

I. — Số tạp-chí này là một số đặc-biệt, giải-thích về chính-sách của quan thủ-hiến. Vì có nhiều bài chữ Pháp cần-thiết đến việc chính-trị và kinh-tế hiện thời, khiến cho số trang tăng lên gấp hai, và lại có nhiều ảnh, nên bản-chí phải gồm hai kỳ 1er và 15 Août làm một và ra chậm ; giá bán kỳ này tính là năm hào, song những kỳ sau lại ra một tháng hai kỳ và tính giá 0$25.

Những bài trong phần chữ Pháp kỳ đặc-biệt này sau sẽ có dịch ra quốc-văn, đăng dần cho khắp các bạn đọc Nam-Phong hiểu rõ với vận-mệnh Đông-Pháp, ta đều có thể một lòng tin cậy ở quan Toàn-quyền Robin, là một nhà chính-trị lão-luyện và vụ-thực.

II. — Bản-chí chủ-bút, ông Hàn-Thu Nguyễn-tiến-Lãng, có lời cảm-tạ những bạn gần xa đã gửi thơ khuyến-khích hoặc gửi bài vở giúp cho bản-chí. Những bài vở xét ra có giá-trị, sẽ xin đăng dần. Về sự đổi mới của *Nam-Phong*, bản-chí đồng-nhân vẫn một mực tiến-hành ; song không thể trong chốc-lát đạt tới mục-đích. Vả ông Nguyễn gần nay lại vào Nam ra Bắc luôn luôn, cho nên đôi khi chậm-trễ, xin độc-giả tha thứ, và riêng xin các bạn thanh-niên lượng biết cho.

Ông Nguyễn chỉ là chủ-bút, nhận các thơ từ về việc tòa-soạn. Mọi công việc khác, xin độc-giả nhớ cho rằng nay cũng như xưa, vắng mặt bản-chí sáng-lập và chủ-nhân là quan thượng Phạm thì ông Lê-văn-Phúc là bản-chí chủ-nhiệm.

N. P.

MỘT CÁI BÍ-QUYẾT CHỐNG VỚI NẠN KINH-TẾ KHỦNG-HOẢNG :

Chủ-nghĩa cần-kiệm

Nạn kinh-tế khủng-hoảng chung của thế-giới tràn vào làm khốn-đốn cho dân nước ta, đã bốn năm năm nay rồi. Nhưng trước khi cái nạn kinh-tế khủng-hoảng của thế-giới chưa tràn vào, thì chính tự trong nước ta cũng đã sa vào cái cảnh cùng-khốn đến vài mươi năm nay rồi.

Giữa lúc thế-giới đang cạnh-tranh sống-mái với nhau về kinh-tế, mà một dân-tộc bị thua kém mọi đường như dân-tộc Việt-Nam thì lẽ tất-nhiên là phải chịu cái bước nghèo-khó không sao tránh khỏi.

Ví như chứng bệnh : Kinh-tế khủng-hoảng ở ngoài tràn vào là bệnh ngoại-cảm, sự nghèo-khốn ngầm-ngấm liên-miên ở trong là bệnh nội-thương. Vậy người mắc bệnh, người nào trong mình tinh-thần khí-huyết vẫn đang cường-tráng như thường, thì bệnh ngoại-cảm tuy có thốt-nhiên truyền-nhiễm vào, nhưng sinh-lý ở trong cũng đủ sức tự chống cự lại mà không bao lâu sẽ bình-phục như cũ ngay. Đến như cái người mà trong mình đã bị bệnh nội-thương trầm-trọng làm hao-tổn tinh-thần, tiêu-thước khí-huyết dần mòn đã lâu. Thế mà nhất-đán lại nhiễm thêm cái bệnh ngoại-cảm vào làm nguy-kịch, thì cái hiểm-tượng của bệnh-tình ấy mới rất là đáng lo.

Xem như thế thì hiện-tình kinh-tế của dân nước ta bây giờ chính đang hãm vào cái cảnh nội-thương ngoại-cảm cùng làm khốn-đốn đó. Lo cứu-vãn cho cái bệnh-trạng nghèo-cùng ấy, người ta tìm ra có nhiều phương thuốc. Song chỉ có cái phương thuốc chính đáng và đúng với bệnh-trạng nghèo-cùng ấy, không còn gì hơn là thuyết chấn-hưng thực-nghiệp. Nghĩa là phải cải-cách nghề nông-phố, phải mở-mang nghề công nghề thương, khiến cho cái đời kinh-tế trong nước đủ tự-lập thì mới mong có cái cơ sinh-tồn vững chắc được.

Tôi cũng nghĩ như thế, cũng biết rằng phải như thế và chỉ có như thế, dù trước sau chóng chậm mặc lòng, không làm như thế cũng không còn có cách gì mà cứu-vãn cho cái nạn nghèo-khốn của dân nước ta được nữa. Song muốn làm việc gì, phải có cái đức-tính xứng-đáng để làm việc ấy. Xưa nay biết bao nhiêu công-cuộc bị thất-bại, chỉ vì người làm không có đủ cái đức-tính xứng-đáng để đảm-đang đó mà thôi. Vậy trước khi muốn chấn-hưng thực-nghiệp, trước khi muốn tìm kế-sách để chống với nạn kinh-tế khủng-hoảng hiện nay, chống với bệnh cùng-khốn về sau còn dài, chúng ta phải nên

thực-hành lấy cái bí-quyết là chủ-nghĩa cần-kiệm của dân-tộc đã.

Nghe nói hai chữ cần - kiệm có người vội hỏi tôi rằng: Cần với kiệm ư? Lại vấn-đề luân-lý đạo-đức mất rồi. Bây giờ người ta đang bỉ cái lối hay bàn luân-lý, giảng đạo-đức kia mà, nói làm gì.

Tôi xin thưa rằng: Không sợ. Người ta bỉ là bỉ những lối luân-lý cổ-hủ, dở hơi, đạo-đức giả-dối lừa người kia đấy. Còn như cần với kiệm mà tôi sẽ nói ra đây, nó tuy có họ-hàng với nhà luân-lý đạo-đức, nhưng nó chính lại là con đẻ của nhà công-lợi kia. Đời công-lợi lại càng phải cần hỏi đến nó, nó sinh ra đời tuy lâu mà không bao giờ cũ, ai biết đến nó thì tự được ích-lợi cho chính ngay cái đời kinh-tế của thân mình.

Dân ta ngày nay, nhất là chốn thôn quê, cái cảnh-huống tiêu-điều lam-lũ, ngày càng hiện ra một cách thảm-mục thương-tâm. Xét ra tuy có nhiều duyên-cớ, nào cái cớ vì quyền-lợi thiệt-thòi, nào cái cớ vì trí-thức ít được mở-mang; nhưng cái cớ thiết-thực thứ nhất là do dân ta những bỏ mất cái đức-tính cần-kiệm đi đã lâu rồi vậy.

Vẫn hay ắng dân ta sở-dĩ gần đây dưỡng-thành cái đức-tính lười- iếng hoang-toàng mà những bỏ mất cái đức-tính cần-kiệm của người xưa đi, không phải là ngẫu-nhiên, mà là do ở chỗ phản-quang của thời-thế: Vì thất-vọng mà sinh lười-biếng, vì ngộ-nhận ở bề ngoài văn-minh mà sinh xa-xỉ. Song dù sao đi nữa, thì cái lối không cần-kiệm bây giờ nó cũng phải chịu một phần trách-nhiệm ở trong cái nạn nghèo-cùng này.

Nước ta tự hồi tái-tạo cho tới lúc thành-công, hơn một nghìn năm lại đây, nào chống cõi bắc, nào mở miền nam, dân-tộc Việt-Nam lúc nào cũng xử vào cái cảnh gây dựng gian-nan, nếu không giàu cái đức-tính cần-kiệm mà được như thế dư. Thế mà đến ngày nay thì khác hẳn: ngày xưa có phải quan-lại gọi là lười-biếng, là không phải làm việc lao-lực mà thôi, nhưng gia-đình của những người ấy, phần nhiều đều có bản-nghiệp riêng. Ngày nay số lại-dịch tăng lên rất nhiều, mà hầu hết vợ con đều chỉ ngồi trông vào cái ngọn bút của họ để ăn chơi một cách quá phận. Ở thôn-quê thì nghề làm ruộng suy đi, nay tìm lấy một người thợ cày cần thận và khéo như xưa thì hiếm lắm. Đó là đức cần.

Ngày xưa người làm đến quan triều quan tỉnh cũng thường ăn dùng tần-tiện, đi đâu, cái nón sơn, cái tráp gỗ để mộc, không khác gì người dân thường. Người nhà nông ra ngoài đã mặc đến bộ quần áo lụa nâu, là trong nhà giàu súc-tích lắm rồi. Ngày nay chưa kể nơi thành-thị phú-hoa, mà hẳng nói ngay chỗ thôn-quê chất-thực, cũng đủ thấy sự xa-xỉ một cách đại-đột là dường nào! Tranh một chức tổng, lý, được thua cũng mất đến hàng nghìn, vay nợ lãi để sắm áo đoạn giầy « giôn », cầm ruộng vườn để mở đám mừng: kết hoa, treo cờ vạn-quốc và đèn xếp. Đó là đức kiệm.

Đan-cử vài điều như trên, thì đủ biết cái đức-tính cần-kiệm của dân-tộc đến ngày nay suy-kém hầu hết rồi.

Thế giới cạnh-tranh, mà chỉ cốt cạnh-tranh về kinh-tế. Cái cơ sinh-tồn của một dân-tộc là ở đó. Đáng lẽ người khéo mà ta vụng thì ta phải lấy sự siêng-năng để bù vào, đáng lẽ người kiếm được nhiều mà ta kiếm được ít, thì ta phải lấy sự kiệm-ước để phòng xa.

Như vậy còn lo chửa đủ, nữa là đã vụng mà lại lười, đã kiếm được ít mà lại hoang-phí. Cái vạ nghèo-khó nọ, ta còn dám trách trời được dư?

Như vậy mỗi người trong chúng ta không tự bắt-buộc mình phải giữ lại chủ-nghĩa cần-kiệm của dân-tộc xưa không được.

Cần không những ai ai cũng phải có nghề, cũng phải chăm làm việc, mà còn không được khinh-bỉ những việc lao-lực nữa. Không kỳ là ông bà gì, phú-quí đến bậc nào, đều phải có lúc cất nhắc làm-lụng, hoặc đi đâu tự mang-xách lấy hành-lý đồ-đạc của mình. Có thể vào chợ mua và xách lấy đồ ăn dùng cho mình được. Đừng giữ cái lối quan-cách kiêu-căng, đông một tí cũng năm bảy người hầu, vừa làm hư nết cho mình vừa làm lười-biếng cho nhiều người khác. Xã-hội đã không khinh-bỉ việc nặng nhọc thì nghề-nghiệp thực-lợi mới phát-đạt, mà cái hủ-tục sinh làm quan-trưởng, thích sự thanh-nhàn, ưa những dáng-điệu thướt-tha mĩ-miều hèn-yếu mới mất đi.

Đến như đức kiệm, có người nói: Đời văn-minh vật-chất mà còn lôi đức kiệm ra, lại càng thêm phương-ngại cho sự tiến-hóa của dân-tộc. Tôi nói: Có thể làm phương-hại cho sự tiến-hóa của dân-tộc, đó là cái đức biển-lận kia đấy, chứ không phải là đức kiệm. Biển-lận gần với tham-lam. Chỉ lo vơ-vét cho đầy túi rồi thắt chặt, chính tự thân mình cũng bạc-đãi, còn nghĩ gì đến nghĩa-vụ với tử-tâm. Trong một nước mà ai cũng giàu cái đức biển-lận như thế, thì còn ai là người dám bỏ tiền ra để tưởng-lệ cho mĩ-thuật của bản-quốc, còn ai là người dám đem huyết-hãn để giúp cho sự-nghiệp công-cộng của xã-hội. Đức biển-lận nó phương-ngại cho sự tiến-hóa của dân-tộc là thế. Còn như đức kiệm thì khác. Kiệm là ai nấy đều biết tùy cái lượng kiếm được của tài mình mà dùng đồng tiền cho có tiết-độ, cho đáng vào việc cần dùng của bản-thân của xã-hội. Không làm thần giữ của mà cũng không gánh vàng đi đổ sông Ngô. Nghĩa là kiệm để trước lo cho thân đủ dùng, sau lo giúp ích cho xã-hội. Tức như ngày xưa Khổng-tử khen vua Vũ: ăn dùng thì kiệm-ước mà việc lễ nhạc, việc khai kênh đào ngòi cho dân thì hết sức làm đẹp-đẽ, lớn-lao. Lại như trong bài du-ký của một người Nhật khen dân quê bên Tây, có nhiều người chung-thân cần-kiệm chỉ để dành giúp vào những việc công-ích. Xã-hội ngày nay không thể thiếu được đức kiệm như thế.

Cả sống về nước, người sống về của-cải. Muốn có của-cải phải cần, muốn giữ của-cải cho mình cho nước, phải kiệm. Cần-kiệm như thế ta gọi là chủ-nghĩa cần-kiệm của dân-tộc. Gọi là cái bí-quyết để khu-trừ nạn kinh-tế khủng-hoảng.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

NHỮNG NGUYỆN-VỌNG CỦA DÂN AN-NAM (1)

HÁN-THU

(*Tiếp theo*)

Nguyện-vọng thanh-niên

Rút lại xét hiện-tình xã-hội Việt-Nam, thì bao nhiêu hi-vọng cải-tạo, chấn-hưng, phải cậy vào phái thanh-niên hết thảy. Nhất là từ khi đức Thanh-niên Hoàng-đế hồi-loan lâm-chính, thì quốc-dân hi-vọng vào thanh-niên chẳng là đích-đáng lắm hay sao ?

Đức Kim-thượng là vị Hoàng-đế thứ nhất của nước Việt-Nam đã xuất-dương du-học, từ thuở nhỏ hấp thụ giáo-dục văn-hóa Tây-phương. Ngài hồi-loan, nước Pháp đã muốn cho cuộc hồi-loan đó có một vẻ long-trọng đặc-sắc, xưa nay chưa từng thấy. Đó chẳng phải là chính-phủ Bảo-hộ muốn bày-tỏ một cách thật rõ ràng rằng : Ở nước An-Nam cũng như ở khắp các nước khác trong năm châu, nay đã tới « cái giờ của thanh-niên », cái thời-khắc thanh-niên được hoạt-động, được dùng tay vào việc xã-hội, việc quốc-gia đó hay sao ?

Ở nước nào cũng vậy, ở thời-đại nào cũng vậy, không sao tránh được cuộc xung-đột giữa « dĩ-vãng » và « tương-lai », giữa cái thế-lực của phái muốn bảo-thủ và cái phong-trào thanh-niên muốn tiến. Ở nước Nam ta, sự xung-đột ấy đã vẽ thành một bức tranh có nhiều nét đan lòng cho người quan-sát, bởi vì phái *cũ* và phái *mới*, kể tuổi thì cách nhau chỉ vài mươi năm mà kể chí-hướng và tinh-thần thì cách nhau quá xa.

Một đời trước, ta thấy hình như cái khuynh-hướng « tồn-cổ » mạnh hơn cái khuynh-hướng cầu « tân ». Một đó trước, những ai hay tuyên-bố hoặc chịu giả-mạo cái tấm lòng kính mến hết thảy những gì là « Cổ Việt-Nam », ấy là những người được tiếng là hợp-thời. Cái thái-độ mến « Cổ Việt-Nam » kể ra cũng có vẻ khả-quan lắm, cho nên đã khiến cho nhiều nhà chính-trị theo về khuynh-hướng đó. Cái thái-độ ấy, lại không phải là mười phần trái-ngược cả mười, vì dẫu cho tiến-hóa, cũng phải tuần-tự như tiến ; đi đường, có từng độ-đường ; ai dễ « nhảy vọt » qua mấy độ đường được du ?

Song trọng quốc-túy không phải là cứ một mực phục hết thảy những cái gì gọi là quốc-túy ; phải mở mắt cho sáng, nhìn nhận cho rành rồi trong quốc-túy có những gì đối với đời nay chỉ là những đồ sống gửi sống nhờ, không có sinh-lực, không có ích-lợi gì, thì biết coi nó chỉ là những cái trở lực mà thôi.

Nguyện-vọng thanh-niên... Nguyện-vọng thanh-niên là những điều gì ? Tôi đã nói : Thanh-niên muốn tiến-bộ. .. Song hai chữ « *tiến-bộ* » là hai chữ cái nghĩa nó dễ bàn tán ra nhiều lối lắm

(1) Đọc Nam-Phong số 200 ngày 16 Juillet 1934.

Vậy trong vấn-đề cải-cách xã-hội và quốc-gia của người Việt-Nam ta giữa lúc này, thế nào là « *tiến-bộ* », ta phải nói rõ hơn.

« Thế nào là tiến-bộ » ? Các độc-giả xét những đoạn trên kia, tôi nói về nguyện-vọng dân quê, nguyện-vọng kỹ-lý, nguyện-vọng quan trường, cũng đã có thể hiểu hai chữ tiến-bộ đối với tôi có cái nghĩa thế nào. Nếu phải nói rõ ràng hơn, thì tôi không ngại gì những lời chỉ-trích và chế-nhạo vì rằng: chính tôi là thanh-niên, nay nói về thanh-niên, lập-luận sao khỏi thiên-lệch, mà xin nói rằng: tiến-bộ, nghĩa là trong khắp các giới, trong mọi trường hoạt-động phải nhường thật nhiều chỗ cho thanh-niên được hoạt-động. Trong hương-thôn, phải có nhiều thanh-niên làm tổng lý, kỳ-mục. Trong quan-trường, phải thêm nhiều các quan trẻ tuổi, đó chính là việc Chính-phủ muốn làm, và đang làm, đó chính là hợp với Thánh-ý, nhà vua Ngài đã ký đạo Dụ ở Dalat định sẽ mở kỳ thi kén chọn các quan mới. Duy có một điều về kỳ thi đó ta nên phân trần ra: có lẽ chương-trình thi hơi cao quá nếu những người sẽ được tuyển chỉ được làm chức tri-huyện. Một kỳ thi khó như thế, tưởng nên định rằng ai đỗ cao thì có thể được nhận ngay chức tri-phủ hay là chức quan tỉnh (bố-chánh) sau một thời-kỳ tập sự.

Những vấn-đề đó cũng chỉ là những vấn-đề riêng, giải-quyết theo cách nào, sẽ tùy ở cái phương-châm chung mà Chính-phủ định theo, định lấy làm gốc hết thảy các việc cải-cách trong chính-sách cai-trị nước Nam.

Mở đầu bài luận-thuyết này, tôi đã nói kỹ về cái tinh-thần thống-nhất, cái tinh-thần duy-nhất, tinh-thần hợp-nhất của quốc-gia, của dân-tộc ta. Những sự tình-cờ của lịch-sử tuy đã làm cho ba kỳ tới ba trình-độ khác nhau và có ba chính-sách khác nhau về phương-diện chính-trị và cai-trị, nhưng cái quốc-hồn An-Nam từ Nam chí Bắc vẫn có một mà thôi.

Thế cho nên người An-Nam dẫu sao cũng không ưng một cái chính-sách « cắt đứt » Nam-kỳ ra, rồi làm cho Bắc-kỳ đi lùi lại để cùng một trình-độ với Trung-kỳ, lập thành ra một nước « Trung-Bắc ».

Nói đến một chủ-nghĩa như vậy, ai nấy đều ngờ, đều e. Đó lại là một cái chứng cớ nữa rằng nước Nam ta là một quốc-gia đủ tư-cách, một quốc-gia muốn giữ vững sự thống-nhất, sự hợp-nhất của mình. Muốn hợp-nhất mà không phải mượn đến cách thoái-bộ,— vì thoái-bộ là một cách trái với lẽ tự-nhiên, không thể có được — muốn tiến-bộ mà hợp-nhất, sự tiến-bộ lấy mục-đích như sau này: làm sao cho cả ba kỳ đều tới cái trình-độ cao-nhất của cuộc tiến-hóa mà một xứ trong ba kỳ đã tới được về phương-diện cai-trị, xã-hội, kinh-tế; cái xứ phải lấy làm gương làm mẫu, đó là Nam-kỳ vậy.

Nói như thế tất có người hỏi rằng: « Chức-trách và địa-vị của Nam-triều trong một cuộc tiến-hóa lấy Nam-kỳ làm chuẩn-đích, sẽ ra sao? » Đối với câu hỏi ấy, tôi xin đáp rằng: Nam-triều vẫn có cái địa-vị tối-cao, chức-trách tối-trọng. Như quan Thống-sứ Bắc-kỳ THOLANCE đã nói, trong lời diễn-văn của Ngài đọc khi cử-hành lễ bái-khánh hồi Hoàng-đế ngự Bắc-tuần: « Nhắc lại cái giây liên-lạc dân ở dưới quyền Bảo-hộ với Chính-phủ Bảo-hộ, ấy tức là nhắc tới và mừng vì cái sự thân-thiện đó của dân Nam và Chính-phủ Bảo-hộ; sự thân-thiện này gồm sẵn

ở trong một lòng thành-thực tận-tụy với Nam-triều; vì Nam-triều và Pháp-quốc, không bao giờ là không khăng-khít với nhau mãi mãi. Nam-triều là tiêu-biểu cho quốc-hồn Nam-Việt, cho sự liên-lạc dĩ-vãng với tương-lai, cho sự dung-hợp ôn-hòa trong cuộc tiến-hóa. Pháp-quốc ở đất này, có cái thiên-chức làm tỉnh-thức và giữ gìn cái tấm lòng yêu tiến-hóa, cái tấm lòng ước-mong và quyết-định đi tới những kết-quả cần phải có».

Trước-khi kết-luận, ta lại cần phải nói rõ rằng: trong việc giáo-dục thanh-niên, chớ nên sợ rằng thanh-niên sẽ quá tiêm-nhiễm Âu-hóa, sẽ vì Tây-học mà hóa ra vong-bản.

Mở ngay ở Hà-nội một trường Cao-Đẳng kiêm bị về Luật-học, về Y-học để cho học-sinh ít phải sang tận nước Pháp đó thật là một điều hay, ta nên ơn quan Toàn-quyền Pasquier; nhưng nếu vì muốn bênh-vực các trường ở thuộc-địa có sẵn, mà đến nỗi làm khó-khăn cho sự xuất-dương du-học của thanh-niên An-Nam thì đó là một cái nhầm lớn. Những thanh-niên An-Nam ai có đủ tiền và có trí xuất-dương, — mà cả đến ai chỉ có trí có tài, — mà thiếu đồng tiền, — đều nên giúp đỡ cho người ta sang Pháp.

Vậy nhiều học-sinh An-Nam sang Pháp quá, mà muốn «hãm» bớt cái phong-trào ấy, vì trong bọn xuất-dương nhiều người thực không cần phải sang Pháp mà sang rồi chỉ thêm hại, — đó là một mục-đích chánh-đáng.— Nhưng «hãm bớt» mà thôi, chứ ngăn hẳn thì không nên.

Nhiều người nói rằng thanh-niên An-Nam sang Pháp rồi khi về chỉ có những tư-tưởng phương ngại đến trật-tự xã-hội.

Nhưng nếu quả có thế, biết đâu chẳng tại lỗi cái trật-tự không thích-hợp với hoàn-cảnh mới, một cái trật-tự cần phải đổi thay, những nền-nếp cũ cần phải mềm-mại hơn, sáng-sủa hơn, thành-thực hơn xưa.

Trong những người du-học về, hẳn cũng có nhiều người chưa biết thu-thái những cái hay của Âu-hóa; nhưng xét cái văn-minh cũ của ta, ta cũng phải công-nhận rằng có nhiều điều bây giờ không thích-hợp nữa, cần phải mượn văn-hóa mới làm cho những cái đó đừng có hại đến cuộc tiến-bộ của ta.

Vậy những người nào cho đi du-học, phải nên kén chọn cho kỹ, cho thật được nhân-tài; nhưng cũng cần phải cho thật nhiều nhân-tài được trực-tiếp với cái văn-minh Pháp, với cái văn-minh Âu-Tây.

Thanh-niên An-Nam, ai nấy đều ước-ao được sang tới đất nước Pháp-Lan. Điều ấy kẻ lấy làm khen người lấy làm chê, kẻ lấy làm mừng người lấy làm lo, nói đến dũ nhiều — Một phái thì e rằng bọn du-học xuất-dương càng nhiều thì mai sau càng có thể xảy ra cái nạn những người đi sau chẳng gìn giữ được cái tinh-thần của tổ-tiên một chút nào. Một phái thì tin vào cái bản-tính của giống nòi, mấy nghìn năm đã có kết thành thì dẫu cho đến bây giờ phải cả-quyết biến đổi để hợp thời, nhưng lẽ tất nhiên, biến-đổi nhưng vẫn không thể quên quốc-hồn quốc-túy không trái ngược với lịch-sử của giống nòi mình được.

Chúng tôi cùng một ý với những người ở phái sau đó.

Về vấn-đề thanh-niên du-học Pháp sau này sẽ lại xin bàn đến kỹ hơn.

HÁN THU

54

TÔN-GIÁO VỚI ÁI-TÌNH

■

Lòng tín-ngưỡng là riêng của cá-nhân, chứ không phải là chung của nhân-loại. Có người theo tôn-giáo, có người thờ chủ-nghĩa vô-thần.

Trong vấn-đề này, ta hãy bỏ cái thần-bí ra mà chỉ xét tôn-giáo về mặt triết-lý mà thôi

Ở đời, thường ai cũng có gặp cảnh trái lòng. Cảnh thuận thì ít, cảnh nghịch thì nhiều, chuyện vui thì ít mà chuyện buồn cứ mãi dồn-dập đến. Thân ta, ta không làm chủ được, dẫu cho một việc nhỏ-nhặt nào đi nữa. Từ cái quyền sinh, sát, cho đến cái chuyện ăn uống hằng ngày, không có gì ta muốn mà được, hoặc tránh mà khỏi. Mỗi mỗi đều hình như có một cái sức mạnh thiêng-liêng nó chủ-trương. cái sức mạnh ấy, ta cảm mà biết như thế, chứ ta cũng không bằng-cứ vào đâu mà thuyết-minh được, mà chỉ nó ra cho đích-xác, tách-bạch, hẳn-hoi cho mọi người đều thấy, biết. Ta phải tuân theo cái sức mạnh ấy, sức ta không bao giờ đương nổi với nó. Tác họa, hay tác-phước, là cái quyền tuyệt-đối của nó.

Thành-thử, mỗi lần ta bị thất-bại trong một việc gì, việc mà trước khi đem ra thực-hành, ta đã nhiều suy-nghĩ kỹ-càng, đã nắm chắc trong tay cái kết-quả mĩ-mãn thì ta thất-vọng lắm. Rồi cái thất-vọng ấy cho ta tấm lòng sợ-sệt. Tấm thân mỏng-mảnh yếu-đuối của ta như đã bị chi-phối trong cái vũ-trụ mạnh bạo lớn-lao kia. Tấm lòng sợ-sệt ấy mới phát-sinh ra lòng tin-tưởng. Ta tin rằng, trên cõi đời này, có một đấng toàn-năng, toàn-trí, làm chúa-tể cả vạn-vật. Đấng ấy cầm trọn cái quyền gì thuộc về ta. Cũng vì như ta là một chiếc xe, mà đấng ấy là anh vặn máy, muốn sai-sử ta thế nào, ta cũng phải theo cả. Một lần ta đã nghĩ đến như thế, ta càng sợ-sệt thêm. Ta càng tưởng-tượng rằng đấng ấy có những phép mầu-nhiệm, thần-thông quảng-đại vô-cùng, để dành trói buộc ta vào vòng khốn-khổ, mỗi lần mà ta ráng kiếm thế mà trái với cái mệnh-lệnh uy-nghiêm của đấng ấy.

Rồi cũng mường-tượng như một đứa trẻ sợ người lớn, ta đã biết chắc thân ta, đời ta, đã không còn ý-nghĩa gì hết, đối với đấng ấy, ta chỉ còn có một cách là chịu thua. Ta phải đầu lụy phục-tùng, để cho đấng ấy rủ lòng thương xót đến tấm thân bất-tài hèn-yếu của ta, tác-phước, tác-ân cho ta nhờ. Lòng ta mỗi khi có một việc gì, khi vui cũng như khi buồn, khi hoạn-nạn cũng như khi hoan-hỉ, đều có đấng ấy can-dự chứng-giám cho. Có thế ta mới còn gan dạ, còn an-ổn, còn muốn sống mà ở đời. Thân ta, đã có người chủ-trương cầm cốt cho thì ta còn gì mà lo, còn gì mà sợ, còn điều gì nữa mà ngờ, mà không mạnh bạo hăng hái bước mau trên đường cảnh-ngộ, dẫu là con đường chông gai lắt-léo. Cái lòng tin-ngưỡng nẩy sinh từ đó. Ban sơ, là ta tưởng-tượng ra như thế, để tự ta an-ủi lấy ta. Rồi lần lần vì quá tin-tưởng mà ta quên cái nguyên-nhân và quên đó là cái phương-tiện để giúp cho ta sống ở

đời, ta mới vượt vòng triết-lý mà qua tới cõi thần-bí. Ta cứ tin-tưởng rằng duy chỉ có một đấng mà ta đang tôn-sùng tín-ngưỡng đây là linh-thiêng, là huyền-diệu, đủ tài, đủ trí mà cứu khổ, cứu nạn cho mọi người. Ta quên rằng cũng còn có kẻ khác, kẻ chung quanh ta, kẻ đã bị đau khổ như ta cũng đang tưởng-tượng như ta : cũng có một đấng chí-tôn riêng cho họ, như ta vậy. Ta khoe-khoang binh-vực vị thần-linh của ta, người khác khoe-khoang, binh-vực vị thần-linh của họ, mà cả hai cũng vì muốn cho người ta theo mình được tiêu tai, thoát khổ. Sở-dĩ thế mà có nhiều tôn-giáo, và có phe đảng trong tôn-giáo. Rồi ta mới sinh ra lòng tư-kỷ, cái lòng ấy nó giục ta, bảo ta, không dung được những người nào khác tôn-giáo với ta, hoặc những người sống trơ-trọi vô-thần. Ta biệt-lập ra một thế-giới riêng, ta sống trong cái cõi hư-vô mầu-nhiệm của đấng chí-tôn ta cai-trị, ta chỉ có biết, có thương những người nào cùng một tôn-giáo với ta, Ấy cái lòng tư kỷ hẹp-hòi ấy nó đã sinh ra biết bao là điều khốc-hại giữa tôn-giáo với nhau và lẫn cả người ngoại-giáo nữa. Cái kết-quả gieo chanh rắc ớt đó những ai là người có đọc qua lịch-sử nhân-loại đều nhận thấy cả.

Đây ta chỉ xét về một phương-diện rất thường, là cái ảnh-hưởng của tôn-giáo đối với ái-tình, và cái kết-quả của nó đối với thời-thế ngày nay.

■

Ta đã nói, bởi cái lòng tư-kỷ nhỏ-nhen kia, mà ta không dung được người nào khác tôn-giáo với ta, hoặc kẻ thờ chủ-nghĩa vô-thần. Ta không dung được, nghĩa là ta không sao ăn chung ở lọn với họ được. Thì lẽ tự-nhiên là ta không sao thương yêu mà lấy làm vợ làm chồng được. Mà dầu ta có thương đi nữa, thì cái luật-lệ gắt-gao của tôn-giáo cũng ngăn-cấm ta. Nhưng trước thì thế. Nay thì có khác và có lẽ từ đây càng ngày càng khác. Đời nay là đời cá-nhân chủ-nghĩa thịnh-hành. Ở đời, ta lo tìm cái khoái-lạc cái hạnh-phúc cho thân ta là đủ. Cá-nhân hạnh-phúc là cần.

Như trên ta đã nói, lòng tín-ngưỡng là riêng của cá-nhân, mà lòng thương yêu mới thực là chung của nhân-loại, Đời ta, ta có thể không tín-ngưỡng được, chớ ta không thể không thương yêu được. Ta tín-ngưỡng là ta muốn tìm cái hạnh-phúc trong tôn-giáo. Ta thương yêu là ta muốn tìm cái hạnh-phúc trong ái-tình. Cũng là con đường hạnh-phúc cả. Nhưng lâm-thời, ta có thể bỏ đạo này theo đạo khác được, hoặc là bỏ hẳn, không theo đạo nào cả cũng được. Duy lòng ta, một lần đã thương yêu, thì không sao mà dứt bỏ cho được.

Ta có thể tin và quyết rằng ái-tình mạnh hơn tôn-giáo. Ta tin như thế, là nhờ ở sự kinh-nghiệm hằng ngày ta thấy, hay là ở cái lý-trí phán-đoán cho ta biết. Cái lòng tín-ngưỡng là tin ở một sự huyền-ảo mơ-màng không có bằng-cớ thực-nghiệm. Ta tin ở tôn-giáo là một cách để ta ở đời cho được an-ổn, cho có nghị-lực, sau khi mà ta đã bị nhiều thất-vọng ê-chề, chán-nản trên cõi đời, và ta không còn ai để an-ủi, dỗ-dành khuyên-lơn hay là giúp-đập ta nữa. Nay vì như trong lúc vắng vẻ, bơ-vơ ấy, mà có ai cho ta một lời tâm-sự thành-thực thì đủ cho ta vui vẻ mà sống ở đời ngay, khỏi cần cầu-cứu ở đấng chí-tôn, hay tự an-ủi dỗ-dành trong khuôn thần-bí. Ta tin ở tôn-

giáo, ta ví cái tôn-giáo như là cái kho năng-lực của ta. Cái kho ấy cho ta mãi mãi cái năng-lực để phấn-đấu với đời. Ta chửa chán đời hẳn, mà ngay kiếp này, ta muốn tu cho tấm linh-hồn ta được trong sạch mát-mẻ, cho lai-sinh được thảnh-thơi sung-sướng. Ta sống với người trong xã-hội đương-thời, chỉ ta còn muốn hoạt-động mãi. Vậy thì cái gì cho ta cái sức hoạt-động được, thì ta cứ tìm cái sức ấy. Ta gặp ngay cái sức ấy trong ái tình. Có bằng-cớ hiển nhiên cho ta thấy rõ.

Sinh ra, đến tuổi trưởng-thành, trai gái đều biết yêu nhau. Cái lòng yêu tự-nhiên có của nhân-loại. Cái lòng tín-ngưỡng chẳng phải là tự-nhiên mà có, mà chính là của ta rước lấy, tìm lấy, trong khi ta chán-nản, hay cũng có khi vì ta bắt chước theo người khác.

Có người tất có ái-tình. Thì ái-tình đối với người, nào phải đâu là không có quan-hệ mật-thiết, như nước đối với cây. Có cây, phải có nước. Không nước, cây không sống được. Mà dầu có sống đi nữa thì cũng là sống một cách khô-khan, cằn-cộc, bịnh-hoạn yếu đuối. Người âu cũng thế. Sống được mạnh-mẽ vui-vẻ là còn ái-tình. Không ái-tình, dầu có sống đi nữa thì cũng là một cái đời ủ-rũ buồn rầu. Cái gì tự-nhiên thì bao giờ cũng mạnh. Vậy thì ái-tình phải gần ta hơn tôn-giáo, phải sinh ra trong lòng ta trước hơn là khi ta có cái quan-niệm về tôn-giáo. Vậy thì cái nguyên động-lực thứ nhất cho ta sống ở đời là ái-tình, mà cái nguyên động-lực thứ hai mới là tôn-giáo. Cái thứ nhất là tự-nhiên ta có, ta phải có. Cái thứ nhì, ta có hay là không có nữa cũng nên. Như thế thì có lẽ nào mà ta để cho cái tôn-giáo đàn-áp ái-tình, và không còn để cho ta cái quyền tự-do thương yêu.

Ta đã yêu ai, và ta đã được ai yêu lại, thế là đủ cho ta sống, sống một cách mạnh-mẽ hăng-hái. Ta còn người yêu, thì ta còn muốn hoạt-động, còn muốn phấn-đấu, tranh dành. Ta cùng người yêu, nương nhờ nhau, ảnh-hưởng nhau, mà chia vui, xẻ buồn cùng nhau.

Nếu ta ví cái tôn-giáo của ta như một cái nhà thương, để dành cho mỗi khi bệnh-hoạn ta vào đấy chữa trị, và ví ái-tình là hoàn thuốc để ta cầm cho khỏi các bệnh-tật, thì ta sẽ chọn lấy bên nào? Tất-nhiên là ta cầm hoàn thuốc vậy! Phương chi tôn-giáo là vô-hình mà ái-tình ta có thể cho là hữu-hình được: người yêu của ta chính là cái hình-dung của ái-tình đó vậy.

Nếu ta hiểu tôn-giáo về phương diện triết-lý, đừng để cho ta phải bị bó-buộc dưới cái luật-lệ thần-quyền, thì cái vòng chật-hẹp nhỏ-nhen, ích-kỷ của tôn-giáo không còn nữa. Dường ấy ta có thể đang thờ đạo này mà ta yêu một người khác đạo với ta, hay là một người không có đạo gì cả.

Mục-đích ở đời là tìm cái sung-sướng, thì cái gì cho ta thỏa-thích, sung-sướng, hởi dạ vui lòng được là đủ cho ta rồi. Phương-chi thời-đại này là thời-đại cá-nhân chủ-nghĩa. Cái gì cũng là riêng cho một người. Ai cũng tìm cái sướng, cái vui, thì cái cá-nhân hạnh-phúc rất cần, cần trước hết cả. Vậy thì cái vòng rào của tôn-giáo làm ngăn trở cái ái-tình của người đời, có lẽ rồi đây cũng phải bị lung-lay mà đổ nát.

Lễ đại-phối của đức Bảo-đại hôm 20 Mars vừa rồi, rất có ý-nghĩa hay về « tôn-giáo với ái-tình » và sau này rất có ảnh-hưởng sâu-xa về thời-thế, và trong cuộc đời tình-ái của mỗi người.

TRÚC-PHONG

(Học-trò trường Trí-đức học-xá Hà-tiên)

THÌ RA ÔNG TỨ-LY PHÙ ĐẠO KHỔNG

Phong-hóa số 108 ra ngày 27-7-1934, ông Tứ-Ly đã trả lời bài « Dịch và giải lại câu sách *Luận-ngữ* cho báo Phong-Hóa » của tôi trong Nam-Phong số 199.

Xem bài đáp thì Tứ-Ly là quí-tính đại-danh chứ không phải là hiệu. Thế mà nhiều người cứ lầm. Vâng thì ngài là Tứ-Ly.

Bài ấy ông Tứ-Ly cãi hết mọi lẽ của tôi, ông biện-nạn có nhiều khoản lầm, nếu trả lời cả vào một bài này thì dài quá. Vậy bẵng xin trích mấy khoản yếu-cần phúc-đáp trước, còn xin để bài sau.

1

Bài ấy, đề là « Nhà Nho tương-lai », ông Tứ-Ly lấy chữ trong bức họa « Bàn văn luận đạo » của tôi. Vì tôi tin thuyết «*Đời không có kim*», ông Tứ-Ly cho rằng không có kim thì không có ông Nguyễn Trọng-Thuật, bèn gọi tôi là *nhà Nho tương-lai*. Nhưng ông Tứ-Ly lầm, cái « Nguyễn Trọng-Thuật » với cái « kim » hai cái nó khác hẳn nhau kia mà, đã có lời biện-luận rõ dưới này, xin xem sẽ tường.

2

Bài của tôi có chua mấy tiếng Pháp, ông Tứ-Ly nói : « Người biết ít nhiều chữ Nho thì hay dẫn điển Tây, biết chữ Tây lại hay dẫn điển Tàu, làm ra vẻ thông-thái hoàn-toàn ». Tôi tưởng như thế cũng là vì sự tiến-hóa, sự nhu-yếu trong cõi học, bắt buộc người ta không thiệp-liệp không được. Miễn là đừng dẫn sai, dẫn nhảm thì thôi. Ấy thế mà chính trong bài « Nhà Nho tương-lai », ông Tứ-Ly lại dẫn đầy cả những chữ Pháp chữ Hán, nhất là chữ Hán viết bằng vần quốc-ngữ mà từng đoạn dài thê-thê. Chưa nói những chỗ dẫn ấy đúng hay không thế nào, nhưng xem đó thì có lẽ ông này mới chính-thức là hoàn-toàn biết cả hai thứ chữ, có môn-bài được độc-quyền dẫn đến hai thứ chữ đó.

3

1.— Nguyên-văn đoạn trên bài trong mục « Bàn ngang » ở Phong Hóa số 98, ông Tứ-Ly viết :

« Hôm nọ tôi lên cầu sông Cái hóng « mát, nhân ngắm dòng nước chảy lại « nhớ đến đức Khổng ngày xưa, buột « mồm mà than rằng :

« Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ ».

(Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi).

Cứ văn-thế của chỗ tự-sự ấy như thế, tôi bảo hai chữ « *buột mồm* » là ông chỉ về Khổng-tử. Nay ông Tứ-Ly cãi rằng đã có cái dấu phẩy ngăn đi thì hai chữ « *buột mồm* » ấy không phải là chỉ về Khổng-tử, tức là chỉ về ông. Thế nhưng lời than ấy vốn của Khổng-tử đã vì cái cảnh nước chảy cũng giống như chỗ ông đứng mà than ra, chứ không phải là lời than mới của ông, thì hai chữ « *buột mồm* » ở đấy không về Khổng-tử còn về ai được. Cái dấu phẩy ấy của ông nó chỉ

bớt đi cho ông được khỏi phải dùng chữ « *Ngài* » để nối hai phần câu chỗ ấy lại mà thôi.

Ông Tứ-Ly có dẫn một câu tiếng Pháp như: *Le maire dit: l'inspecteur est un âne* (ông Lý bảo ông Thanh-tra là con lừa). Đến khi thêm hai dấu phẩy vào thì phản-nghĩa đi: *Le maire, dit l'inspecteur, est un âne* (ông Lý, ông Thanh-tra bảo thế, là một con lừa).

Song cứ xem ông tỉ-dụ đấy, thì ở câu tiếng Pháp chỉ thêm hai dấu phẩy mà làm phản được nghĩa đi; còn ở câu tiếng ta thì phải thêm chữ và đặt lại một phần câu mới khác được nghĩa đi kia mà. Vậy cứ như câu tiếng ta: « Ông Lý bảo ông Thanh-tra là con lừa », mà đừng đặt lại và thêm gì, tôi đố ông Tứ-Ly dùng đến bao nhiêu dấu phẩy mà phản được nghĩa đi. Vì mỗi thứ tiếng, cách nói một khác.

Như vậy, ông Tứ-Ly muốn bắt-chước nhại lại lời than của người xưa vì cảm một điều trông thấy ở một chỗ cũng như chỗ ông bây giờ, thì đoạn tự-sự ấy ít ra phải thêm hai chữ « lời » và « cũng » vào như thế này:

«... nhớ lại lời đức Khổng khi xưa, « buột mồm mà « cũng » than rằng: « Thệ giả như tư... »

Như thế thì hai chữ « *buột mồm* » mới là chỉ về ông được. Mới là ông than lại lời than của Khổng-tử được. Bằng không có hai chữ ấy thì chỗ ấy chỉ là Khổng-tử than mà thôi. Văn-lý rõ rành-rành ra đấy, không phải là tôi cãi cố. Ông bảo tôi « tùng-bê » vào chỗ lầm... lầm bùn, thì chính là tại cái bút... bút của ông kéo tràn đi.

4

Ông Tứ-Ly dịch: « Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ » ra: « Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi ». Rồi ông phê một cách trào-phúng rằng: «... có thánh-nhân mới phát-minh ra rằng nước sông cứ chảy hoài... cho đến lúc cạn ».

Vì thế tôi bảo, tại ông cho chữ « *thệ* 逝 là *chảy* (nước) mà dịch như thế là lầm. Chính hai chữ « *thệ-giả* » ở đấy nó chỉ về sự biến-hóa của vạn-vật, mà nghĩa đều là « những việc đang đi qua ». Nhưng nay ông Tứ-Ly không chịu, lẽ cố-nhiên. Ông nói đại-khái cứ dịch như ông mà hiểu nghĩa bóng cũng được. Nhưng nghĩa bóng là nghĩa không chắc, bất-đắc-dĩ. Đằng này câu « *thệ-giả* » nó tự lộn nghĩa tỉ-dụ rồi kia mà. Vậy xin xem lại chỗ ấy trong bài của tôi trước (*Nam-Phong* số 199).

5

Ông Tứ-Ly cho rằng tôi dịch chữ « 夫 *phù* » trong câu « *thệ-giả* » ra là « *chăng* » là không phải. Ông có cử ra hai câu « 夫夫也 » và « 命矣夫 » để vặn tôi mà tỏ ra những chữ « 夫 » ấy như thế thì có là « *chăng* » đâu.

Nhưng chính chữ « 夫 *phù* » trợ-từ ở gót câu trong sách *Luận-ngữ* như: « 命矣夫 **mệnh hĩ phù** » « 有矣夫 **hữu hĩ phù** » đều là ý chưa quyết hết: « Vậy ôi? dư? chăng? » cả. Xin ông xem lại. Còn ông dẫn như 夫夫也, 命矣夫 thì hình như ông vội-vàng nên lầm chữ nọ ra chữ kia thế nào ấy. Xin để ông tự cải-chính lấy.

6

Ông Tứ-Ly không nhận cái nghĩa « *Đời không có kim* » của HÉRACLITE mà tôi đã dẫn để chứng với cái nghĩa *Thệ giả...* ». Ông Tứ-Ly nói: «... cho dẫn đến mười HÉRACLITE ra, tôi, ông và mọi người vẫn tin rằng có hiện-tại, có tôi, có ông, có ông Nguyễn Trọng-

Thuật »: Thế thì triết-lý của ông Tứ-Ly hách thật, chấp mười HÉRACLITE. Nhưng có lẽ nóng-nẩy chăng? Thành ông nói gà bà nói vịt chăng?

HÉRACLITE nói « *đời không có kim* » là chỉ về nghĩa présent của thời-gian, còn ông Tứ-Ly nói có ông có tôi thì nó thuộc về nghĩa existence của không-gian kia mà. Về không-gian thì tôi (Nguyễn Trọng-Thuật), ông, mọi người, địa-cầu, các vì sao, đều là có cả chứ sao lại không. Còn như thời-gian thì nó liên-miên dằng-dặc, không có đầu đuôi gì. Tuy người ta có phân ba tên: quá-khứ (*Passé*), hiện-kim (*Présent*) và tương-lai (*Futur*), để đánh dấu từng quãng mà gọi tạm đó thôi, chứ thực thì nó vẫn không nhất-định. Ấy thế rồi, sự-vật (như ông, tôi) cứ phải theo nó mà biến-đổi luôn mà khác đi, như ý ông đã giải cho câu «thệ-giả» đó. Nó đã biến-đổi mà biến-đổi luôn thì còn ngừng lại lúc nào mà còn có thành, có kim. Cho nên đứng cố-chấp cho hễ cái gì là kim thì là toàn-mĩ mà giữ mãi. HÉRACLITE còn nói: « *Vừa bảo việc này là kim thì kim ấy đã cổ rồi. Vả xét cho tinh, không những cái thời-gian của lời nói, mà đến cái sự đang nghĩ, mình cho thế là kim, thì nó cũng lướt qua ngang đi rồi* ».

Còn như Khổng-tử thì cũng nói: « *Thầy Hồi này vừa biết ra là mới mà chớp mắt nó đã cũ rồi.* 回也見新, 交臂已故 ». Vì thế Khổng-tử đối với việc đời không cố-chấp mà nói: « *Biến-thông là để cho kịp với thời* 變通者趨時者也 ». Thế là ý Khổng-tử cũng nhận đời «*không có kim*».

Khổng-tử khuyên đời biến-thông mà đời không biến-thông thì có phải là tội tại Khổng-tử đâu.

Ông Tứ-Ly bảo tôi không dẫn lời khác của Khổng-tử mà cũng ý không có kim để ông rõ. Thì đây tôi dẫn đấy. Nhưng đó là do ông Nghiêm-Phục bên Tàu dẫn vào sách «*Thiên-diễn-luận*» mà người ta đã công-nhận rồi, chứ không phải là tôi tự biết được như thế.

7

Cuối bài, ông Tứ-Ly viết cái đầu-đề rằng: «**Thuyết thiên-diễn với đức Khổng**», rồi ông nhắc lại lời ông đã giải nghĩa cho câu «thệ-giả» ở bài trước:

« *Ý Phu-tử cho sự-vật biến đổi luôn* »

Lấy lương-tâm thờ sự thực, tôi xin phục ông Tứ-Ly giải thế là đúng. Đúng với nghĩa câu «thệ-giả», với nghĩa thiên-diễn ở cái đề trên ấy. Vậy bỏ lời phê đi mà nhận lời giải nghĩa ấy, thì ra ông Tứ-Ly lại là « bàn dọc » chứ không phải là «bàn ngang». Ông cho tư-tưởng Khổng-tử là tư tưởng thiên-diễn, sự-vật biến-đổi luôn, thế thì đạo Khổng lại cũng còn nhiều chỗ còn hợp-thời. Thế thì ra ông này lại chính là một viên kiện-tướng ở trong báo Phong-hóa mà phủ đạo Khổng, công-nhiên phản-đối với Tự-lực Văn-đoàn đang làm việc bài-trừ đạo Khổng.

Nguyễn Trọng-Thuật

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ CHIÊM-THÀNH

Quốc-hiệu Chiêm-thành 占城 thuở trước gọi là Hồ-tôn, thống-thuộc bộ Việt-thường-thị 越裳氏, vào đời nhà Tần, đổi tên là Lâm-ấp 林邑, thuộc quận Tượng-quận 象郡, sang đời Hán gọi là huyện Tượng-lâm 象林, thuộc quận Nhật-nam 日南.

Đến đời Thuận-đế Hậu-Hán, niên-hiệu Vĩnh-hòa thứ 2 (137) người quận ấy tên là Khu-Liên 區連 giết ông Huyện Tượng-lâm, chiếm-cứ lấy đất, bắt đầu tự xưng vua Lâm-ấp, truyền được vài đời, không có con nối, vì thế cháu ngoại là Phạm Dật 范逸 được kế lên trị-vì. Sau khi Phạm Dật chết, người gia-nô là Phạm-Văn 范文 cướp ngôi, kiêm-tính cả nước láng-diềng, khu-vực của nước Lâm-ấp mới lớn dần thêm ra, thống-quản được 38 châu. (Phạm-Văn là gia-nô của Phạm-Dật, thường đi chăn dê, chợt bắt được con cá chép ở khe, bỗng chốc con cá ấy hóa ra tấm sắt, dùng rèn làm thành con dao, ông Phạm-Văn ngửa mặt lên trời khấn rằng: « Nếu con dao này chém đá mà đá vỡ tan ra được thì ta có thể làm vua trong nước ». Rồi ông chém vào đá thì đá vỡ ngay, ông mới lấy làm kinh-dị, từ đó ông cướp ngôi họ Phạm và đánh phá những nước lân-cận).

Đời Mục-đế nhà Tấn, niên-hiệu Vĩnh-hòa thứ 3 (347) Phạm-Văn đem quân đánh hãm quận Nhật-nam, chiếm-cứ đất ấy rồi yêu-cầu với Thứ-sử Giao-châu là Chu-Phồn để lấy núi Hoành-sơn về phía bắc quận Nhật-nam làm quốc-giới, nhưng Chu-Phồn không thuận cho. Đến hồi Phạm-Văn chết, con tên là Phật lên nối ngôi, vẫn cứ đồn-trú ở Nhật-nam, sau phải Thái-thú quận Cửu-chân là Quán-Toại đánh đuổi đi, rồi lại trở về Lâm-ấp.

Niên-hiệu Nghĩa-hi thứ 9 (413) vua Lâm-ấp là Phạm Hồ-Đạt 范胡達 cướp phá quận Cửu-chân, quan Thứ-sử Giao-châu là Tuệ-Độ đánh giết mất.

Trong khoảng niên-hiệu Nguyên-gia nhà Tống, vua Lâm-ấp Phạm Dương-Mại 范陽邁 sai sứ sang Tàu cống-hiến cầu lĩnh đất Giao-châu, nhà Tống không cho, vua Lâm-ấp lại cướp phá như trước.

Nhà Tống sai bọn Đàn Hòa-Chi và Tôn-Xát sang đánh, Dương-Mại thua chạy, chỉ trốn thoát được một mình.

Đến đời Phạm Lập-Chí 范立志 cướp phá quận Nhật-nam, vào niên-hiệu Đại-nghiệp nguyên-niên triều Dưỡng-đế nhà Tùy (605) sai quan Tổng-quản Hoàng-châu là Lưu-Phương đem quân đến đánh, quân đi qua sông Đồ-lê rồi từ chỗ Đồng-trụ tiến vào hết tám ngày mới đến quốc-đô Lâm-ấp, vừa vào thành, lấy được 18 hình người đúc bằng vàng, nghĩa là biểu chứng đã trải 18 đời vua vậy.

Từ đó Lâm-ấp phải thống-thuộc vào nhà Tùy, nhà Tùy mới chia ra Tỷ-cảnh, Hải-âm, Lâm-ấp làm ba quận.

Đời Đường cải Lâm-ấp làm Lâm-châu, Tỷ-cảnh làm Cảnh-châu, Hải-

âm làm Sơn-châu. Đến niên-hiệu Trinh-quán thứ 2 (629) châu Phạm-Chí là Phạm Đầu-Lê 范頭黎 phục-quốc lại, bèn sai sứ sang cống châu-báu và chim anh-võ ngũ-sắc với thông-thiên-tê-giác.

Đầu-Lê chết, con là Trấn-Long nối ngôi, không bao lâu bị bọn Ma-Kha-Mạng giết chết, người trong nước lập châu Đầu-Lê là Gia-Cát-Địa lên làm vua, hiệu là «Hoàn-vương 環王».

Đầu niên-hiệu Nguyên-hòa (806) cướp phá châu Hoan, châu Ái, quan Đô-hộ An-Nam là Trương-Chu đánh phá tan-nát cả, mới phải lìa bỏ Lâm-ấp mà dời sang đất Chiêm, quốc-hiệu là Chiêm-thành.

Năm đầu niên-hiệu Hiển-đức nhà Chu (954), vua Chiêm-thành là Thích-Lợi sai sứ sang cống-hiến. Đến niên-hiệu Càn-đức về triều Tống, cũng có sai sứ sang Tàu.

Vào khoảng triều Đinh nước Việt ta lập-quốc, Chiêm-thành đến lấn cướp tại động Hoa-lư, vừa đi ngang qua cửa bể Đại-gia, gặp phải gió bão, quan quân chạy tán-loạn cả, sau lại bắt bọn sứ-thần nhà Lê mà giam-cấm. Vua Đại-Hành tự đem quân đến đánh, giết chết tướng Chiêm ở trận rồi phá tan thành nước ấy.

Đầu đời Lý, Chiêm-thành lại đến lấn cướp. Đến năm Thánh-võ nguyên-niên (1044), vua Thái-tôn đi thân-chinh Chiêm-thành, vua Chiêm là Sạ-Đầu bày trận-tuyến ở sông Bố-chính, vua Thái-tôn đốc quân giao-chiến, chém được Sạ-Đầu rồi quân nhà Lý kéo thẳng vào thành Phật-thệ, bắt cả vợ con tôi tớ của Sạ-Đầu hơn 4000 người đưa về cho ở trấn Vĩnh-khương với Đăng-châu (nay là Qui-hóa) phỏng theo cựu-hiệu Chiêm-thành mà đặt ra những làng này xóm khác.

Niên-hiệu Long-thoại thứ 2 (1055), vua Chiêm có sai sứ vào cống-hiến, sau lại trái mệnh vào cướp phá. Vua Thánh-tôn mới đi thân-chinh bắt sống được vua Chiêm-thành là Chế Củ đem về. Chế-Củ xin hiến Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính ba châu, để chuộc tội, vua Thánh-tôn mới tha cho trở về nước.

Niên-hiệu Thái-ninh thứ 4 về triều Nhân-tôn nhà Lý (1075) vua sai ông Lý Thường-Kiệt đi xem xét hình-thế ba châu kia rồi đổi tên Địa-lý là châu Lâm-bình, Bố-chính là châu Bố-chính, Ma-linh làm châu Minh-linh, mà chiêu-tập nhân-dân cho ở những châu ấy. Chế Củ chết, Chế-Ma-Na lập, rồi lấy lại ba châu mà ngày trước đã hiến cho triều Lý đó. Niên-hiệu Long-phù thứ 4 (1104) Lý Thường-Kiệt đem quân đánh, Ma-Na phải hiến-nạp lại ba châu kia cùng dâng các phương-vật khác nữa.

Về triều Thần-tôn, Chiêm-thành cùng với nước Chân-lạp cướp phá ở Nghệ-an, quan Thái-úy sở-tại đánh cho phải thua chạy.

Niên-hiệu Đại-định thứ 13 về triều Anh-tôn (1152) vua Chiêm-thành là Ung-minh-ta-diệp thân đến cửa khuyết xin vua nhà Lý phong cho làm quốc-vương, nhà vua sai quân đưa về nước, về đến nơi thì Chế-bì-la-nhĩ chống-cự giết mất. Sau vua Chiêm cứ cướp phá Nghệ-an mãi, thường dùng thuyền bè quân lính vào xâm-nhiễu dân-cư ở ven bể.

Vua Thái-tôn nhà Trần vừa lên ngôi, sai sứ-thần đến dụ thì vua Chiêm cũng có vào cống-hiến và xin trả lại đất cũ. Niên-hiệu Nguyên-phong thứ 2 (1252) vua Thái-tôn thân-chinh bắt

quốc-vương là Lũ-bố-gia-la và thần-thiếp đưa về nước ; trải đến triều Thánh-tôn, lệ cống-hiến không khi nào khuyết.

Niên-hiệu Hưng-long thứ 14 về triều Anh-tôn (1306) quốc-vương là Chế Mân sai sứ đến cầu-hôn rồi xin sẽ nạp 2 châu là châu Ô, châu Lý để thay làm sính-vật, vua Anh-tôn bèn ban gả cho công-chúa Huyền-Trân, rồi cải hai châu Ô, Lý làm Thuận, Hóa, chọn lựa người, đặt quan-chức để quản-trị, đến khi Chế Mân chết, vua nhà Trần lại dùng mưu chước mà đoạt bà Huyền-Trân về.

Đến sau, Chiêm-thành lại trái mệnh, vua Anh-tôn thân-chinh bắt Chế Chí đưa về phong cho làm vua Hiệu-thuận, lại lập người em là Chế đà-a-bà-niêm làm Á-hầu, khiến trấn-thủ lấy đất.

Niên-hiệu Thiệu-phong thứ 2 về triều Dụ-tôn (1342) Chế-a-nan chết, con rể là Trà-hòa-bố-đề đuổi thế-tử Chế-mỗ mà tự-lập. Chế-mỗ chạy vào cáo với vua Trần, vua sai đưa về nước, lục-quân tiến đến Cổ-lũy, thủy-quân tiến chưa kịp, bèn trở về, rồi Bố-đề cướp phá ở Hóa-châu. Năm Đại-trị thứ 9 (1366) lại cướp phá ở Lâm-bình, quan tri-phủ quận ấy chống-cự, vua Chiêm phải thua. Năm sau, khiến người tôi là Mục-Bà-Na đến xin biên-giới Hóa-châu lại. Vua Dụ-tôn sai Trần Thế-Hưng đến đánh, bị thua.

Niên-hiệu Thiệu-khánh thứ 2 về triều Nghệ-tôn (1371) nước Chiêm vào cướp phá đô-thành, niên-hiệu Long-khánh thứ 4 (1376) vua Duệ-tôn thân-chinh vừa đến cửa bể Thi-nại, động Ỷ-mang, Chế Bồng-Nga trá hàng rồi đón đánh, vua Duệ-tôn băng ở trận. Kế đó thường vào cướp phá ở Thanh, Nghệ, ba lần phạm đến đô-thành, vua nhà Trần phải ra ngoài lánh nạn.

Năm Quang-thái thứ 3 triều Thuận-tôn (1390) quan thượng-tướng Trần Khát-Chân đánh ở trận Hải-triều, tiếng súng phát ra long trời lở đất, Chế Bồng-Nga trúng phải đạn chết, bọn tướng-tá là La-Khải dẫn quân về giữ lấy nước tự-lập, con Bồng-Nga là Ma-Nô đã chạy đến cầu cứu, vua Trần phong cho tước hầu. La-Khải chết, con là Ba-Đích kế.

Hồ Hán-Thương cử đại-đội đến đánh, chém đại-tướng Chế Tá-Nang, Ba-Đích cả sợ, khiến người cậu là Bố-Điền vào cống-hiến mấy thớt voi mà hiến luôn những đất ở Chiêm-động, để xin lui quân.

Bố-Điền đến nơi, Hồ Hán-Thương hiếp khiến người Chiêm hiến-nạp luôn cả động Cổ-lũy, nhân đó chia đất làm Thăng-hoa, Tư-nghĩa bốn châu, đặt chức An-phủ-sứ Thăng-hoa-lộ để quản-trị, lại đặt thêm trấn Tân-ninh, dời dân đến ở.

Hai đời Hồ đã diệt rồi, Ba-Đích lại đến chiếm-cứ Thăng-hoa là nơi cố-địa, Ba-Đích lại chết, Bố-Đề kế.

Đến triều Lê Thái-tổ, nước Chiêm-thành thường sai sứ vào triều cống, Bố-Đề chết, Ma-A-Bôn-Cai kế, vào khoảng năm Thái-hòa (1446), đem hầu hết người trong nước đến cướp phá, vua Nhân-tôn sai ông Lê-Thọ dẫn 600.000 quân đến đánh thành Đồ-bàn, bắt Bôn-Cai về. Người trong nước lập châu Bố-Đề là Ma-A Qui-Do, bỏ tù Qui-Lai mà tự-lập, sai sứ vào cống phương-vật, vua Nhân-tôn khước đi không nhận, rồi sai sứ thần đến dụ và đòi trả những người lúc trước bị bắt.

Chiêm-thành mới giao lại bọn Trình Nguyên-Đĩnh là 70 người.

Không bao lâu người Thi-nại Ma-A-Ban-La Trà-Duyệt giết Qui-Do mà đoạt nước Chiêm, rồi truyền cho em là Bản-La-Trà-Đồng.

Năm đầu Hồng-đức (1470), Trà-Đồng dẫn quân bộ 100.000, toan vây-bọc Hóa-châu. Tin cáo-cấp đến, vua Thánh-tôn thân đem châu-sư 1000 chiếc ; tinh-binh 700.000 người, giết chết 40.000 người và bắt sống Trà-Đồng, lấy đất Chiêm-thành đặt ra Quảng-nam Thừa-tuyên và Thăng-hoa. Trà-Đồng đi đến sông Thiên-phái lo thẹn mà chết, vua truyền lệnh chém lấy đầu treo trên ngọn cờ và đề vào lá cờ: « Đầu tên nguyên-ác Chiêm-thành là Trà-Đồng ».

Trà-Đồng chết rồi, tướng Trà-Đồng là Bố-Trì chạy đến Phan-long, giữ lấy đất ấy tự xưng Chiêm-thành-chúa, quốc-giới năm phần chỉ còn một, sai sứ vào cống-hiến, vua Lê phong làm quốc-vương, lại phong hai vua kia là Hoa-anh và Nam-bàn là 3 nước để có ý cơ-mi, không được tự-do hành động.

Đến năm thứ 3, con Trà-Đồng là Trà-Toại làm phản, trốn vào núi, lại sai sứ sang Tàu cầu phong với vua Minh. Vua Thánh-tôn sai Lê Niệm đem quân đến đánh bắt Trà-Toại đem về giam ở cửa Bửu-khánh, gần 30 năm, Trà-Toại chết. Trong khoảng Cảnh-thống (1500) về triều Hiến-tôn, con Trà-Toại là Trà-Phước lấy trộm hài-cốt Trà-Toại về, lại sai sứ cầu viện với nhà Minh và dự-bị lương thuyền rất nhiều. Vua Uy-mục bèn sai Lý Tử-Vân vào Quảng-nam kinh-lý việc biên-thùy, rồi việc cầu viện của Trà-Phước lặng không nói đến.

(*Còn nữa*)

H. C. T.

Truyện ngắn

LẢI MỘT HỐA HAI

■

Những người hay đi vay nợ lãi ở vùng huyện Lâm, chắc không ai là không biết tiếng ông Hàn Trái. Ông ta thật được như câu ngạn-ngữ : « có gan làm giàu » cho nên trước kia bữa ăn không đủ mà trong mười năm trời nay, ông đã làm nên có đến hàng vạn.

Hồi ấy ông còn là một người lái trâu kiết, cứ đến ngày buổi chợ ông ra chỗ chợ trâu, thấy ai mà-cả mua trâu bò ông cũng nhảy vào mồi-chài mua tranh, nếu người kia có muốn mua con trâu ấy thì phải trả ông một hai đồng, ông buôn bán như thế tuy mỗi phiên chợ cũng kiếm được vài bốn đồng, nhưng lắm khi cũng phải đánh nhau chí mạng.

Có người thấy ông có tính liều-lĩnh và can-đảm, mới thuê ông đi mang thuốc phiện lậu.

Trong ba năm trời trèo non lặn suối, ông mới kiếm được cái vốn non nghìn bạc. Rồi nhân một chuyến người ta giao cho ông mang hơn ba nghìn bạc thuốc ông bèn quịt phăng cả, bảo là bị nhà Đoan bắt mất, rồi tự đấy trở về nhà quê xây nhà và xoay làm nghề cho vay lãi.

Ông cho vay một cách rất chắc-chắn : bắt những người đi vay phải viết văn-tự một gấp hai, và phải viết thế-chấp nhà cửa hay ruộng nương. Nếu đến hạn mà chưa trả được thì ông đi trình mà cầm ngay lấy. Bởi vậy, ông cho vay nhiều mà không bị khê mất món nào.

Trong tay đã sẵn đồng tiền mà chả lẽ ông cứ đeo mãi cái tên ông Lái, thì sợ cũng ê với đời, đã phú thì phải quí mới được chứ. Nghĩ vậy, ông bèn bỏ tiền ra mua quốc-trái, quyên ngay được cái hàm Hàn-lâm, nên người ta mới gọi ông là ông Hàn Trái.

Tuy đã được đeo mầu bài-ngà, nhưng nghĩ đến món tiền bỏ ra ông xót ruột lắm, phải tìm cách cho vay nặng lãi nữa lên, để gỡ lại số tiền ấy.

Vừa kéo lại đủ số tiền mua Hàn-lâm thì lại gặp ngay cái hồi thóc gạo xụt giá, công nợ khó đòi, ông liền ghim ngay tiền lại, chờ cho bao giờ thóc gạo lên giá rồi mới dám bỏ ra cho vay. Nhưng đã không cho vay thì tất trong nhà ông phải ăn tiêu vào vốn. Thấy vốn mỗi ngày một cụt dần đi, ông sợ nếu cứ ăn tiêu như thế mãi mà không làm được lợi ra, thì cái gia-tài của ông chả mấy lúc mà hết, ông liền phải thi-hành ngay cái chính-sách tiết-kiệm, nào đuổi bớt người ở về, nào bắt vợ con phải bớt ăn, bớt mặc, có cậu cả đương học ở Hà-nội, chỉ còn năm rưỡi nữa thì ra thi bằng Cao-đẳng tiểu-học Pháp việt, ông cũng bắt về, cho rằng đi học bây giờ dầu có đỗ-đạt gì thì cũng chỉ nằm xó thôi, chứ có được bổ đi làm ngay như trước dầu mà cần, học cho phí

tiền. Cậu cả nói với ông rằng đi học không phải chỉ cốt để kiếm việc làm, mà cần phải học cho biết đạo làm người. Nhưng ông không nghe bảo rằng đi học cốt để ra làm việc kiếm tiền, chứ học mà cốt để làm người thì cần gì phải học.

Thế là ông đã bớt được một món tiêu về cậu cả: nhưng còn các món tiêu khác trong nhà, ông không còn làm cách gì mà bớt được nữa, chả lẽ lại bắt vợ con ăn ngày một bữa, không ăn tiêu thì không được mà ăn tiêu thì tốn, rồi ông sinh ra gắt-gỏng, chửi vợ mắng con. Ròng-rã hơn một năm trời, ông chưa tìm được cách gì khác để làm cho đồng tiền của ông có thể sinh-sôi nảy-nở ra được, lấy làm lo lắm. Thì một hôm có người bạn cố-tri trước kia vẫn buôn bán thuốc phiện lậu với ông đến chơi, ông liền đem ý muốn của mình nói với bạn cùng bàn lấy một kế mưu-sinh chắc-chắn.

Ông bạn nghe chuyện rồi nói :

— Tôi cũng định đến kiến quan bác một kế đây. Kế này thì lợi lắm, lợi một gấp hai, nhưng bác phải giữ bí-mật lắm mới được. Tôi cũng vừa làm xong nhưng vì ít vốn nên vừa mới làm thì chỉ lợi được có ngót nghìn thôi.

Ông Hàn tưởng bạn nói đùa liền vừa cười vừa hỏi :

— Kế gì mà lợi lắm vậy? hay bác đùa tôi?

— Không, tôi không đùa bác đâu, chả lẽ chỗ anh em trước kia có lợi tu cùng hưởng, mà bây giờ tôi không mách bác thì sao cho phải, nhưng bác cần phải giữ bí-mật lắm mới được nhé.

— Bí-mật bằng mang thuốc phiện lậu chứ gì?

— Không, việc này lại cần phải bí-mật hơn kia.

— Vâng bác cứ bảo cho, tôi xin giữ bí-mật.

Ông bạn liếc mắt nhìn trước nhìn sau, đứng dậy đóng cái cửa xuống cầu thang gác lại rồi sẽ nói :

— Tôi có quen một bọn phù-thủy rất giỏi, có phép làm được cho bạc đồng một đồng hóa hai, nếu bác có muốn làm tôi xin giới-thiệu.

Ông Hàn mỉm cười :

— Làm gì lại có phép thế được.

Ông bạn nghiêm nét mặt nói :

— Nếu không thì tôi bảo bác làm gì

Ông Hàn vui mừng nói :

— Nếu có thể làm được thì tôi cũng làm.

— Sao lại không có thể, miễn là mình có bạc thì họ làm được.

— Thế còn công của họ ?

— Phải cho họ mười phần trăm.

— Vâng, xin bác bảo họ đến đây làm giùm tôi, rồi tôi sẽ tạ ơn bác.

Ông bạn nhận lời rồi về. Hôm sau đưa đến nhà ông Hàn hai người phù-thủy xách hai cái va-li đến. Một người gọi là thầy Cả, một người gọi là thầy Hai. Ông bạn bảo ông Hàn dọn riêng cho họ một cái nhà và đưa bạc cho họ làm. Dặn-dò chủ và bọn phù-thủy ở đấy, ông bạn lại trở về.

Nửa đêm hôm ấy, ông Hàn đưa cho thầy Cả hai trăm bạc. Thầy Cả bảo ông xếp bạc vào nồi và chỉ chỗ bảo thầy Hai đào cái lỗ. Khi ông xếp bạc xong rồi, thầy bỏ mấy cái bùa vào nồi, đứng lầm-bầm đọc thần-chú và giậm chân bắt quyết rồi bảo thầy Hai bỏ nồi xuống lỗ lấp đất đi. Xong đâu đấy rồi thầy mở va-li lấy ra mấy người mới

bằng gỗ cho ông Hàn xem và bảo rằng đấy là những binh-tướng của thầy sai làm bạc đấy. Lại dặn ông rằng phải giữ-gìn người nhà cho cẩn-thận. Nếu đêm hôm để ai nom-nhòm vào thì không những việc tiết-lộ mà bạc phải vía thì hỏng cả. Cho nên đến ông Hàn cũng tùy lúc họ cho vào xem mới được.

Sáng hôm sau, họ bảo ông rằng xong rồi nhưng còn đợi ba ngày thì bạc mới đủ tuổi.

Ba hôm sau họ gọi ông vào, người thầy Cả lại đứng đọc mấy câu thần-chú và lại giậm chân bắt quyết, rồi bảo ông đào lên, thì quả-nhiên thấy có bốn trăm bạc, đồng nào cũng giống và kêu y như bạc thường dùng. Ông mừng quá, sai người nhà cầm bạc ấy đi mua hàng, sang cả nhà Đoan mua thuốc phiện xem có ai chê-bai gì không, nhưng chẳng thấy ai bảo gì cả. Ông sướng quá bèn trả công cho họ bốn chục đồng và bảo họ về, nửa tháng nữa sẽ đến đúc cho ông một vạn. Rồi hai vợ chồng ông có bao nhiêu bạc giấy đem đổi hết lấy bạc đồng.

Y lời hẹn, nửa tháng sau hai người phù-thủy ấy đưa đến ba người nữa và ba cái va-li đồ. Ông Hàn vui-vẻ hỏi thầy Cả rằng :

— Một vạn làm một đêm có xong không ?

— Bẩm quan, bao nhiêu làm một đêm cũng xong. Nhưng quan lại phải giữ rất cẩn thận cho mới được.

Vâng, tôi xin hết sức cẩn-thận trông nom người nhà mà cả tôi cũng không dám nom-nhòm đến chỗ ấy.

Đến nửa đêm, ông chuyên xuống đưa cho họ ngót một vạn bạc. Họ lại bảo ông cho vào nồi, làm phù-phép như trước và lại đào lỗ bỏ xuống chôn, rồi bảo ông ra để cho họ sai binh làm phép.

Sáng hôm sau, bọn phù-thủy bảo ông rằng xong cả rồi, ông khóa cửa cái nhà ấy lại rồi mời họ lên cả nhà gác đánh tổ-tôm và ăn uống ở đấy, để đứa ở tiện hầu-hạ mà không lai vãng đến chỗ nhà ấy được.

Chiều hôm ấy, trong khi họ đương đánh tổ-tôm ở trên gác, ông Hàn hốt-hoảng chạy lên bảo ông thầy Cả rằng :

— Này ông ơi, tôi vừa thấy có một người trẻ tuổi cầm có cái xẹo cứ lờ-vờ đi đi lại lại ở trước cửa nhà này, mà hai mắt cứ trông-trọc nhìn vào trong nhà, tôi hỏi hắn ta muốn hỏi gì, thì hắn bảo đi tìm người quen mà hắn kể hình-dạng giống ông như lột. Lại hỏi thăm tôi xem có biết ông về chơi nhà ai ở đây không.

Thầy Cả nghe nói liền xám ngắt mặt đi, hỏi ông Hàn :

— Thế quan bảo nó làm sao ?

— Tôi bảo không biết, thì nó đi ngay.

— Bẩm quan, người ấy chính là mật-thám đấy. Họ biết tôi có phép hóa được bạc một thành hai, nên vẫn đi dò xem tôi ở đâu thì dinh bắt đấy.

Ông Hàn cũng tái mặt đi, nói :

— Chết ! nếu họ biết ông ở đây thì làm thế nào.

Thầy Cả quả-quyết nói :

— Quan không lo, để tôi liệu.

Ông Hàn vội hỏi :

— Ông làm thế nào bây giờ ?

Thầy Cả vừa đứng dậy vừa chỉ tay vào hai người bạn vừa nói :

— Bây giờ tôi với thầy chú này phải đem môi gỗ và đồ phù-phép đi ngay, kẻo ở đây nó biết thì khốn cả quan lẫn chúng tôi. Bây giờ ba người chúng tôi

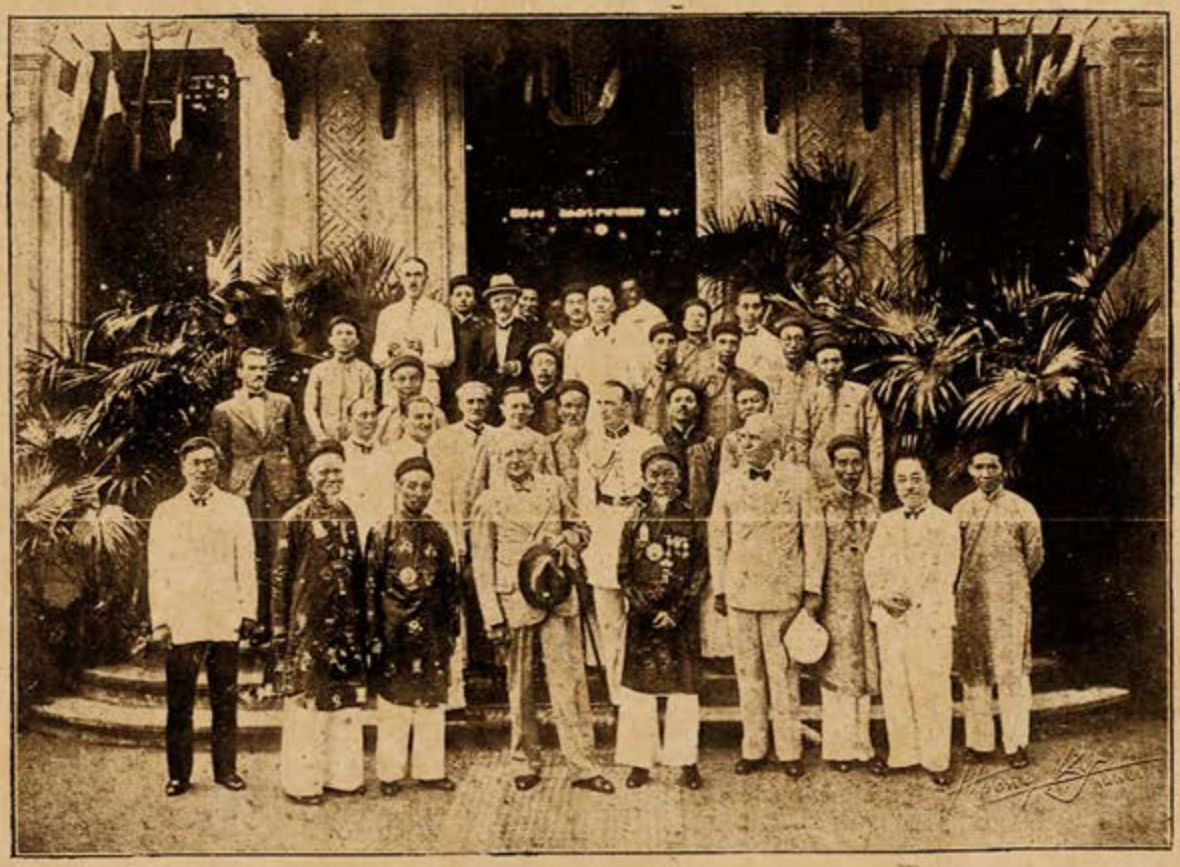

Kinh ảnh hiệu Hương-Ký

Quan Toàn-quyền Robin tại hội Khai-trí Tiến-đức Hà-nội.
(Sau khi dự tiệc trà)

tìm đến để đi qua trước mặt nó, cho nó biết rồi chúng tôi về Hà-nội, tất nó phải theo chúng tôi. Thế là ở đây không lo-ngại gì nữa. Còn hai thằng này mới đi với chúng tôi nó không biết, thì ở lại dày lấy bạc lên hầu quan cho trọn công việc.

Nghe thằng Cả nói có lý, ông Hàn mới hoàn hồn và vui-vẻ nói :

— Cũng có lẽ.

— Bẩm quan, ở đời phải lâu thế mới được, đã gian thì phải ngoan không thì ngay. Nhưng thưa quan, ngày kia bạc đúng tuổi, xin quan trông lại đến chúng tôi mà thưởng thêm cho thì quan cứ giao cho hai thằng này cũng như chúng tôi.

— Cái đó ông không phải nói, tôi xin chu-tất.

Ba người chào ông Hàn rồi xách ba cái va-li ra lên xe đi, để hai người bạn ở đấy đợi lấy tiền công.

Hai người ở lại đấy, lúc thì nằm khoèo trên gác hút thuốc phiện, lúc thì đi ra chợ chơi, vì ông đã giữ thìa khóa cái nhà chôn bạc kia rồi nên không ngại gì họ. Vả còn món tiền công to-tướng của họ, tự họ phải cần, nên ông mặc họ tự do muốn đi chơi bời đâu thì đi.

Chiều hôm sau là chiều hôm ngày thành công, cơm nước xong, hai người lại rủ nhau đi chơi, tối không thấy về để đào bạc lên. Giá không phải phù-phép gì thì ông cũng chẳng cần đến họ. Ông mong mãi không thấy họ về, nóng ruột quá phải sai người đi tìm, nhưng cũng chẳng thấy họ đâu cả. Ông mong suốt đêm không ngủ được. Sáng hôm sau cũng không thấy họ về, ông toan đào lên nhưng sợ bạc phải vía hồng cả thì tuyệt-nghiệp, đành cứ phải chờ. Tối cũng không thấy họ về, bấy giờ ông mới sinh nghi, một mình xuống hì-hục đào đất lên thì thấy hai cái nồi to vẫn đậy vung để sát nhau, vội-vàng mở vung hai cái nồi ra xem, bỗng giật mình ngã vật xuống đất mà thét lên một tiếng rất to : « Trời ơi ! » Thì ra bạc đã biến đâu mất cả chỉ trơ có nồi không.

Bà Hàn nghe tiếng chạy xuống, thấy ông nằm vật bất-tỉnh nhân-sự, bên hai cái nồi không, biết ngay là ông bị lừa, liền vực ông lên nhà soa dầu và gọi cho ông tỉnh lại.

Sáng hôm sau, ông dậy sớm tìm đến chỗ ông bạn để bắt đền. Ông bạn hỏi chuyện đầu đuôi rồi bảo. Chỉ tại quan khờ quá, không trông nom cẩn-thận để hai cái thằng ở lại ấy nó lấy đi đấy thôi. Chứ người ta làm có sai bao giờ đâu.

Ông bạn nói rồi thở dài, xót-xa thương-tiếc rồi lại trách ông Hàn khờ không trông nom hai cái thằng ở lại ấy cho cẩn-thận. Ông Hàn bấy giờ cũng hiểu ý bạn, nhưng việc vô-tang mà lại quan-hệ đến pháp luật. Biết làm thế nào.....

LÊ ĐỨC-NHƯỢNG

HOÀI-CẢM (1)

(Tập hồi-ức-lục của Đông-Hồ)

■

II

4. — Làng báo trẻ con

Bây giờ mỗi khi tôi nghe các nhà báo đua nhau xuất-bản, nghe có những cuộc bút-chiến của các báo, tranh-biện công-kích nhau, kịch-liệt ; và mỗi khi tôi nghe nhà báo này đình-bản vì tài-chính, nhà báo kia đóng cửa vì bị Chính-phủ thu phép xuất-bản lại, hoặc đến các nhà viết báo bị bắt buộc, bị tù-tội, thì đều khiến cho tôi nhớ lại cái xã-hội con trẻ thường ngày gần-gũi với tôi, đó cũng là cái gia-đình nghĩa-tử của tôi, nên tôi đối với nó vẫn có một mối cảm-tình đằm-thắm ân-ái thâm-trầm, những chuyện vui chuyện buồn trong cuộc đời tôi đều do ở đó một phần, nơi đó đã ghi cho tôi một cái kỷ-niệm tốt đẹp vui-vầy trong buổi đời hiu quạnh. Chuyện làm báo tôi sắp kể dưới đây tức là một việc trong nhiều việc khác mà nó đã để cho tôi một cái kỷ-niệm vui vui mãi.

■

Năm ấy, 1929, tôi dạy lớp sơ-đẳng trường tiểu-học tỉnh nhà. Các học-trò học tôi năm ấy có nhiều đứa thông-minh đĩnh-ngộ lắm, cho nên tôi có lòng yêu-quí nhiều lắm, thường đãi như con em trong nhà. Chúng nó cũng dạn, làm việc gì cũng cho tôi biết, hoặc là để cho tôi thấy, ít hay giấu giếm. Duy có một việc làm báo thì chúng giữ bí-mật, thiệt bí-mật, tổ-chức tòa-soạn một cách rất kín-đáo. Mãi đến hôm các viên biên-tập các báo bị quan Đốc-học đòi và các tờ báo bị thâu-tịch, tôi mới biết chuyện như thế này : Nguyên hồi cuối năm 1928 ở lớp Sơ-đẳng có cậu Võ Quang-Lượng rủ năm ba anh em « xuất-bản » một tờ báo hiệu là : « *Học-trò* ». Nói là xuất-bản chớ thực là viết tay, lấy giấy trắng kẻ chữ lớn lên đầu giấy rồi chia từng cột và viết tay vào. Vì viết tay nên khi xuất-bản chỉ được một tờ và hai tờ mà thôi, rồi đưa truyền tay nhau mà đọc. Việc xuất-bản cũng là bất-thường, khi không có việc thì hoặc một tuần, hoặc hai tuần mới ra một kỳ, mà khi có việc thì mỗi tuần ra đôi ba kỳ cũng không biết đâu được. Báo *Học-trò* nguyên xuất-bản là để đăng các bài luận-văn nào đắc-thể của thầy-giáo đã chữa rồi, để làm mẫu cho học-trò, sau dần-dần đăng các tin-tức xảy ra ở trong lớp, trong trường. Theo cái tính-cách chung của các nhà báo, tin nào hay, chuyện nào tốt thì không đăng bao nhiêu mà chỉ thấy đăng các tin dở chuyện xấu của các bạn-bè. Bấy giờ trong cuộc sống còn, ai có quyền-lợi nấy, có lẽ nào ngồi yên để cho người công-kích. Bấy giờ các báo mới đua nhau mà mọc lên như nấm. Trước tiên là báo *Sơ-đẳng* của cậu Đường Ngọc-Thạch, báo *Ngòi Bút* của cậu Lưu Văn A rồi đến báo *Quốc-âm* của cậu Đỗ Văn-Tư, báo *Sơ-học*

(1) *Xem N. P. số 189.*

của cậu Trần Văn-Y, báo *Nữ-nhi Tri-đức* của cô Nguyễn Thanh-Sán, báo *Học-trò gái* của cô Vương Tú-Điền, lại có báo *Đồng-tâm* của các học trò ở lớp Sơ-học (*cours des certifiés*). Đó là kể tên viên chủ-nhiệm kiêm chủ-bút, nghĩa là nếu có xảy ra việc gì thì viên ấy chịu trách-nhiệm và viên ấy chịu giấy, mực, lại chịu cả công ngồi viết, ngồi chép cho thành hình một tờ báo, chứ cách tổ-chức tòa soạn, ty quản-lý cũng đủ có cả trợ-bút, phụ-bút, phóng-viên, tổng-lý, quản-lý, đủ tên họ cả. Nhưng các viên ấy chỉ có tên để cho kêu mà thôi chứ báo nào có buôn-bán với ai, có phỏng-vấn gì ai đâu. Về nội-dung tờ báo thì cũng đủ cả các mục : xã-thuyết, tiểu-thuyết, văn-uyển, thời-đàm, mục giới-thiệu, mục phê-bình, mục vui cười, mục đố giải, tin buồn tin vui, quảng-cáo, tin-tức, cả đến tranh vẽ công-kích, vẽ chuyện vui, không thiếu một mục nào cả. Thực là một cái « báo-giới thu nhỏ » lại. Trong các báo thì duy có báo *Đồng-tâm* nhờ người làm báo đều là học trò đã có tuổi nên biết in thạch mực tím, còn thì chữ viết hết cả. Báo *Đồng-tâm* mỗi khi xuất-bản cũng được ngót 40, 50 số, bán mỗi tờ một xu, nhờ đó mà truyền-bá được rộng và mạnh lắm. Lại cũng vì thế mà cái phong-trào « làm báo » sôi-nổi trong « quốc-dân » — tức là trong đám học-trò — và náo-động đến « Chính-phủ » — tức là quan Đốc-học và các thầy giáo.

Báo, bấy giờ, mới trải qua một cơn biến-cố. Nguyên báo *Đồng-tâm* in nhiều, bán ra không hết, lại bán một giá thật rẻ cho các chị hàng bánh ở trường để gói các vật ăn bán cho bọn học-trò. Một hôm, các cháu nhà quan đốc-học mua khoai chiên, chị hàng khoai gói bằng giấy báo *Đồng-tâm*. Các đứa trẻ ấy mua khoai về ăn rồi, thấy tờ giấy tím-tím tốt, sẵn có thằng bé con nó khóc lấy ngày tờ báo xếp cho nó chiếc thuyền con chơi thế nào không biết mà mở tung chiếc thuyền ra rồi bỏ bay trải trên ván. Rủi thế nào không biết mà trưa hôm ấy khiến cho quan Đốc-học đi qua thấy tờ giấy lạ lạ cầm lên xem. Tức khắc, buổi học chiều, các nhà báo bị tịch-biên, các tờ báo bị thâu lên hết, các thầy giáo nào có học trò làm báo đều bị triệu đòi, cùng với các chủ-bút phụ-bút, chủ-nhiệm, quản-lý các « nam-nữ đồng-nghiệp » một giấy dẫn vào. Dâu trong « làng báo » thì học trò của tôi nhiều hơn cả, tôi bị trách về cái tội « giáo bất nghiêm » và cái tội vì tôi thường ngày hay viết báo, đọc báo mà ảnh-hưởng đến các học-trò. Còn các nhà báo, sau một cuộc thẩm-vấn rồi, tuyên-án xong thì nào chủ-bút, nào phụ-bút, nào chủ-nhiệm tổng-lý bị một trận đòn nên thân, cũng có đôi ba vị được trắng án vì chối là không biết gì cả, tên mình để trên tờ báo đó là bởi các viên chủ-bút tự-ý đề-yết lên mà thôi, lại cũng có đôi ba vị bị án treo, là quan tòa — tức là quan đốc-học — còn sẽ nói chuyện lại với cha mẹ các vị ấy.

Tôi, hôm ấy, bị trách, chẳng những không buồn mà lại vui lắm, vui vì thấy cái xã-hội trẻ con của mình giáo-dục lâu nay cũng bắt chước được na-ná cái công việc của người lớn làm. Lại thấy các vị « tai mắt, đầu mỏ » làm « hướng-đạo » cho « dư-luận quốc-dân » mà vị nào vị ấy nằm dài dưới gạch, nước mắt nước mũi, bù-lu bù-loa mà bật cười. Sau khi phiên tòa giải-tán, tôi xin tất cả mấy tờ báo bị thâu-tịch ấy đem về, đọc qua hết một lượt. Đọc mà không sao nhịn cười được, nhất là những đoạn công-kích nhau thì hệt cái giọng nhà báo. Khiến cho cười là thấy các học-trò, đứa nào đứa ấy, hăng

ngày đùa giỡn ngơ-ngẩn, nghịch đất nghịch cát, quần-áo xốc-xếch, mặt-mũi lem-luốc mà cũng xưng-hô nhau là «ký-giả», là « tiên-sinh », là « ông chủ-bút », là « ông tổng-lý » nghe nghiêm-trang bệ-vệ lắm. Phàm những cái gì của người lớn mà con nít bắt chước làm y như thế thì đều khiến cho mình trông thấy mà bật cười cả. Dẫn một cái ví-dụ :

Có một hôm, chúng tôi đi chơi, gặp một người thiếu-phụ dẫn một đứa con gái bé độ lên ba lên bốn, mà y-phục của người mẹ thế nào của đứa con cũng y như thế : áo dài tím, quần lụa trắng, khăn quàng, giầy cườm, ô màu, chuyền, chuỗi hạt vàng, vòng chạm đủ cả, mà cái nào cũng bé tí-ti. Con bé đi lững-thững thâm-thấp, nét mặt ngây-thơ ngơ-ngẩn. Bọn chúng tôi ai nấy đều dừng lại trông con bé mà cười rũ-rượi. Nó đi khỏi đã xa rồi mà chúng tôi, dọc đường, còn nhắc lại mà cười với nhau mãi không thôi.

Chuyện làm báo mà tôi kể ra đây cũng cùng một tính-cách như cái chuyện con bé con diện theo cánh người lớn ấy vậy. Chuyện cách đây đã bốn năm năm rồi mà mỗi khi tôi nhớ lại, hoặc giở các số báo cũ ra, không lần nào mà tôi không cười nức-nở. Muốn cho các bạn cùng tôi góp cười, dưới đây tôi chép lại một ít bài trích trong các báo ấy, mỗi thể văn một bài. Cũng có nhiều bài văn-vẻ chúi-chuốt lắm, không khác cái giọng văn người lớn chút nào, lại cũng có nhiều bài ngờ-ngẩn buồn cười lắm. tôi cũng đều để y nguyên-văn như thế mà không thêm bớt một chữ nào cả, là để giữ cái tự-nhiên và cũng để ghi lại một cái kỷ-niệm hay hay trong mấu đời dĩ-vãng. Mỗi khi đọc qua bài văn, các bạn nên tưởng tượng thấy cái hình-ảnh con bé con diện theo cánh người lớn mà tôi đã vẽ ra trên kia, thì đọc bài văn mới có thú-vị.

■

Văn bá-cáo thì như bài « Báo *Học-trò* đổi mới » sau này đăng ở số 19 ngày 9-5-1929.

« Báo *Học-trò* đổi mới ! Đổi mới, chẳng phải là thay đổi tôn chỉ mục-đích báo đâu, mà đổi mới là sửa-sang, thay đổi cho thêm hay thêm mới hơn lên ; vậy có lời kính-cáo cùng các độc-giả :

« Báo *Học-trò* nguyên xuất-bản từ hồi mùa đông năm ngoái, lúc ấy chính là lúc mà trong trường ta chưa từng nghe có tiếng « học-trò làm báo » như ngày nay. Báo *Học-trò*, trước kia, xuất-bản nguyên là thấy người lớn làm báo mà bọn con trẻ chúng tôi bắt chước ; chỉ để đăng các bài luận-văn và viết một vài chuyện vui chơi văn-vẩn, chứ vẫn không thành lề-lối cách-thức một nhà báo có tư-cách. Trong khoảng đó thì bản-báo có nhận cho ông Lưu Văn-A làm chủ-nhiệm, ông Trần Văn-Y làm tổng-lý, một đôi khi hai ông cũng có viết một đôi bài. Mùa xuân năm nay, tức là năm thứ hai của bản-báo, báo *Học-trò* cũng cứ lề-lối cũ mà xuất-bản. Bây giờ có phong-trào làm báo dần-dần nổi lên. Trước nhất có báo *Sơ-đẳng* do ông Đường Ngọc-Thạch quản-lý. Báo ra số đầu đã mở lời công-kích bản-báo. Luôn hai tháng nay, hai tờ báo vẫn gằng chống nhau luôn, chưa ai chịu nhường ai một bước. Giữa lúc ấy có xảy ra vụ ông Lưu Văn-A, bản-báo chủ-nhiệm, mất tập bài thuộc lòng, ngờ cho các ông học-trò trên lớp Sơ-học xuống *étude* ở lớp ba của chúng tôi lấy trộm. Báo *Học-trò* số 13, ngày 19-4-29 phát-giác việc ấy ra. Số báo vừa xuất-bản thì dư-luận ồn-ào lên, đến các ông học-sinh lớp Sơ-học không đến *étude* ở lớp Sơ-đẳng như mọi khi nữa. Bấy giờ các ông ấy mới nổi lên

CÂU CHUYỆN BỤT CHÙA NHÀ

:: :: :: :: :: :: **Hài-văn** :: :: :: :: :: ::

■

Một nhà họ Trí kia, ông tổ đời thứ nhất tu về đường thanh-tĩnh, đời gọi là Bồ-tát giáng-sinh, ông tổ đời thứ hai tu về đường từ-bi, đời gọi là Quan-âm tái-thế. Từ đấy về sau đời đời nối dõi, đều thừa-nhận bụt chùa nhà là thiêng, tuy hoặc có khéo có vụng về đường tu, nhưng tu nhiều được phúc, tu ít được duyên, đã có thiện-nhân đều có thiện-quả cả. Vì nhà đã có sẵn chùa, chùa đã có sẵn bụt, nào là bụt giới-tham, túi áo cà-sa vẫn thường rỗng tuếch, nào là bụt giới-tửu, chống gậy xá-lị đuổi con ma-men, nào là bụt giới-sắc, cầm gươm phù-đồ chém thằng quỉ sắc, nào là bụt trang-nghiêm, giương mắt kim-cương soi xét nhân-quả; nào là bụt khổ-hạnh, đem thân Bồ-tát gửi với cỏ cây, nào là bụt cứu khổ cứu nạn, ra tay chở thuyền bát-nhã vớt kẻ trầm-luân; trong chùa nhô-nhố những bụt, chẳng thiếu gì bụt. Mà cảnh chùa thì cây trăm thước hoa bốn mùa, chẳng thiếu gì cảnh; phép Phật thì phương ngũ-giới đường tam-qui, chẳng thiếu gì phép.

Kịp đến đời chàng Ngu-viên công-tử, chàng tuy là kẻ ngu, nhưng thực là kẻ đốc lòng tin đạo; cho rằng người ta ở thế-gian họa hay phúc, khổ-nạn hay vinh-hoa, đều bởi Phật độ hay là Phật giúp cả. Kỳ-thủy chàng cũng theo lối tổ-tiên tín-ngưỡng chùa nhà, đêm đêm tụng kinh gõ mõ như quốc kêu, hằng ngày nhiệt-thành niệm Phật, cái câu na-mô Phật chùa nhà, na-mô Phật chùa nhà, khi ăn ở lúc ra vào, ngõ-hầu không lúc nào dứt miệng.

Về sau chàng phát tâm cầu-nguyện. Lần thứ nhất chàng thắp hương cầu nguyện phát-tài, ngày đêm niệm rằng: Lạy Phật Quan-âm vô-lượng, tôi có bi-hôm canh sóc-dĩa, lu-bù cuộc tổ-tôm, và xuất-bản cuốn thơ tân-thức, cuốn tiểu-thuyết ái-tình, xin lượng Phật độ cho phát-tài, tôi xin trả ơn Phật một câu danh-dự rằng: «Chùa nhà đệ-nhất Phật-tổ.» Kịp khi tiến-hành thì sóc-dĩa khát nước mãi, tổ-tôm chèo đò mãi, cuốn thơ, cuốn tiểu-thuyết rao hàng mãi đã mỏi miệng mà chửa ai hỏi đến; sự cầu-nguyện ấy đã không linh-ứng.

Lần thứ hai chàng thắp hương cầu-nguyện vợ đẹp, ngày đêm niệm rằng: Lạy Phật Như-lai chứng quả, tôi có sở-cầu được thờ một người vợ mày thua nước tóc, tuyết nhường mầu da, liễu hờn kém xanh, hoa ghen thua thắm, những nghề tài-hoa thì bất-tất nghề cầm nghề kỳ, nghề thi nghề họa gì cả, chỉ biết một nghề cầm thìa rượu sâng-tê hay là nghề nhảy dầm là đủ, xin lượng Phật độ cho gặp được người ấy về mà thờ, thì tôi xin trả ơn Phật một câu danh-dự rằng: « Chùa nhà đệ-nhất thiền-môn ». Kịp khi tiến-hành thì vớ ngay được một gái giang hồ, từ đấy phải hằng ngày nghiên-cứu về vấn-đề thuốc hoa-liễu; sự cầu-nguyện ấy lại không linh-ứng.

Lần thứ ba chàng thắp hương cầu-nguyện hay chữ, ngày đêm niệm rằng: Lạy Phật Đại-sĩ chứng-minh, tôi có sở-nguyện một điều là hằng ngày nghiên-

cứu về tinh-chất quế-lộ tinh-chất sâm-banh, hằng đêm siêng chăm về công việc bàn pha-lê khay vân-mẫu, mà tờ báo nào cũng nổi tiếng là nhà ngôn-luận nhà thi-ca, tụi sách nào cũng trứ-danh là nhà trứ-tác; xin lượng Phật độ cho nổi được danh ấy, thì tôi xin trả ơn Phật một câu danh-dự rằng: « Bụt nhà đệ-nhất từ-bi ». Kịp khi tiến-hành, thơ thì tiếng gà gáy gở, tiếng dế kêu sầu; thơ gì thơ thần; văn thì cắt giấy phiết hồ, chắp-chảnh nhà tầng, văn gì văn-veo; đi đến đâu người ta cũng cười rằng dốt; sự cầu-nguyện ấy lại không linh-ứng.

Lần thứ tư chàng thắp hương cầu-nguyện làm quan, ngày đêm niệm rằng: Lạy Phật Hoa-nghiêm-tam-bảo, tôi có sở-ước một điều là cửa thật cao, nhà thật rộng, ngựa thật béo, xe thật to, cơm thật no, áo thật ấm, vợ thật đẹp, con thật sang, túi thật nặng, trừ-phi nghề đèn trời không man *chóng đạt tới mục-đích ấy, xin lượng* Phật độ cho đạt tới mục-đích ấy, thì tôi xin trả ơn Phật mội câu danh-dự rằng: « Bụt nhà đệ-nhất bồ-tát ». Kịp khi tiến-hành, len-lỏi mãi mới được một bước đèn trời cỏn con; chẳng bao lâu bị tội tham-tang cách tuột, sự cầu-nguyện ấy lại không linh-ứng.

Lần thứ năm chàng thắp hương cầu-nguyện nhiều thóc, ngày đêm niệm rằng: Lạy Phật Linh-quang-phổ-tế, tôi có hi-vọng một điều là ngày giáp-hạt thì mình phát bồ-đề-tâm lấy thóc cho người vay, đến ngày mùa-màng thì người đem số thóc trả lại, có lãi bội-tam bội-tứ, trừ-phi có nhiều thóc không đạt được hi-vọng ấy; xin lượng Phật độ cho đạt được hi-vọng ấy thì tôi trả ơn Phật một câu danh-dự rằng: « Bụt nhà đệ-nhất bồ-đề ». Kịp khi tiến-hành thì cứ mất mùa luôn, chỉ đủ thóc hàm nhai, không đủ thóc làm phúc-đức; sự cầu-nguyện ấy lại không linh-ứng.

Tự đấy chàng cho bụt chùa nhà là không thiêng, trước còn đem lòng hoài-nghi, sau đem lòng tức giận, đem chùa nhà phá đi, đem bụt nhà bỏ đi. Quan-âm chùa nhà chàng vứt một nơi, La-hán chùa nhà chàng quăng một xó, mưa gió dầu-dãi, chùa ôi là chùa! lơ-trơ lỏng-chỏng, bụt ôi là bụt?!! Chàng mới đội nón khoác áo ra đi, đi nam, đi bắc, đi đông đi tây, hằng ngày bơ-vơ ở ngoài đường, người ta hỏi chàng đi đâu? thì chàng đáp rằng: « Tôi đi cầu Thích-ca đây, tôi đi cầu Thích-ca đây ».

Bắt đầu chàng gặp một người trang-mạo xấu-xí hung-ác, khác với người thường, chàng tưởng là Thích-ca, chắp tay niệm Phật. Người ấy cười rằng tôi không phải là Phật, là Ma-vương đây. Chàng muốn qua chơi địa-phủ không? *Chàng nghĩ bụng rằng bơ-vơ ở giữa* đường mãi thế này thì cũng vô-ích, chi bằng ta qua chơi địa-phủ hoặc có sở-kiến gì chăng. Đến nơi thì thấy lũ quỉ đương phụng lệnh Ma-vương nấu một vạc dầu, đem một tội-nhân trông ra dáng văn-sĩ, luận về tội bình-sinh hay làm ra văn-chương sách vở tà-dâm, phá-hoại đạo-đức của nhân-loại, sắp-sửa bỏ vào vạc dầu. Ma-vương vội-vàng phán lại rằng: Người này tội nặng, vạc dầu cũng chửa xứng, nếu bỏ vào vạc dầu thì hết kiếp ngay, chi bằng bắt người ấy lại lên thế-gian hóa kiếp làm con bọ-hung, để thế-gian kiếp kiếp chê cười sỉ mắng, là đáng kiếp hơn. Ma-vương phê-phán án ấy xong, đoái lại bảo chàng rằng: Tôi vốn là kẻ làm ác, nhưng tôi đã phụng phép Phật, từ rày trở đi tôi chỉ đứng về vai hộ-pháp cho Phật mà thôi; hễ kẻ nào

làm trái phép Phật, thì Ma-vương này sẽ tất làm cho trông thấy nhãn-tiền mà chẳng tha. Nghe đâu Phật còn có một vị Tán-hoa thiên-nữ, hễ ai làm thiện thì Phật gả cho đấy. Chàng nghe nói khôn-xiết hâm-mộ, tức-khắc từ-giã Ma-vương lại đi lên tìm Phật Thích-ca.

Thứ hai, chàng lại gặp một người đàn-bà yểu-điệu, mày ngài mắt phượng, mà trên tay ẵm một thằng bé xinh-xinh. Chàng nghĩ bụng rằng đó thường Tán-hoa thiên-nữ đây chắc. Tiến lại gần hỏi rằng : Bà có phải là vị Tán-hoa đấy không ? Con bà đấy, chồng bà đâu ? Người đàn-bà ấy chỉ mỉm cười trả lời rằng : Tôi là Thị-Kính, không phải là Tán-hoa, tôi chỉ có con mà không có chồng. Chàng lại nghĩ bụng mừng rằng sự nam-nữ của nhà Phật cũng tự-do lắm thay ! Đạo Phật ở ngoài đường quả là hơn đạo Phật ở nhà. Rồi chàng cứ theo miết Thị-Kính mà kêu nài rằng cho tôi tu với ! Thị-Kính thấy chàng phát-hiện ra thói trần-tục, mới quay đầu lại mắng rằng : Hỡi tục-khách ơi ! Phàm sự phải cầu lấy nguyên-nhân, chớ lơ-láo mà hiểu lầm. Kính-Tâm tôi lấy chàng Thiện-sĩ, tỉa râu chồng mang tiếng bội-phu ; trở về chùa thì phát đi tu, phận là gái khôn bàn phải trái, ấy nguyên-nhân chồng tôi là thế ; hồn bướm mơ-màng nghìn dặm cách, nghĩa vò chăm-chút bốn năm thâu, ấy nguyên-nhân con tôi là thế thế, kể rõ cho chàng nghe. Chàng nghe nói lấy làm chán bét, mới dừng chân lại mà chẳng tưởng đường tu nữa.

Nhưng chàng vẫn tơ-tưởng vị Tán-hoa thiên-nữ, cố đi tìm lấy Thích-ca, họa may có kết-quả gì chăng. Lạ gì chàng đã có công đi cầu Phật, thì Phật cũng chẳng phụ gì chàng. Quả-nhiên giữa đường gặp một người thân là hân vàng, sắc là sắc ngọc, quả là ông Thích-ca. Thích-ca thấy chàng bơ-vơ ở giữa đường, bắt đầu hỏi ngay chàng rằng : Chúng-sinh đi đâu ? Muốn cầu ta tế-độ đấy phải không ? Cửa Phật cũng không hẹp gì, cứ đi với ta mà dốc lòng làm thiện, ta sẽ ban cho quả-phúc hẳn-hoi. Chàng khi đó mới cả mừng, nghĩ bụng rằng điều quả-phúc thì chắc hẳn là Tán-hoa thiên-nữ, duy điều thiện là gì thì mình chưa lĩnh-hội được, nhưng Thích-ca đã hứa lời ban cho đó, thì mình sống chết cũng đi theo.

Chàng từ đấy chẳng quản dặm cỏ đường mây, nắng mưa khó nhọc, chỉ một niềm đi theo Thích-ca. Ban đầu thấy Thích-ca cưỡi voi, chàng đi theo sau cúi nhặt lấy bã mía, nhân phát-nguyện rằng bã mía ở ngoài đường ngày nay, quả là mát-mẻ hơn bát nước dương-chi ở nhà ngày trước. Nối đó thấy Thích-ca ăn chuối, chàng đi theo sau cúi nhặt lấy vỏ chuối, nhân lại phát-nguyện rằng vỏ chuối ở ngoài đường bây giờ, quả là thơm-tho hơn tòa sen tam bảo ở nhà năm nọ.

Rồi chàng cứ hàng ngày hàng tháng dều-dều đi theo sau Thích-ca ở ngoài đường, mà kêu khan kêu vã hỏi rằng điều thiện là gì ? Xin Thích-ca sớm-sủa bảo cho tôi để tôi làm ; bao giờ Thích-ca mới ban cho quả-phúc ? Tôi lấy làm nóng lòng sốt ruột lắm. Cuối cùng Thích-ca mới bảo cho rằng ngỡ anh làm điều gì, chứ anh làm điều thiện thì bất-tất phải theo ta ; giáo-pháp của ta chẳng qua thanh-tĩnh để tu-hành, thực-thà không giả dối, từ-bi quảng-đại, để cứu khổ cứu nạn cho người đấy thôi, anh cầu ta ở ngoài đường mãi thế này, chẳng ngu lắm thay ! Anh cứ về nhà mà tu sẽ tự-nhiên cũng được quả-phúc.

Nhưng chàng vẫn nghĩ bụng rằng Thích-ca còn nói dối ta, hay là Phật

sợ rằng ta nếu thóc-mách biết đường làm thiện, thì sẽ có một ngày kia ta phỏng được vị Tán-hoa thiên-nữ của Phật, mà Phật không chịu bảo thật ta chăng. Nên chi chàng chẳng bỏ Thích-ca mà vẫn cứ đi theo. Lạ gì Thích-ca tài đã cao; sức đã mạnh, mà bước chân đi lại dài, chàng chẳng qua là hạng người tài-lực đã bình-thường, trí-thức đã vẩn-vơ, bước chân đi lại ngắn, theo thế nào được Thích-ca. Quả-nhiên đi đến một trái núi cao : chàng theo Thích-ca đi đến lưng chừng núi, tài hết sức hết, đi theo chẳng kịp, ngã lăn xuống chân núi, ngảnh đầu trông lên, thì Thích-ca đã mất hút, như con hoàng-hạc bay đi chẳng thấy đâu nữa. Chàng ngồi ở chân núi ít lâu, than trời than đất, khóc gió khóc mây, rồi cười khì đứng dậy, lại quay gót đi về nhà.

Chàng vốn có một cái đặc-tính, là cái tính hay ngứa nghề, ngứa nghề làm thơ, ngứa nghề làm sách, ngứa nghề làm quan, ngứa nghề làm giàu v. v. nghề gì chàng cũng ngứa, không chịu ngồi yên. Lại nhất là nghề tu, thì chàng lại càng ngứa lắm, một ngày không thắp hương niệm Phật, thì chàng cũng không ăn ngồi được yên.

Khi đó chàng đi cầu Thích-ca ở ngoài đường đã thất-bại mà chàng trở về, chàng lại lóp-ngóp dựng chùa lại, xuýt-xoa khuân bụt về, chẳng bao lâu lại trang-nghiêm ấm-cúng như cũ.

Chàng tái-hồi tu-hành ở chùa nhà được ít lâu, trong thời-kỳ tu-hành đó, sửa-sang kinh-kệ cũ ; cứ đến mồng một thì ăn chay nằm mộng, đến ngày rằm thì liệu oản đọc canh ; hồi đầu mà húp lại bát nước dương-chi, mới biết miếng bã giả ở ngoài đường là vô-vị ; xám-bối mà đặt lại tòa sen tam-bảo, mới biết cái vật vỏ-xác ở ngoài đường là vô-tình, chàng mới phát-khởi ra được một cái quan-niệm rất chánh-đáng rằng :

Sắc thị không, không thị sắc, thế-gian cái gì chẳng là sắc, cái gì chẳng là không. việc gì phải thờ cái sắc đẹp. *Phật tức tâm, tâm tức Phật*, thế-gian đi đâu chẳng là Phật, ở đâu chẳng là tâm, việc gì phải cầu Thích-ca ở ngoài đường. Người ta ở thế-gian chỉ điều thiện là nên làm, chỉ làm thiện là rất vui, thôi thì ta về ta tu chùa nhà, dù khéo dù vụng chùa nhà là hơn ! Tu để làm gì ? Tu để mà tạo lấy thiện-nhân, cầu lấy thiện-quả ; ta tu đâu vì bằng ta tu chùa nhà, bỏ ác làm thiện ấy là chân-tu.

Lại được ít lâu, bụt chùa nhà báo mộng cho chàng biết rằng : Chàng Ngu-viên công-tử kia ơi ! Chàng bấy lâu tu-hành ngõ-hầu đã đắc-đạo, nhà Phật đã tặng cho chàng cái huy-hiệu xứng-đáng là « Trí-quốc kim-tiên » rồi đấy ; thế gian bằng cứ tu đi, có cái danh-hiệu Trí-quốc kim-tiên, sẽ có cái hi-vọng Tán-hoa ngọc-nữ ; đó là thiên-cơ vậy, là Phật-lý vậy. Trí-quốc kim-tiên ơi ! Trí-quốc kim-tiên cứ tu đi ! Trí-quốc kim-tiên đừng sợ mất phần đâu !

Bụt bảo chàng xong, bụt lại tặng cho chàng một câu *kim-tiên* đối với *ngọc nữ* để chứng-minh công-đức cho chàng.

Câu rằng :

Nhà sẵn vườn xuân xuân hồng xuân tía, xuân sớm xuân chiều, trông vào non nước đâu xa, hoa rắc bốn mùa tay ngọc-nữ.

Tu là cội phúc, phúc tổ phúc tiên, phúc con phúc cháu, cốt ở tầng nền cho vững gác để muôn trượng chữ kim tiên.

Chàng chiêm-bao sực tỉnh dậy, khôn xiết bâng-khuâng, khôn xiết mừng rỡ. than rằng bụt chùa nhà thiêng thật !

TÙNG-VÂN

VẤN-ĐỀ GIÁO-DỤC Ở NƯỚC TÀU

■

Năm 1931, Hội Vạn-quốc có cử một phái-bộ sang bên Tàu để khảo-cứu về việc học và xem có khuyết-điểm chỗ nào thì tìm cách mà bổ-cứu vào.

Hội cũng có phái tôi đi, thật là một cơ-hội may-mắn cho tôi quá.

Tôi ở bên đó chừng độ ba, bốn tháng.

Công-việc làm được những gì, chúng tôi có làm một tờ trình đệ lên Hội-đồng xét.

Cả phái-bộ có được bốn người, mà mỗi người mỗi nước, mỗi người một tư-cách khác nhau : ông BECKER, người Đức, là một nhà chuyên-môn học các tiếng Á-đông, ông FALSKI, người Phổ, là một nhà triết-học, ông TAWNEY, người Anh, là một nhà kinh-tế-học, còn tôi... một nhà bác-vật-học.

Mỗi người mỗi nước, mỗi người một khuynh-hướng, mà lạ thay, cả bốn đều suy nghĩ như nhau, và đều xem xét một cách như nhau. Cho nên có thể nói được rằng những cảm-tưởng tôi sẽ nói ra trong bài diễn-thuyết này, chẳng phải riêng gì cảm-tưởng của tôi, mà chính là cảm-tưởng của tất cả những người Tây-phương đối với nền học-thuật nước Tàu, tức là một nền học-thuật cốt tìm cách dung-hòa hai văn-minh kim, cổ để tạo nên một cái văn-minh mới gồm cả những điều hay của hai văn-minh gốc.

Những cảm-tưởng đó, tôi không thể nào nói hết ra đây được, tôi chỉ nói tóm-tắt đại-khái mà thôi. Rồi mãn cuộc về, các Ngài sẽ đem cái vấn-đề này ra mà xem-xét lại, mà khảo-cứu lại cho kỹ-lưỡng, cũng có lẽ tìm được những ý-kiến hay, những điều bổ ích cho việc học ở nước Pháp. Tuy việc là việc nước Tàu, nhưng phép giáo-dục thì đại-đề ở nước nào cũng như ở nước nào, vì về thời-đại này việc phổ-thông giáo-dục nước nào cũng vậy, đều dựa vào sở-nguyện và sự cần-thiết hằng ngày của dân-chúng.

Lịch-sử việc học nước Tàu

Sự cải-cách về việc học mà tôi muốn nói ở đây, mới bắt đầu vào khoảng đầu thế-kỷ này mà thôi. Tiếng là khởi ra từ hồi đó, nhưng kỳ-thực thì mới độ mười năm nay mới có chút-đỉnh điều hay cho sự khuyếch-trương nền sơ-học và số người vô-học cũng vì đó mà bớt được đôi phần.

Xưa kia trước cuộc cách-mệnh năm 1911, nhà nước không trông nom đến việc học. Chính-phủ chỉ coi sóc đến việc khảo-thí tuyển các quan-lại văn võ từ nhỏ chí lớn, cho đến các đại-thần cầm quyền-chính thay vua và các quan tổng-đốc các tỉnh.

Thi-cử như vậy có tính-cách công-bình lắm, vì tài cao thì ắt được địa-vị cao và tài thấp thì đành phải chịu địa-vị nhỏ, chứ thi đỗ thường mà cầu-cạnh địa-vị cao-sang thì không thể nào được.

Những cuộc thi lớn (như thi hội để tuyển các quan đại-khoa ra làm chức lớn) thì ở ngay trong hoàng-thành và chính Hoàng-đế thân ra chủ-tọa. Ngài

ngự coi kết-quả cuộc thi thế nào, thường đem một công-chúa gả cho người nào đậu thủ-khoa ở kỳ thi cao nhất.

Vậy thì ai tài cao sẽ được chức-vị cao, chứ dù tiền của như nước, hay con ông nọ cháu bà kia mặc lòng, đều không có ăn thua chi cả.

Về việc khảo-thí, hết thảy đều do nhà nước trông nom cả, mà lạ thay, không quản-cố gì đến cách dạy dỗ, luyện-tập cho người đi thi... Nhà nào phong-phú cũng đều có nuôi ở trong nhà một thầy đồ, để cho con em trong nhà, cùng con em các lân-bàng quyến-thuộc đều được tụ-họp học-hành vui-vẻ như một trường tư-thục nhỏ vậy. Những đứa trẻ nhà nghèo, nếu có khiếu thông-minh sẽ được hàng xóm láng giềng cấp tiền cho mà học-tập, cho đến ngày đỗ-đạt thành thân. Thế mới biết cái lòng mến trọng nhân-tài của nước Tàu thật là chu-chí lắm.

Những đầu-đề các bài thi, đều lấy đạo luân-lý cao-siêu sau này làm gốc : Người ta phải chăm tu-luyện lấy thân mình hơn là chế-ngự vạn-vật ngoài, và phải chú-trọng về đường cư-xử đối-đãi với kẻ khác.

Các đạo-lý luân-thường đó đều có giảng-giải trong sách của các nhà tư-tưởng, hiền-triết đời xưa. Sách đó có thể gọi được là « sách cổ-điển » (*classiques*) của văn-hóa nước Tàu.

Muốn hiểu thấu được những tư-tưởng thâm-thúy của các nhà đại-văn-hào thuở trước, để mà dung-hòa với sự cần-thiết của thời-đại này, thì ắt là phải coi qua những sách đó mới được. Bởi vậy cho nên cai-trị một nước chẳng phải là cứ đem luật-pháp ra mà theo, mà đọ từng phân li như ở Âu ở Mĩ, lại cần phải đem những điều nghĩa-lý về chính-trị ra mà giảng-giải cho kỹ-càng nữa. Vì phép trị dân khó như vậy, nên trước cuộc cách-mệnh năm 1911, tất cả những quan-lại, từ quan Tổng-đốc một tỉnh cho chí các quan phủ huyện đều phải lấy « lương tâm » mình ra mà làm việc. Quan tức là phụ mẫu dân, vậy cho nên oai-quyền quan đối với dân cũng chẳng khác gì oai-quyền cha mẹ đối với con cái. Vậy oai-quyền đó tức là oai-quyền người gia-trưởng đối với con em trong nhà. Các quan hồi đó chỉ học sách kinh truyện là sách cổ-điển mà thôi, cho nên chỉ biết lề-lối cũ về phép làm quan, chứ không gọi là luật-pháp chung về việc dân việc nước được.

Mục-đích việc khảo-thí là để lựa chọn lấy những người nào thuộc lịch-sử nước nhà, vì có thuộc việc cũ thì mới biết khéo lựa-lọc mà thích-dụng về việc mới được.

Lúc thi thì có các quan-trường, các quan giám-khảo, một đôi khi lại có cả Hoàng-đế nữa, đều để ý xét xem các thí-sinh giảng những bài trong các « kinh-điển » có đúng không.

Xem đó thì có thể nói được rằng nước Tàu có ba thứ quyền quan-hệ nhất, tức là quyền hành-chính, quyền khảo-thí và quyền kiểm-sát.

Theo như chính-thể lập-hiến mới thì nước Tàu muốn cho ngoài ba quyền hành-chính, lập-pháp và tư-pháp, như các nước Âu-tây, lại thêm quyền khảo-thí và quyền kiểm-sát nữa.

Đó là lý-thuyết như vậy, nhưng về việc thi-hành thì chưa lấy gì làm hoàn-toàn cho lắm, vì có khi quên đi không nghĩ tới nữa. Nhưng cũng nên biết cho rằng trong khi thi-hành chính-sách mới-mẻ đó, thường gặp phải nhiều nỗi khó-khăn về đủ mọi phương-diện...

■

Cái cách dạy trẻ cho đi thi bằng phép giảng sách cũ đó, về đường « sư-phạm » cũng đũ khá cho là lạ rồi, vì các nhà sư-phạm đời xưa (nước nào cũng vậy) đều cho trẻ con là những người lớn « thu nhỏ » lại, thế là lầm to. Các nước Âu, Mĩ, mới đây, mới ra công khảo-sát về tâm-lý trẻ con, mà cũng mới đây mới hay rằng tâm-lý trẻ con nó khác tâm-lý người lớn nhiều lắm.

Các nhà sư-phạm Tàu xưa cũng hiểu lầm như vậy. Thầy giáo Tàu cũng như thầy giáo Pháp xưa, dạy học-trò chữ Hán hay chữ Pháp, nhưng dạy là dạy cho chúng biết nhận mặt chữ, biết đọc cho trôi-chảy mà thôi, chứ không biết giảng-nghĩa những chữ đó. Dạy như vậy là yên trí rằng học-trò khi nào đọc được chữ là sẽ tự-khắc hiểu được nghĩa. Ấy là họ tập-luyện tư-tưởng một cách gián-tiếp như thế đó.

Tôi còn thấy thi-hành cách dạy đó ở một cái trường nhỏ tại Hàng-châu. Trường đó ở một cái trại, do ông chủ-trại tự trông nom. Lớp học thì ở gian giữa, một bên là nhà của ông « đốc », một bên là « chuồng lợn » ! Ngăn lớp học với nhà ở và chuồng lợn thì có hai cái phên cao không quá đầu người. Một ông đồ già coi năm sáu đứa trẻ đang mài-miệt học một quyển sách vỡ lòng chữ Hán. Từ sáng đến chiều phải chăm-chỉ học cho kỳ thuộc lòng những bài ông thầy cho, học gia-giả như quốc kêu mùa hè, chẳng hiểu chi chi cả, lúc đã thuộc thì quay lưng vào thầy giáo mà đọc, đọc cho thiệt mau, không được ngó vào sách mà cũng không được ai nhắc.

Cứ học như vậy mà luyện được trí nhớ lũ trẻ, chúng nhớ rất kỹ được rất nhiều điều hay. Kể cũng thần-tình lắm. Vậy chỉ còn chờ ngày trí-khôn tới trình-độ hiểu được những tư-tưởng đã thu-nhập vào óc nữa mà thôi, thành thử ra những điều đáng biết vào lúc thiếu-thời thì đến lúc đứng tuổi mới hiểu rõ !

Người nào mà học được đến nơi đến chốn thì tất là hiểu biết được nhiều điều hay.

Cách đó bây giờ không ai dùng tới nữa. Họ bỏ mà dùng cách mới, tức là theo cách « chữ nào nghĩa ấy » vậy.

Mãi đến cuối thế-kỷ thứ XIX, ông Vua cuối cùng ở nước Tàu (vua Quang-tự) mới nghĩ cách cải lại việc học theo Âu-Tây, cho nên các trường đại-học, trung-học và tiểu-học mới tuần-tự lập ra. Cải-cách như vậy cũng không phải là không gặp nhiều nỗi khó-khăn. Bà Hoàng-hậu (Từ-Hi) cầm quyền-chính hồi đó, vốn là người hay câu-nệ các cổ-tục, hết sức ra công phản-đối.

Hoàng-đế liều mình ra bênh-vực chính-sách mới, nhưng rồi kết-cục cũng đến bị cái phong-trào phản-động do giặc Quyền-phỉ (*Boxers*) nổi lên phá đổ. Phái này phản-đối hết cả những chính-sách cùng tư-tưởng ở ngoại-quốc truyền-bá sang nước Tàu.

Sự phản-động đó làm cho các nước phải can-thiệp tới và đòi nước Tàu phải bồi-thường cho họ một món tiền cũng khá to. Sở-dĩ có sự can-thiệp của các ngoại-bang, là vì thủa trước nước Tàu cũng có giao-thiệp với các nước Âu-Tây, giặc Quyền-phỉ (*Boxers*) phản-động lên như vậy là có hại cho quyền-lợi các nước lắm. Món tiền bồi-thường đó sẽ đem chia ra cho 19 nước đã hiệp-lực đánh đổ đảng Quyền-phỉ, tùy theo nước nào thiệt nhiều hay ít. Nhưng định rằng tiền đó sẽ dùng để mở-mang việc giao-

tế của các nước Âu-Tây với nước Tàu, nhất là mở-mang về việc học.

Vậy cho nên thoạt đầu tiên thì nước Hoa-kỳ, rồi đến nước Pháp, nước Anh, nước Đức... đều thi nhau mở các trường trung-học và đại-học để gây dựng nên ít người biết cách tổ-chức cùng quản-trị, theo phương-pháp Âu-Tây. Người Hoa-kỳ có mở ở Đông-kinh một trường Đại-học gọi là « Thanh-hoa đại-học-đường » (*Tsing-Houa*). Học-sinh học ở đấy ra, được cấp học-bổng qua bên Mĩ để tốt-nghiệp.

Các trường Đại-học Mĩ được các giáo-đoàn đạo « Tin-Lành » (*Protestants*) giúp nên ngày càng mở-mang to-tát lắm.

Còn có nhiều trường nữa của Pháp, của Anh và của Đức.

Các trường đó không có liên-lạc gì với nhau cả, dựng nên cũng không có mục-đích chung, mà phân chia ra cũng không đều, nơi nhiều nơi ít, không theo sự cần-thiết của dân bản-xứ.

Cũng có nhiều trường sơ-học do các cố-đạo mở ra, nhưng chỉ cốt để truyền đạo-giáo mà thôi. Những trường này chắc cũng chẳng được nhiều người học. Vì dân Tàu về trình-độ luân-lý chẳng kém gì các dân Âu-Tây, họ không cần phải đến đó mà học về đạo-lý, nhiều khi cũng chỉ vì ham có thực-lợi mà tới thôi.

Nhưng từ ngày Chính-phủ Quốc-dân của Tôn Dật-Tiên (Sun-Yat-Sen) lên thay, thì tình-thế lại đổi ra khác hẳn.

Dân Tàu (hơn 450 triệu người) có tới ngoại 40 triệu trẻ con đến tuổi đi học. Dạy-dỗ bọn đó, vấn-đề ấy mới to-tát làm sao! Vậy mà trong có mấy năm trời, Chính-phủ mới thắng-đoạt được mọi nỗi khó-khăn mà lập nên một số trường có thể dung-nạp được 8 triệu trẻ con.

Không những thế, lại định được một cái chương-trình rõ-ràng giản-dị dễ mà giáo-dục lũ thiếu-niên đó.

Mấy điều cốt-yếu trong chương-trình đó, tóm-tắt như sau này :

1° — *Mở-mang tư-tưởng quốc-gia* : Phải căn-cứ vào cái văn-hóa cố-hữu của Tàu mà nâng cao lòng ái-quốc của cả dân-tộc Tàu, tức là phần tư loài người.

2° — *Thực-hiện chủ-nghĩa dân-chủ* : Muốn được vậy cần phải dạy cho dân-chúng có đức công-dân, biết trọng pháp-luật và có lòng trung-trực.

3° — *Mưu-cầu hạnh-phúc xã-hội* : Như vậy thì trong nước ai cũng phải có kế sinh-nhai, mà muốn cho có kế sinh-nhai thì không gì bằng dạy cho dân có nghệ-nghiệp.

Các ủy-hội mưu-tính các việc đó định lập ra một bộ Quốc-dân giáo-dục để thế cho các chế-độ khảo-thí khi xưa.

Bộ Quốc-dân giáo-dục ấy cũng theo một mục-đích như ở nước Pháp, cũng xếp đặt như ở Pháp, nhưng chưa lấy gì làm tiến-bộ lắm. Công việc làm phần nhiều còn do ở ý muốn của các địa-phương, chứ Bộ trung-ương cũng chưa sáng-kiến được điều gì to-tát.

Nước Tàu có cả thảy 18 tỉnh, ba đạo tức là Mông-cổ, Tây-tạng và Mãn-châu (*Mongolie*, *Thibet*, *Mandchourie*).

Chánh-phủ Trung-ương thì coi các trường đại-học, còn các tỉnh thì chủ-trương các trường trung-học. Các trường tiểu-học là việc của các quận (*districts*), cũng tỉ như các hạt của nước Pháp. Các quận đó lại chia ra nhiều bộ-phận nhỏ nữa, cũng ví như các tổng vậy.

Về vấn-đề tài-chính thì đã có các làng các tổng chịu, các quận, các hạt cũng có đóng-góp ít nhiều, còn tư-gia một đôi khi cũng có lòng giúp đỡ.

Về việc kiểm-sát các trường thì hiện nay đang trù-tính, vì số các viên thanh-tra học-chánh còn ít-ỏi lắm.

Muốn biết rõ tình-hình việc học nước Tàu ra sao, hãy lấy việc học ở tỉnh Triết-giang (Tché-kiang), thủ-phủ là Hàng-châu (Hang-Tchéou) ra làm thí-dụ thì khắc hiểu.

Ở đó công-quỹ thì không có, chỉ có những món thuế bất-thường để chi-dụng về mọi việc mà thôi. Vì vậy cho nên thuế đóng bao nhiêu và để tiêu về những việc gì đều có cho rõ cả. Đại-khái như : bao nhiêu về thuế thổ-trạch phải đóng vào quỹ nhà-nước, bao nhiêu tiền phải đóng để chi-phí về việc hàng tỉnh, bao nhiêu nữa phải đóng để chi-dụng về việc tiểu-học...

Trong những thứ thuế đã kể trên, có rất nhiều các thứ thuế lặt-vặt như thuế thay vào thuế gạo, thuế văn-tự, thuế các hàng bán thịt, thuế các đồ xa-xỉ-phẩm, thuế các bất-động-sản, thuế các đền chùa, các điện, thuế về tục mê-tín (như bói-toán, v.v...)

Nói tóm về việc học nước Tàu ngày nay

Bậc tiểu-học. Thì có :

A — Các Ấu-trĩ-viên (*écoles maternelles*) hay là *Kindergarten*. Những trường này chỉ có một vài tỉnh có mà thôi. Nhưng rất ít học-trò.

B — Các trường tiểu-học hạng dưới (*écoles primaires inférieures*) (niên-hạn là 4 năm) cho những trẻ con từ 6 đến 10 tuổi.

C — Các trường tiểu-học hạng trên (*cours supérieurs des écoles primaires*) (niên-hạn hai năm).

D — Đến đó có thể lên luôn ban trung-học hay là theo ban *Continuation Schools* cũng tương-tự như các lớp bổ-trợ cho bậc tiểu-học cho đến năm 14 tuổi.

E — *Các trường Sư-phạm thôn-quê*. Trường này đào-tạo nên các nhà giáo-học lương mỗi tháng chừng độ 90 cho đến 120 f. Các nhà giáo đó thường đốc lòng dạy-dỗ trẻ con lắm.

Cách dạy học bây giờ vừa dạy cho biết mặt chữ, cho biết cách đọc cho đúng và lại vừa giảng nghĩa cho rõ-ràng nữa.

Trẻ con Tàu có tài vẽ giỏi, lại có con mắt nhận các nét vẽ rất sành, cho nên trong sự học-tập cũng có điều dễ-dàng. Bản-tính dung-dị, lại ôn-hòa, trẻ con Tàu trong khi học-hành tại trường thường tỏ ra ý vui-vẻ hoạt-động lắm,

Các trường Trung-học ngày nay đã khác các trường trung-học hồi trước, nhưng vẫn còn chưa thoát khỏi cái thói trọng hư-văn (*verbalisme*).

Về bậc này học-trò phải học chữ ngoại-quốc nhiều quá, nhất là về các môn khoa-học (thường dùng tiếng Anh). Vậy cho nên việc học cũng hơi có vẻ nặng-nề. Nhiều lúc chẳng khác gì sống vào thời-đại cũ, vì chỉ học như vẹt mà thôi, không mấy khi dùng đến trí-khôn để phán-đoán.

Như một bữa tôi lại coi giảng một bài toán, tôi thấy ông thầy cầm một quyển sách của người Mĩ, ra công mà giảng thật to. Học-trò mỗi người một quyển sách hết sức chú-ý vào mà nghe,

chẳng khác gì ta nghe giảng một bài văn!

Về việc giáo-dục, nước Tàu ngày nay, những công-cuộc hiện đã thi-hành được như sau này:

A — *Bậc tiểu-học.* Có đủ trường cho 8 triệu học-sinh nhỏ Toàn con trai cả. Vì theo tư-tưởng cũ thì con gái lớn lên chỉ cốt làm sao về sau nên người mẹ hiền, người nội-trợ giỏi, vậy là đủ. Chính-phủ mới, có ý muốn cho con gái cũng được học-hành như con trai và học-hành lẫn-lộn với nhau, nhưng dân-gian chưa hiểu thấu những ý mới đó.

Ngoài những trường đó ra lại còn có những trường dạy theo lối cổ nữa. Những trường đó tất cả là bao nhiêu và có bao nhiêu học-trò thì không thể nào biết đúng được.

B — *Bậc trung-học.* Bậc này lại còn chia ra làm hai ban nữa, ban học phổ-thông và ban học nghệ-nghiệp. Ở những trường đó, cách dạy học chưa được chỉnh-đốn, và cách tập nghệ cũng chưa được hoàn-toàn.

Sở-dĩ như vậy là vì không có sách dạy bằng chữ Tàu, và môn gì cũng phải dùng đến tiếng ngoại-quốc. Cho nên nếu có thể sáng-chế ra một thứ tiếng Tàu dùng về khoa-học được thì may-mắn lắm. Việc đó cũng khó-khăn, nhưng nếu có công chịu khó thì cũng có thể làm được.

C — *Bậc cao-đẳng.* Về phần khoa-học thì chuyên về mặt thực-hành. Ở nhiều trường, các khí-cụ để học-tập được đủ cả, nhưng học-sinh học là học để biết những cái máy đó người ta sáng-chế nó ra thế nào và cách dùng của nó thế nào mà thôi, chứ không học vì lẽ gì mà máy chạy được.

■

Dù thế nào mặc lòng, cũng nên vui lòng mà ngợi khen Chính-phủ Tàu đã có công rèn-luyện cho dân-chúng được có chút học-thức như ngày nay.

Ít lâu nay lại có phong-trào ưng mở những lớp dạy người lớn đã quá tuổi đi học các trường (dạy cho biết đọc, biết phép vệ-sinh, biết đạo làm dân và biết một vài nghề-nghiệp).

Ở hạt *Ting-Hsien*, gần Bắc-kinh, cái phong-trào đó thịnh lắm. Có đặt một hội-đồng chuyên-môn, chọn lấy chừng hơn một ngàn chữ Hán thật cần-dùng, để dạy cho những người lỡ tuổi đó, cho mau biết chữ.

Ban Hội-đồng đó lại cho in và bán những cuốn sách riêng dễ hiểu, dễ học, mà bán cho học-trò, nhưng muốn cho họ có thể đọc mà hiểu được những sách đó, thì ít ra cũng mất bốn tháng học-tập, mỗi ngày hai giờ.

Học-trò những trường đó hết sức học-hành, chăm-chỉ một cách lạ thường, các thầy giáo thì ra công dạy-tập. Một dân thông-minh, siêng-năng, có não mĩ-thuật, có lòng nhân-đạo như dân nước Tàu, tôi rất có hi-vọng rằng nước đó sẽ trở nên một cường-quốc.

Mỹ-Ngọc *dịch-thuật*

ĐỜI SÚNG ĐẠN

■

Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1)

■

V

Mạch-Hải ở trong cửa hàng rượu đi ra, còn đang bâng-khuâng đứng ở đầu đường chưa biết nên đi về ngả nào thì chợt có một người con gái thướt-tha đi đến. Người con gái ấy đang đi, thốt-nhiên bị một chàng say rượu ở bên đường xông đến túm lấy toan làm những sự hung-ác. Người con gái sợ hãi kêu la rầm-rĩ, làm cho Mạch-Hải vốn tính nghĩa-hiệp, giữa đường thấy sự bất-bình như thế lẽ nào làm thinh đi được, mới nổi giận nhảy đến túm lấy ngực chàng kia hết sức quật mạnh một cái. Chàng say rượu ngã rúi xuống đất rồi ngóc dậy ù té chạy. Người con gái làm ra vẻ may-mắn mừng-rỡ, đến trước mặt Mạch-Hải tạ ơn :

— Thưa ông, vừa rồi tôi bị thằng cuồng dại nó làm nhục, nhờ ông cứu cho, thực là may cho tôi lắm.....

Mạch-Hải tỏ ý khiêm-tốn. Người con gái liền rút ở cái túi da cầm tay ra một cái danh-thiếp đưa cho Mạch-Hải. Mạch-Hải cầm lấy xem, thấy đề bốn chữ : *La-Na Lôi-Khắc*, chàng chợt sửng-sốt hỏi :

— Cô có họ với Lôi-Khắc tướng-quân ?

Người con gái vui vẻ đáp :

— Vâng, Lôi-Khắc tướng-quân là anh tôi. Ông cũng biết anh tôi ?

— Phải, ông ấy là người bạn già của tôi. Tôi muốn gặp ông ấy đã lâu mà vẫn chưa được gặp. Cô Lệ-Ti nói với tôi rằng ông ấy sang Âu-châu chẳng biết có thực không ?

Người con gái lắc đầu :

— Bậy, anh tôi vẫn ở nhà, nếu ông muốn gặp, tôi xin đưa ông đến.

Mạch-Hải mừng lắm nhận lời ngay, liền gọi một cái xe hơi hai người cùng đi, có biết đâu rằng La-Na Lôi-Khắc tức là ả La-Na nữ thám-tử của Đức thi-hành cái kế thứ hai của Lỗ-Lan. Chúng biết rằng Mạch-Hải đang muốn gặp Lôi-Khắc tướng-quân nên mới mạo cái danh-thiếp ấy. Quả-nhiên Mạch-Hải mắc lừa sa vào lưới của chúng rồi.

■

Lệ-Ti bị bọn thám-tử Đức bắt đem về Lỗ-Lan y-viện giam vào phòng riêng của La-Na. Lệ-Ti ngồi yên một lúc lâu tâm-thần mới định, nhìn ra chung quanh phòng để tìm một chỗ thoát-

(1) *Xem Nam-Phong từ số 197.*

thân, nhưng làm thế nào được, vì cửa lớn cửa nhỏ đều khóa kỹ cả. Nàng nghĩ mãi mà cũng không nẩy ra được một phương-pháp nào. Chợt thấy trên tường có một cái cái lỗ nhỏ tròn độ ba tấc, nàng thò ngón tay vào xem thì thấy một cái ống sắt giống như cái ống dẫn hơi than đá để thắp đèn, nhưng bên ngoài cái lỗ ấy không mắc một cái đèn nào, vậy cái ống sắt ấy nàng không biết dùng để làm gì. Nàng ngẫm-nghĩ hồi lâu mới chợt tỉnh-ngộ, biết rằng cái ống sắt ấy là cái vật giết người của đảng trinh-thám Đức. Nếu có người nào bị giam cấm ở trong phòng, bên ngoài chúng sẽ do cái ống sắt ấy thảo hơi than đá vào đầy phòng, người bị giam tất chết ngạt. Nàng nghĩ đến đấy bất-giác sợ hãi, vội-vàng đánh một cái diêm đi vào miệng lỗ thử xem, thì không thấy lửa cháy, biết rằng bên ngoài chửa tháo hơi vào, trong lòng mới hơi yên. Nhưng nàng nghĩ chỗ nguy-hiểm này phải mau mau tìm kế thoát-thân, song nàng đã tìm trăm phương nghìn kế rồi mà vẫn chửa có kế nào ra được, trong lòng bồi-hồi lo-lắng, đứng ngồi không yên. Lúc ấy nàng chợt nghe thấy ở ngoài thang gác có tiếng giầy cồm-cộp như ở dưới đi lên, cái thần-trí thiêng-liêng chợt động, khiến cho nàng nghĩ ngay ra được một kế. Nàng nhìn chung quanh thấy ở góc phòng có một cái gậy gỗ, liền chạy ra nhặt lấy rồi nấp vào đằng sau cửa nín hơi để đợi. Một lúc cánh cửa từ từ mở ra, một người con gái thong-thả bước vào, cử-chỉ điềm-nhiên dường như không biết rằng trong phòng có Lệ-Ti.

Người con gái ấy là ai? Đó là nữ thám-tử của Đức, nàng La-Na.

■

La-Na dụ được Mạch-Hải rồi, cùng ngồi xe hơi đến con đường Mai-nạp, đỗ trước một tòa nhà lớn. La-Na vui vẻ nói: Đây rồi! Rồi đẩy cửa đi vào, Mạch-Hải theo sau. Đi hết cái lối đi nhỏ thì đến một cái thang bằng đá lóng-lánh như dát vàng, rất là mát-mẻ sạch-sẽ. Bên trái cầu thang là một cái phòng khách. Cửa phòng đóng chặt, La-Na lấy thìa khóa mở rồi mỉm cười mời Mạch-Hải vào. Mạch-Hải không nghi-ngờ gì, thản-nhiên bước vào. Không ngờ Mạch-Hải vào rồi, La-Na thừa lúc chàng không để ý, liền lẻn ra ngoài đóng sập ngay cửa khóa trái lại, rồi ra xe đi. Đến Lỗ-Lan y-viện, nàng toan đem sự bắt được Mạch-Hải nói cho bộ-trưởng là Lỗ-Lan biết, nhưng Lỗ-Lan lại đi vắng chưa về, nàng mới lên thang gác về phòng riêng của mình. Chẳng ngờ vừa mới mở cửa vào liền bị một gậy của Lệ Ti phang rất mạnh xuống đầu, ngất đi ngã gục xuống. Lệ-Ti mở cửa chạy ra, sau chợt nghĩ lại trở vào, cởi hết quần áo của mình ra đánh đổi cho La-Na. Nàng mặc quần áo của La-Na rồi kéo cái mạng che mặt xuống, ra đứng trước gương soi, thì quả là La-Na chứ không phải Lệ-Ti nữa. Nàng vui mừng đi ra khóa cửa lại, ung-dung xuống thang gác, ý định đi ra cửa rồi trốn đi. Không ngờ mới đi được một tí, xa trông đằng trước mặt một thiếu-niên đối-diện đi lại. Thiếu-niên trông thấy Lệ-Ti vui mừng reo lên:

— La-Na! Tôi tìm nàng mãi! Nàng ở đây đấy à?

Lệ-Ti nhìn kỹ thiếu-niên, bất-giác giật nẩy mình. Nào có phải ai đâu, chính là Phật-Lai.

Nguyên Phật-Lai ở hàng rượu về,

vào yết-kiến Lỗ-Lan. Lúc ấy Lỗ-Lan đã về, đang hội-họp với đồ-đảng ở phòng giấy. Phật-Lai vào liền hỏi :

— Cô La-Na về chưa?

Lỗ-Lan đáp :

— Chưa.

Phật-Lai kinh-ngạc :

— Cô ấy cùng đi với Mạch-Hải đem giam hẳn ở cơ-quan đường Mai-nạp, cứ tính ra thì bây giờ công-việc có thể xong được rồi, sao lại chậm-trễ thế? Hay là có xảy ra sự gì trở-ngại chăng?

Lỗ-Lan nói :

— Anh không lo, tôi xem La-Na là người khôn ngoan, chắc không xảy ra sự gì. Nay tôi có việc này muốn nói với anh. Đảng ta đã bắt được Lệ-Ti và giam ở phòng La-Na rồi, ý-kiến anh thế nào?

Phật-Lai nhăn trán nói :

— Con Lệ-Ti nó giảo-quyệt lắm, dối nó ở trong phòng sợ rồi sinh biến gì chăng. Cứ như ý tôi thì nên giết ngay đi để trừ hậu-hoạn là hơn.

— Giết đi càng hay, vậy anh đảm-nhiệm lấy việc ấy.

— Dễ-dàng lắm.

Nói rồi Phật-Lai đến trước cái tủ sách lấy tay đẩy hàng sách thứ hai ở trên giá bên phải. Trên giá sách thật sách giả lẫn-lộn. Nguyên sách giả chỉ là một cái vỏ sách bằng gỗ mỏng còn ruột thì rỗng không. Nhác trông qua thì sách thật với sách giả y như nhau, không ai phân-biệt được. Lúc ấy Phật-Lai lấy ngón tay chạm vào một quyển sách, tức thì quyển ấy mở ra thành một cái cửa con, bên trong có đặt một bộ máy để tháo hơi than đá. Phật-Lai thò tay vào mở máy, xong rồi quay lại nói với bọn Lỗ-Lan :

— Từ ngày đặt cái máy này chưa dùng đến lần nào, hôm nay mới thi-nghiệm là lần thứ nhất. Tôi chắc chỉ trong nửa giờ là Lệ-Ti phải chết. Giết người như thế tiện bằng mấy giết bằng súng với bằng dao.

Chúng đều lấy làm phải mà khen-ngợi. Phật-Lai đắc-ý lắm, nhưng nghĩ đến La-Na thì lại áy-náy, bèn nói với Lỗ-Lan :

— La-Na vẫn chưa thấy về, tôi lấy làm quan-tâm lắm, ý tôi muốn thân-hành đi tìm, ông có bằng lòng không?

Lỗ-Lan bằng lòng. Phật-Lai mới đi ra, định lên gác tìm thì giữa đường gặp Lệ-Ti, tưởng là La-Na thật mới vui mừng chạy đến nói huyên-thiên. Lệ-Ti sợ lộ chân-tướng nên chỉ gật gật chứ không nói. Phật-Lai khoác tay Lệ-Ti sánh vai cùng đi đến phòng giấy. Lỗ-Lan trông thấy Lệ-Ti cũng tưởng lầm là La-Na, thấy nàng không việc gì lấy làm mừng, mới quay lại bảo Phật-Lai :

— Anh đã đánh ngạt Lệ-Ti rồi, thế là kình-địch của ta đã trừ được một đứa. Nhưng còn Mạch-Hải giam ở cơ-quan đường Mai-nạp là một thằng biết nhiều điều bí-mật của nước ta, lại càng nên giết đi lắm. Nay anh đi hạ-thủ nó cho xong việc ấy đi.

Phật-Lai khẳng-khái nhận lời, duy xin cho một người để trợ lực.

Lỗ-Lan nói :

— Đấy, tùy anh muốn dùng ai thì chọn lấy.

Phật-Lai trỏ vào Lệ-Ti :

— Cô La-Na này có được không?

Lỗ-Lan cười :

— Thế thì còn gì bằng nữa. Anh với La-Na đi thì việc tất xong. Thôi đi

đi. Việc này quan-hệ lắm đấy, phải cho cẩn-thận đừng để nó trốn mất.

Phật-Lai vâng lời giắt tay Lệ-Ti cùng ra.

■

Mạch-Hải trúng kế của La-Na bị dốt ở cơ-quan của đảng trinh-thám Đức, lấy làm tức bực khó sở lắm. Chàng hết sức phá cửa để ra nhưng cửa kiên-cố lắm, phá mãi mà cũng không chuyển chút nào. Mạch-Hải thất-vọng ngồi phịch xuống cái ghế nhìn ra chung quanh để tìm lối thoát thân, chợt thấy trên cái bàn tròn ở trước mặt có một chai rượu và một cái cốc pha-lê sẵn-sàng. Mạch-Hải trông thấy rượu, cái tính cũ lại nẩy ra, mới chạy đến vớ lấy chai rượu toan rót ra cốc để uống, nhưng lại nghĩ đến lời khuyên bảo của Lệ-Ti thì cái tay cầm chai rượu tự-nhiên rụt lại, nhất-thời chính nghĩa và tư-dục giao-chiến với nhau, trong lâm không biết quyết về bề nào. Ngẫm-nghĩ hồi lâu, chàng mới cả quyết đập bàn nói rằng :

— Mình đã thề tuyệt-giao với rượu rồi kia mà ! Uống làm gì nữa ! Nếu uống nữa thì là dối người và dối mình, còn mặt mũi nào trông thấy Lệ-Ti ! Huống chi rượu này nếu là của Đức nó để đấy biết đâu lại chẳng là rượu độc, mình uống vào trúng phải kế nó, chẳng hóa ra mình lại tự hại cái thân hữu-dụng của mình !

Thế là Mạch-Hải nhất-định không uống nữa, bỏ chai rượu đấy, đi đi lại lại trong phòng, chợt ngẩng đầu lên, chàng trông thấy một bức ảnh của Đức-hoàng treo trên tường, bất-giác nổi giận, hầm-hầm cầm chai rượu ở trên bàn ném đánh chát một cái, chai rượu vỡ toang mà bức ảnh cũng vỡ toang. Chợt một vật ở đằng sau bức ảnh rơi xuống lòng-thòng lơ-lửng ở giữa nhà, Mạch-Hải cầm lấy xem thì là một cái ống nói của bộ máy điện-thoại. Xét ra chỗ giây nói thông vào trong phòng ở đằng sau bức ảnh. Mạch-Hải vô-tình tìm thấy mừng quá, liền gọi đến sở cảnh-sát Nữu-ước cầu cứu, tức thì được viên cảnh-sát-trưởng trả lời rằng sẽ cho người đến cứu-viện ngay. Mạch-Hải mừng rỡ, bấy giờ mới yên lòng ngồi đợi cảnh binh đến.

■

Lệ-Ti và Phật-Lai cùng ngồi xe hơi đi, không dám nói năng gì cả. Phật-Lai nhịn không được mới ôm lấy Lệ-Ti toan hôn, Lệ-Ti né mình kháng-cự. Phật-Lai ngạc-nhiên, nghĩ thầm mình với La-Na yêu nhau đã lâu sao hôm nay nàng lại cự-tuyệt mình như thế, mới bảo Lệ-Ti :

— La-Na ! Sao hôm nay em cứ lì-lì không nói một lời nào thế ? Mà xem ra em không có vẻ vui, hay là em giận g. anh ?

Lệ-Ti vẫn cứ ngồi im như cũ, Phật-Lai lại càng nghi, thừa lúc Lệ-Ti vô-ý, anh ta lật ngay cái mạng che mặt lên. Cái mạng vừa kéo lên, Phật-Lai giật nẩy mình, bất-giác kêu lên :

— Lệ-Ti ! Thế La-Na đâu ??

Lệ-Ti tủm-tỉm cười nhạt :

— La-Na ấy à ? Tao đã đánh cho chết ngất ở trong phòng của nó rồi.

Phật-Lai nghe nói tái người đi, sắc mặt sám ngắt, kêu lên :

— Trời ơi !... La-Na ! .. Hơi ngạt !... Trời giết La-Na của tôi !

Lệ-Ti ngồi ở bên cạnh cười gằn :

— Mày đính dùng hơi ngạt giết tao, bất-đồ lại giết La-Na. Bây giờ La-Na chết rồi, còn nói gì nữa. Trời có xa đâu!

Phật-Lai đau-đớn phẫn-uất quá, thịnh-nộ nổi lên như một con sư-tử đồ, nghiến răng lại bóp cổ Lệ-Ti mà quát lên:

— Đồ chó! Đồ khốn-nạn! Mày giết La-Na thì tao phải giết mày mới hả cái giận này.

Lệ-Ti bị bóp cổ gần chết ngạt, cố rẫy-rụa đấm đá Phật-Lai. Phật-Lai rút súng lục ra dí vào ngực Lệ-Ti mà cười lớn:

— Mày là hung-thủ giết người, nhưng tao không giết mày vội. Mày thân với Mạch-Hải, để tao mượn cái tay mày giết Mạch-Hải chơi. Nếu mày trái với tao thì sọ mày sẽ tan ra từng mảnh.

Lệ-Ti vì khẩu súng kề tận ngực nên lặng im không dám động. Phật-Lai sai tài-sế mở hết máy cho xe chạy thật nhanh, chiếc xe vùn-vụt như bay thẳng đến con đường Mai-nạp.

Mười-lăm phút sau, Phật-Lai với Lệ-Ti đã đến bộ cơ-quan của đảng trinh-thám Đức. Phật-Lai chĩa súng vào Lệ-Ti đi kèm. Đi hết con đường nhỏ, đến cái cầu thang bằng đá, hai người trèo thang cùng lên. Bên tả cái thang là một cái tường bằng đá xanh. Trên tường có hai miếng đá lớn hình vuông và hình dài. Một cái ngang một cái dọc như hình chữ thập. Phật-Lai lấy ngón tay ấn vào một chỗ ở tường, trong nháy mắt đá chuyển-động rồi hiện ra một cái cửa sổ hình chữ thập. Lệ-Ti ghé đầu vào dòm thì ra bên trong cái tường ấy là một cái phòng khách trang-hoàng đẹp lắm. Mạch-Hải đang buồn-rầu quanh-quẩn ở trong phòng. Lúc ấy Mạch-Hải ngẫu-nhiên quay lại bỗng thấy trên tường đột-nhiên hiện ra một cái cửa sổ, mà Lệ-Ti lại đứng kề ngay đấy vẻ mặt có dáng lo buồn, chàng lấy làm lạ, đứng ngây người ra nhìn không hiểu là cớ làm sao. Phật-Lai đứng bên ngoài tường trông thấy, bèn rút một khẩu súng đưa cho Lệ-Ti, cưỡng-bách nàng phải cầm lấy mà nói:

— Hẹn cho mày trong nửa phút phải bắn chết Mạch-Hải, nếu trái thì súng của tao sẽ bóp cò, đầu mày sẽ vỡ.

Lệ-Ti tuyệt không dám phản-kháng chút nào, cầm lấy khẩu súng chĩa vào Mạch-Hải như sắp bắn, nhưng tay trái ngầm lấy súng của mình ra, kín đáo đưa sang nách bên phải, một tiếng nổ vang, Phật-Lai liền ngã gục xuống. Lệ-Ti quay mình lại, tức thì hai tiếng súng nổ liền. Phật-Lai bị một lúc ba viên đạn chết ngay lập-tức. Mạch-Hải ở bên phòng khách lấy làm mừng quá, vừa toan trèo cửa sổ ra thì .. đại-đội trinh-thám Đức ập đến.

Nguyên Phật-Lai đi rồi, Lỗ-Lan sai đảng viên lên gác xem Lệ-Ti sống chết thế nào. Đảng-viên lên đến phòng La-Na, lấy thìa khóa mở cửa, bịt mũi mà vào. Lúc bấy giờ La-Na đã bị hơi ngạt làm chết cứng nằm ở dưới sàn. Bọn đảng-viên Đức thấy Lệ-Ti bỗng nhiên hóa ra La-Na thì giật mình, trông nhau mà kinh-ngạc, vội-vàng chạy xuống báo cho Lỗ-Lan. Lỗ-Lan nghe nói cũng kinh-hoàng, rồi mới giật mình sực nghĩ ra, quay lại bảo với đồ-đảng:

— Thôi phải rồi. Con mụ cùng đi với Phật-Lai lúc nẫy không phải là La-Na mà chính là Lệ-Ti nó đội lốt rồi. Con ấy nó giảo-quyệt như thế thì Phật-Lai nguy mất. Bây giờ tất cả các

anh phải mau mau đi cứu Phật-Lai, may ra Phật-Lai thoát được nạn cũng chưa biết chừng.

Chúng đều dạ vang rồi chạy ùa ra xe hơi phóng đến đường Mai-nạp. Đến nơi ùa cả vào, chợt nghe thấy mấy tiếng súng nổ liền, cả sợ, mới mở cửa phòng khách sấn vào. Mạch-Hải thấy đảng Đức đến đông, nắm tay lại đứng thủ thế, khi bọn đó đến gần là chân đá tay đấm, đánh cho túi-bụi lung-tung, bọn Đức bị thương ngã xuống cũng nhiều. Mạch-Hải thừa-cơ nhảy ra cửa chạy trốn. Đảng Đức hô lên đuổi theo. Đuổi đến đầu cầu thang đá, Mạch-Hải túng thế lại quay lại đánh nữa, liền bị đảng Đức vây đánh chung quanh. Lúc bấy giờ Lệ-Ti đứng ở đầu cầu thang trên, muốn lấy súng bắn để trợ lực Mạch-Hải, nhưng bọn Đức vây Mạch-Hải kín quá, sợ bắn thì trúng phải Mạch-Hải chăng, nên không dám bắn. Chống-cự được một lúc, kết-cục Mạch-Hải bị chúng đánh ngã bị-thương.

Mạch-Hải ngã rồi, một tên Đức cầm con dao nhọn chực đâm vào ngực Mạch-Hải. Lệ-Ti đứng ở trên đầu thang trông thấy sợ hết hồn quát lên, khẩu súng ở tay nổ liền theo tiếng kêu, tên cầm dao ngã xuống chết ngay lập tức. Chúng nghe thấy tiếng súng ngẩng lên thấy Lệ-Ti, mới xông lên vây đánh. Lệ-Ti đang lúc thế cô nguy-cấp, thì may sao, bọn cảnh-binh Mạch-Hải cầu cứu lúc nẫy đã đến nơi, xông ùa vào như ong vỡ tổ, thanh-thế rất mạnh. Đảng Đức đột-nhiên thấy cảnh-binh ập đến một cách bất ngờ, luống-cuống sợ hãi, chạy trốn lần đi như đàn chuột. Cảnh-binh chia nhau ra truy-tầm tứ phía, tiếng súng nổ liên-thanh. Khoảnh-khắc đảng Đức tên thì bị giết tên thì bị thương, đều thúc-thủ đầu-hàng, không sót một mống nào trốn thoát,

Lệ-Ti trên thang chạy xuống chỗ Mạch-Hải thì Mạch-Hải đã bất-tỉnh nhân sự chết ngất đi. Vừa lúc ấy viên cảnh-sát-trưởng cũng đem bộ-hạ đến, sai đem Mạch-Hải vào trong phòng khách đặt nằm trên một cái ghế dài. Viên cảnh-sát-trưởng thấy Mạch-Hải hãy còn mê-man chưa tỉnh, mới lấy ở trong túi ra một chai rượu, rỏ mấy giọt rượu vào mồm Mạch-Hải. Một lúc Mạch-Hải tỉnh dần, thấy trong mồm nhăm-nhắp hơi men, ngồi phắt ngay dậy đẩng lấy chai rượu ở trong tay viên cảnh-sát-trưởng. Viên cảnh-sát trưởng giật mình cùng với Mạch-Hải đẩng co chai rượu. Lệ-Ti thấy thái-độ Mạch-Hải như thế mới vớ lấy cái xích sắt của viên cảnh-sát trưởng thừa lúc Mạch-Hải vô-ý, nàng sấn đến xích ngay tay lại. Mạch-Hải gỡ không kịp, hết sức cựa cũng không được, đành đứng quắc mắt lên nhìn rất lấy làm căm tức. Lệ-Ti cầm lấy chai rượu mà nói với viên cảnh-sát-trưởng:

— Đang lúc nguy-khốn nhờ được ông cho người đến cứu, chúng tôi rất lấy làm may-mắn và cảm ơn ông lắm. Tôi là thám-tử của bộ bí-mật trinh-thám nước nhà. Những tên bắt được này xin nhờ ông giải đi cho, còn những công việc ở đây tôi xin liệu-lý lấy, không dám phiền ông nữa.

Viên cảnh-sát trưởng bằng lòng, chào Lệ-Ti rồi cùng với bộ-hạ áp-giải bọn trinh-thám Đức về sở.

Bọn cảnh-sát đi rồi, Mạch-Hải lại nằng-nặc đòi chai rượu ở tay Lệ-Ti. Lệ-Ti nghiêm-nghị cự tuyệt, Mạch-Hải phải cúi đầu van xin:

— Cô ơi!... Rượu!... Cô vì lòng

nhân của thượng-đế mà đưa chai rượu ấy cho tôi...

Lệ-Ti điềm-nhiên nói :

— Nếu muốn được nống rượu thì tôi hỏi điều gì ông phải trả lời rõ-ràng, nếu không...

Mạch-Hải mừng cuống-quít :

— Cô hỏi điều gì ? cô hỏi ngay đi ?

— Điều tôi hỏi ông, là : những điều bí-mật của quân Đức.

Mạch-Hải lắc đầu :

— Những điều bí-mật thì nội-dung thế nào, tôi không được biết. Tôi chỉ biết tên đất chỗ bí-mật mà thôi. Bây giờ tôi đem tên đất ấy bảo cho cô, cô có thể cho tôi chai rượu kia không ?

Lệ-Ti gật đầu :

— Được. Ông cứ nói đi. Chỗ bí-mật ấy ở đâu ?

— Ở bên Thụy-sĩ, qua rừng Âu-la thì đến. Tôi chỉ biết có thế thôi. Cô đưa chai rượu đây. Điều tôi nói đúng cả đấy.

Lệ-Ti xét lời Mạch-Hải có vẻ ngay thật, mới cầm chai rượu dốc xuống, rượu ở trong chai chảy ra ồng-ộc, trong nháy mắt chai rượu đã hết sạch. Mạch-Hải ngăn lại không kịp. Lệ-Ti ném cái vỏ chai xuống bàn, nghiêm sắc mặt trách Mạch-Hải :

— Ông đã vào viện cấm rượu rồi mà chứng nào vẫn tật ấy. Ông cứ say đắm về rượu mãi như thế thì thật là ông phụ cái lòng tôi ủng-hộ ông bấy nay. Ông thử nghĩ mà xem, phải hay không ? Đi đi, ông Mạch-Hải ! Hiện nay Âu-chiến nguy-ngập, chính là lúc chúng ta báo đền nợ nước, rồi mai kia thế-giới hòa-bình, ông tha-hồ mà say sưa túy-lúy, lúc bấy giờ cũng chửa muộn gì. Ông hãy nghe tôi, đừng cố-chấp nữa.

Mạch-Hải nín lặng một lúc rồi giận-dỗi nói :

— Cô như thế thì nhẫn tâm thật. Cô bảo tôi đi đâu bây giờ ?

— Đi đến rừng Âu-la tìm bí-mật chứ đi đâu.

(Còn nữa)

Tùng-Toàn *dịch-thuật*

VĂN-UYỂN

THƠ CỔ

Hải-thượng Đình-trai tiên-sinh thi-tập

XXIX

Gặp quan Tổng-đốc Nguyễn Công-Trứ và quan Tổng-đốc Thanh Tôn-Thất Cung

Bỗng chốc may đâu gặp giữa đàng,
Hai ông Tổng-đốc kéo vô hàng;
Quân-quyền ông nọ gươm ba cặp,
Khí-cụ ông kia hạt một tràng;
Ông guốc ông giầy hơi khác tiếng,
Ông thơ ông rượu giọng đôi làng;
Ta xem trong cuộc hai ông ấy,
Chưa biết ông nào lại vẻ-vang.

XXX

Khe Nước-lạnh

Kìa Thanh-điện nọ lại hang Rươi,
Nước lạnh khe này núi bốn đôi;
Suối biếc mấy tua đồng rỏ giọt,
Ngàn xanh một dải giá đưa hơi;
Đài trì ai khéo đem xây thế,
Sơn thủy ta trông cũng lạ đời;
Nói vậy nước này chưa hẳn lạnh,
Này pha một ấm thử coi chơi.

XXXI

Núi Đá-chẹt

Vầy đá đâu kia khéo bất-tình,
Xô ra đứng chẹt quãng đường xanh;
Hai bên giáp lại hơi khín-khít,
Một lối thông qua chút đỉnh-đinh;
Thế-lộ có đâu ngăn đón cõi,
Nhân-sinh ai chịu ngảnh nghiêng mình;
Bấy lâu năm trước nghe còn chẹt,
Mới mở-mang rày đã rộng thênh.

XXXII

Thần Nghệ-an

Xưa nay cổ-ngạn tiếng đồn vang,
Tới hỏi giang-san chuyện mới tường:
Khói ngất non Kiền nơi thủy-chúa,
Mây vần đỉnh Dạ miếu Dương-vương;
Biển bia hai trạng còn son đá,
Kỷ án ba tòa vẫn khói-hương;
Chung thượng một vài lầu diện nữa,
Còn ra đâu đấy cũng tầm-thường.

XXXIII

Núi Đá-nhảy

(Tỉnh Quảng-bình)

Mỏng-mênh góc bể sóng tuôn dào,
Đá ở đâu đây nhảy mãi vào?
Lấp-ló lớp sau theo lớp trước,
Xô-bồ hòn thấp nối hòn cao;
Hay còn vóc ngọc lưng kia tá?
Vậy quyết đường mây bước ấy sao?
Tới đó nhảy lên ta hỏi nó,
Mi còn nhảy được huống chi tao.

XXXIV

Cáo quan về

I

Một chữ « nhàn » kia giá mấy mươi,
Trời chi ghen mãi chửa cho người?
Non sông thoăn-thoắt chân qua lại.
Trăng gió trơ-trơ mặt nói cười;

Vì khỏi duyên rồi khôn lánh phải,
Chỉ còn chuyện ấy khéo trêu người;
Thân này chưa rõ tiên hay tục,
Những muốn nhân chơi vậy kẻo lười

II

Những muốn nhân chơi vậy kẻo lười,
Dở khôn dở dại dở trêu người;
Su-thừa thủng-thỉnh đi cùng dừng,
Thù phụng le-te nói lại cười;
Bào hốt xui ra tay bó chặt,
Giang-sơn lặng đó mặt vênh người;
Một ngày là một sinh ra mãi,
Mười một phần nay đã được mười.

∴

THƠ KIM

Lời mẹ khuyên con gái

— Này con hỡi, hãy nghe mẹ nói:
Trời sinh ra đã gọi đàn bà;
Tuyết băng phải giữ thói nhà,
Phong-tư yểu điệu, nết-na dịu-dàng.
Cách ăn mặc xuềnh-xoàng cũng được,
Đừng phấn son, mộc-mạc là hơn;
Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Chỉ lo mất giá, chớ hờn muộn duyên.
Phải giữ lấy cái tên thục-nữ,
Đừng để cho hồ chữ thanh-xuân;
Thiếu gì cát-sĩ cát-nhân,
Rồi ra có lúc Châu Trần đẹp đôi.
Con chớ hám bề ngoài trang-sức,
Mà theo đòi ăn mặc chua-ngoa;
Chớ nên học thói trăng-hoa,
Xưa nay tiếng dữ đồn xa cũng nhiều.
Có lắm ả mĩ-miều ra dáng,
Trông rõ ra một áng giai-nhân;
Tiếc thay xấu đủ mười phân,
Làm cho cả bọn hồng-quần ô danh.
Sao chẳng biết ngọc lành đợi giá?
Một con sâu mất cả nồi canh;
Con người như thế đáng khinh,
Nữ-nhi đâu có ra hình nữ-nhi!

Con chớ có học nghề khiêu-vũ,
Mặc người ta vũ-trụ Bồng-lai:
Vỡ lòng học lấy nghề hay!
Đua nhau khoe sắc khoe tài ai khen?
Cũng chớ cậy lắm tiền mà diện,
Quanh tháng ngày hí-viện ca-lâu;
Giang-sơn gánh vác về sau,
Con người thế ấy ai cầu làm chi?
Mẹ vẫn biết mỗi thì một khác,
Xuân-xanh cùng tuổi-tác khác nhau;
Duyên xưa ai cấm bà đâu,
Ấy lời tục-ngữ vẫn câu nói thường.
Song kim cổ đôi đường cân-nhắc,
Thuở mẹ xưa chất-phác dễ coi;
Nếp nhà cốt giữ hẳn-hoi,
Tam-tòng tứ-đức theo lời cổ-nhân.
Việc nhà cửa đỡ-đần khôn xiết,
Ngón ăn chơi chẳng biết chi chi;
Đã sinh ra phận buồng the,
Đầu bài là phải nhu-mì nết-na.
Chắc có kẻ cười ta là hủ,
Kể ra thì quá cổ không nên;
Song-le đã gọi gái hiền,
Thời kim kim quá nên khen chăng nào?
Này con hỡi, ấy bao lời dạy,
Con cái nhà nên hãy nghĩ xa;
Phòng khi con bước chân ra,
Đua đàn em chị khéo mà hư thân.

Tương-giang-thị

∴

Thanh-Lâm nữ-sử

Từ trước đến nay ai ai cũng từng nghe câu ca dao « lẳng-lơ chẳng một mình ai, Thanh-lâm Đồng-sớm có hai ba người. » Nhưng chưa biết rõ sự-tích thế nào, mà lại có câu ca-dao như thế. Nhân vừa dây ký-giả có đến phủ Nam-sách xem ra phía Đông có một chợ gọi là chợ huyện Thanh-lâm, phía tây có một sông gọi là sông Cầu-giao (giáp làng Đồng-khê tức trước kia là Đồng-sớm) mới rõ Thanh-lâm Đồng-sớm là nơi đó. Ký-giả có kê-cứu lịch-sử câu ca-dao ấy, cứ theo những bậc danh-nhân cố-lão thuật lại thời nguyên làng Đồng-khê

trước kia có một nhà ông bà hào-hoa thi-lễ, đầu lòng sinh được một ả, khi nhỏ cho đi học song người có tư-chất thông-minh, không bao lâu thạo lối văn-thơ, kế sau ông bà lại sinh được hai cậu trai, nhưng hai cậu hãy còn thơ ấu thì ông bà đều qui-tiên cả. Người con gái đầu lòng của ông bà tức là chị của hai cậu, ở nhà nuôi dạy hai cậu học, sau hai cậu văn thơ tài giỏi, đi thi đồng-thời đỗ Tiến-sĩ. Nhà vua phân nổi là học ai? Hai ông tiền tâu là học chị. Vua bèn hạ chiếu vời bà chị của hai ông vào bệ-kiến, xét ra là nhà trâm-anh Thi Lễ, vả lại là người đảm-đang, nên phong cho bà là Lễ-Nghi Công-chúa, thành ra từ đấy mới có câu ca-dao « Đảm-đang chẳng một mình ai. Thanh-lâm đồng-sớm có hai ba người » sau này đọc sai chữ « đảm-đang » ra chữ « lẳng-lơ ». Vả lại hiện nay cũng vẫn còn đền thờ bà ở làng Đồng-khê. Nhân đây kỷ-giả hỏi rõ được căn-nguyên nên có làm thành bài ca sau này để giải tỏ sự tích nguyên-do là thế.

Mượn

Đỏi-đang chẳng một mình ai,
Lẳng-lơ hai chữ lầm sai đó là ;
Đảm-đang mới phải kia mà,
Thanh-lâm Đồng-sớm vốn nhà thi-thư.

Nói

Thanh-lâm lịch-sử,
Tiếng lẳng-lơ dân kể tự Cầu-giao.
Những từ nay ước mai ao,
Nhờ mượn khách Động-đào mà chỉ lối.
Tầu mã khán hoa phương quả đối,
Đăng lâu vấn nguyệt tối vi kỳ ;
Nào ai đã tỏ phân-ly,
Hay chỉ biết câu ca ghi thế hử ?
Hồ-thỉ nam-nhi tri nhược thử,
Thanh-cao nữ-sử vị tường tung :
Hoa kia chưa đấu sắc tử hồng,
Còn mờ-mịt mơ-mòng trong mộng-sự.
Đối nguyệt kim tôn không mạc sử,
Lạc hoa thủy diện thử thùy tri ;
Nghìn xưa âu có chuyện gì,
Bởi hậu-tiến nhầm ghi câu ngạn-ngữ.
Nguyên nhất hào-kiệt trung chi nữ,
Giáo nhị hiền đề-cử đồng-khoa ;
Mãn triều chu tử vinh hoa,
Tiếng nô-nức cao-xa trên bệ ngọc.
Truyền phán hỏi đâu mà giảng đọc,
Vội liền tâu chị học bảo em ;
Chiếu vời trước bệ ngỏ xem,
Cúi đầu chúc dâng đem câu vạn-tuế.
Khảo thế-hệ trâm-anh hoa-đế,
Bản quốc-triều phong kế lễ-nghi;
Danh thơm sự tích còn ghi,
Rõ ràng bản tiên phi chi địa lục.
Đến mới biết sông Giao trong chẳng đục
Lại mà xem chợ huyện các cùng lan;
Người thanh-nhỡn khách hồng-nhan,
Tục-truyền tác dị-đoan thành thử thuyết.
Đào xứ tiện băng thanh ngọc khiết,
Văn ngôn như đạm-tuyết khinh-phong;
Nhân ngày nhàn gặp lúc thong-dong,
Mượn bút tạm gió trong mà nối vận.
Nhất phiến u-tình kim bạch tận,
Tứ phương danh-diễn nhận minh văn;
Nay đà tỏ hết nguyên-nhân,
Gương bạch-nhật nét son thần thêm tỏ rạng.
Thế mới biết đan thanh khả trạng.
Để về sau như bia bảng chẳng hồ-nghi;
Thanh-lâm lịch-sử còn ghi.

Mỹ-giang cổ-miếu

Làng Phục-lễ thuộc hạt Bình-giang, chính là làng bà chúa Mc thác-sinh, bà là một vị Thượng-đẳng-thần anh-linh có tiếng, cầu sao được vậy, hiện có văn bia của tiền-triều ghi tích từ trước đến nay, đã rêu phong, cỏ lấn, gạch lở đá mòn, cot rõ cổ-kính. Và làng lại có tòa đình Tổng-cung thờ đức Tổng cung phi, tòa chùa Vĩnh-xuân thờ Phật cùng Thánh-mẫu, thiện-nam tín-nữ sùng-bái quanh năm, nhưng đình chùa đều đã lâu năm hư-hỏng giột nát. Xem ra xã nhỏ dân nghèo, lại không người đảm-đang chấn-chỉnh, nên chưa hề tu-bổ. Nhân dịp kỷ giả qua xem phong-thủy, xem ra thời ngôi đình Tổng-cung đã là nơi âm-thấp tịch-mịch,

Thiếu trang 89

THỜI-ĐÀM

■

PHÁP

Khánh-thành tượng ông Doumer.

Quan cố Giám-quốc PAUL DOUMER bị ám-sát năm 1932. Muốn kỷ-niệm một bậc vĩ-nhân đã tận-tụy hi-sinh với nước, chính-phủ Pháp đã dựng tượng ông tại thành *Aurillac* thuộc tỉnh *Cantal* là nơi nguyên-quán của ông.

Đứng trước tượng đồng, quan Giám-quốc LEBRUN làm lễ khánh-thành có đọc một bài diễn-văn rất cảm-động.

Vụ Stavisky.

Từ ngày vỡ-lở ra vụ gian-lậu của STAVISKY đến bây giờ tòa vẫn chưa đem ra xử được, vì công việc của ủy-ban điều-tra vẫn chưa xong. Mới đây bộ Hình có ra một tờ thông-tư nói đến cuối năm nay thì có thể xử được. Hiện ba viên bồi-thẩm làm việc suốt ngày đêm để xét những « núi bồ-sơ » và làm bản cáo-trạng 22 người bị liên-can; lại 15 nhà toán-pháp chuyên-môn xét về sổ sách lý-tài, có nói cả đến nền lý-tài của hai nước Ý và Hung, vì STAVISKY có giao-thiệp cả với hai nước ấy nữa.

Thống-chế Lyautey tạ-thế.

Thống-chế LYAUTEY đã tạ-thế hôm 27 Juillet tại *Vezelise* (*Meurthe et Moselle*), hưởng-thọ 80 tuổi. Chính-phủ làm lễ quốc-táng rất long-trọng. Toàn xứ Đông-dương có treo cờ rũ trong 5 ngày, để tỏ lòng ai-điếu.

Năm 1894 Thống-chế có sung vào bộ Tham-mưu ngạch binh ở Đông-dương.

Hội-nghị kinh-tế thuộc-địa.

Cuộc hội-nghị kinh-tế thuộc-địa do quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa PIERRE LAVAL tổ-chức có lẽ sẽ nhóm vào khoảng tháng Novembre này.

Đề-đốc Fournier, người ký hiệp ước Thiên-tân với Lý Hồng-Chương, nay hãy còn sống.

Hiệp-ước Thiên-tân là tờ hiệp-ước chính-phủ Tàu thừa-nhận nước Pháp bảo-hộ hai xứ Trung-kỳ và Bắc-kỳ do Lý Hồng-Chương, tổng-đốc tỉnh Trực-lệ, thay mặt chính-phủ Tàu đã ký ở Thiên-tân với Thủy-sư Đề-đốc FOURNIER thay mặt chính-phủ Pháp vào hồi tháng Mai năm 1884, tức là ngày 19 tháng tư năm Quang-tự thứ 10 nhà Thanh.

1934 — 1884! Hiệp-ước Thiên-tân đến năm nay vừa đúng 50 năm, mà Đề-đốc FOURNIER là người ký hiệp-ước hãy còn sống. Hiện nay Đề-đốc 92 tuổi rồi và đang dưỡng-nhàn tại quận *Neuilly*,

95

trong một nếp nhà nhỏ có vườn-dược cây-cối xanh um

Mới đây nhân ngày ngũ-thập chu-niên hiệp-ước Thiên-tân, một nhà viết báo Pháp đến thăm Đề-đốc, gặp Đề-đốc đang ngồi chống tay nhìn qua cửa sổ. Quan Hải-quân tổng-trưởng PIÉTRI cũng thân đến đưa tặng Đề-đốc một tấm tam hạng Long-bội-tinh ngạch Hải-quân.

Đề-đốc là người cao tuổi nhất trong Hải-quân nước Pháp ngày nay.

Một việc phát-minh : Làm dầu xăng bằng nước biển.

Báo « *Le Matin* » đăng tin rằng một người thợ máy ở *Rouen* tên là SABEURS mới tìm được một hóa-chất pha với nước bể thì thành ra dầu xăng, mà thứ dầu xăng ấy giá rất rẻ, chỉ có 3 *centimes* một lít. Nhà phát-minh ấy nói rằng nếu ai trả 2 ngàn triệu quan, thì bán cho cách chế thứ dầu xăng ấy.

ĐỨC

Hitler với Von Papen

Thủ-tướng HITLER xin với Thống-lĩnh HINDENBURG bỏ chức phó thủ-tướng và ủy-viên hạt *Sarre* của ông VON PAPEN để cử ông PAPEN sang làm đại-sứ ở Áo. Quan Thống-lĩnh bằng lòng, ông VON PAPEN cũng ưng-thuận. Dư-luận cho rằng đó là cái cách của HITLER định gẩy ông VON PAPEN ra ngoài việc nội-chính.

Thống-lĩnh Hindenburg tạ-thế.

Thống-lĩnh Paul Von Beneckdendorffund VON HINDENBURG đã tạ-thế sáng hôm 2 Août, hưởng thọ 87 tuổi. Chính-phủ làm lễ quốc-táng rất long-trọng.

Sau khi Thống-lĩnh từ trần, nội-các liền tuyên-bố đạo luật hợp-nhất hai chức Thống-lĩnh và Thủ-tướng làm một và giao cả cho HITLER. Quan Tổng-trưởng bộ Binh hạ-lệnh cho lục-quân và thủy-quân tuyên thệ trung-thành với HITLER. Các nước đều gửi điện-tín chia buồn cùng HITLER và con trai Thống-lĩnh. Phế-đế GUILLAUME II cũng gửi điện-văn chia buồn với con trai Thống-lĩnh và cử thái-tử đại-diện hoàng-tộc đặt vòng hoa viếng.

Các giới trong nước đều cho rằng thời-cục đã khó-khăn mà HINDENBURG chết, tất lại càng thêm nghiêm-trọng.

Quyền-thế của Hitler sau khi Hindenburg tạ-thế.

Làm thủ-tướng, làm lãnh-tụ đảng Quốc-gia xã-hội là một đảng có thế-lực lớn ở Đức, nay lại kiêm cả chức Thống-lĩnh nữa, thế là HITLER đã bước lên cái địa-vị nhà độc-tài, có uy-lực rất lớn ở Đức bây giờ, mà từ xưa đến nay trong lịch-sử Đức chưa có vị vua chúa nào bằng. HITLER có thể gọi là « chúa » của nước Đức ngày nay, mà đảng Quốc-gia xã-hội thế là đã chiếm hết quyền-thế ở Đức rồi vậy.

Người ta nói HITLER bây giờ có thể đem thực-hành cái chương-trình của đảng Quốc-gia xã-hội ngày 25-2-1920 mà chẳng ai dám ngăn cản.

HITLER từ-chối chức Quốc-trưởng (*Chef de l'Etat*) mà chỉ nhận chức Dân-trưởng (*Chef du Peuple*) và chức thủ-tướng (*Chancelier*).

Nhưng lại muốn được trọng sự-thế hơn, HITLER mới mở ra cuộc quốc-

dân đầu phiếu để trưng-cầu ý-kiến quốc-dân xem có tín-nhiệm mình nắm toàn-quyền nước Đức không.

Cuộc đầu-phiếu mở ra ở khắp nước Đức ngày 19 *Août* và được kết-quả rất mĩ-mãn. Cứ theo bản thống-kê thì công việc của HITLER làm được 90 °/o dân Đức hoan-nghênh.

HITLER khuyên đảng Quốc-gia Xã-hội phải làm thế nào cho 10 °/o dân không hoan-nghênh ấy phải theo cả chủ-nghĩa đảng Quốc-gia Xã-hội.

HITLER tuyên-bố sẽ hành-động cho toàn-thể dân Đức theo chủ-nghĩa của đảng mình.

∴

ÁO

Sau cuộc nội-biến.

Bọn phiến-loạn sau khi bị chính-phủ đánh dẹp đã trốn sang xứ *Serbie*, vừa qua cương-giới liền bị lính *Serbie* lột khí-giới và bắt giam.

Hai hung-thủ giết thủ-tướng DOLFUSS đã bị xử giảo. Trước khi bị hành-hình, cả hai đều hô lớn : « *Heil Hitler* » nghĩa là HITLER vạn-tuế.

Nội-các mới đã thành-lập. Ông SCHUSCHNIGG làm thủ-tướng, Hoàng-thân STARHEMBERG làm phó thủ-tướng. Chính-phủ mới đã chuẩn-y về việc cử ông VON PAPEN làm đại-sứ.

Các nước đều tỏ ý bất bình và đổ cho Đức chủ-trương việc mưu-sát thủ-tướng DOLFUSS và quấy rối nước Áo. Các báo Ý đều hô-hào dân Áo nên đồng-tâm hiệp-lực trừ tiệt bọn của HITLER trong nước đi.

Áo lo tăng binh để bảo-hộ cho sự độc-lập.

Vì cuộc nội-biến xảy ra, nên chính-phủ Áo vận-động ở Luân-đôn, ở Ba-lê, ở La-mã và những nước có ký tiểu-hiệp-ước để xin phép cho nước Áo được tăng binh-đội lên.

Theo tin đồn thì mấy nước Anh, Pháp, Ý đã ưng-thuận.

Mùa xuân mới rồi mấy cường-quốc có ký điều-ước *Trianon* cũng đã cho phép thủ-tướng DOLFUSS tăng binh một lần rồi.

∴

MĨ

Vấn-đề hải quân.

Vì tình-thế Âu-châu nghiêm-trọng nên quan Thượng-thư hải-quân đã xin quan Tổng-thống ROOSEVELT để nguyên tầu chiến lớn ở Thái-bình-dương thôi, còn tầu nhẹ thì đem về Đại-tây-dương.

Mĩ tuyên-bố rằng không cho Nhật được ngang số tầu với mình.

Hạn-hán.

Ở Mĩ hiện nay nắng rất dữ. Số người chết nắng có đến hơn một nghìn. Mùa màng và súc-vật bị nguy lắm. Người ta nói đã 62 năm nay mới lại có cái nắng dữ-dội như thế.

∴

NHẬT

Nhật mới chế được một thứ ngư-lôi mới.

Bộ Hải-quân Nhật mới đem thử một thứ ngư-lôi (*torpille*) kiểu mới rất lạ. Thứ ngư-lôi này khác với những ngư-

lôi thường là có một cái động-cơ rất mạnh và có một chỗ vừa cho một người ngồi để vặn lái. Như thế thì tầu bên địch chạy nhanh đến đâu cũng không thể tránh thoát. Ngư-lôi này chạy nhanh được từ 30 đến 50 hải-lý một giờ, và có thể chạy dưới mặt nước được.

Bộ Hải quân Nhật yết-thị cần 400 người để cầm lái ngư-lôi ấy. Cầm lái ngư-lôi ấy tức là đi đến chỗ chết, vì ngư-lôi đâm vào chiếc tầu chiến nào thì ngư-lôi nổ tan, người cầm lái tất phải tan ra như xác pháo. Thế mà yết-thị vừa mới ra, tức thì có đến 5.000 thanh-niên Nhật đều ứng-mộ, mà người nào người nấy đều có vẻ vui sướng được hi-sinh cho tổ quốc. Xem thế thì đủ biết cái tinh-thần can-đảm yêu nước của người Nhật là thế nào!

Đồ hàng của Nhật rẻ lắm.

Muốn cạnh-tranh về đường kinh-tế, Nhật đem hóa-vật kỹ-nghệ của mình sang các nước bán phá-giá dữ lắm. Một cái bóng đèn điện bán 2 su rưỡi, xe đạp 130 quan một chiếc, đồng-hồ bán từng kilo, mỗi kilo có 35 quan, xe hơi 7 mã-lực mà mỗi chiếc chỉ có 4.000 quan, tức là 400 bạc ta. Rẻ biết chừng nào!

Hiện nay Nhật đang cho người đi cổ-động ở Ấn-độ, Nam-dương quần-đảo, và cả Phi-châu nữa. Còn như Tàu và Mãn-châu thì vẫn thích dùng xe hơi của Nhật lắm.

Nghe đâu họ lại định đem sang bán ở cả Đông-dương ta.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

■

Chính-phủ Trung-ương nước Tàu gần đây, người Nhật vẫn biết là không phải là một Chính-phủ toàn-thể nhất-trí, Uông Tinh-Vệ là trưởng viện hành-chính, cầm quyền ở Nam-kinh, Hoàng-Phu là chủ-tịch ban hội-đồng chính-trị ở Bắc-bình, bấy lâu nay vẫn theo về phái Tưởng Giới-Thạch, có ý muốn thân Nhật. Song phái Tây-nam là bọn Trần Tế Đường, Bạch Sùng-Hi thì lại đồng-ý với Hồ Hán-Dân hiện ở Hương-cảng, bấy lâu vẫn không hiệp-tác với Nam-kinh, lại có ý kháng Nhật. Coi vậy đủ biết ý-kiến các tay trọng-yếu trong chính-giới nước Tàu rất là lộn-xộn, mỗi đảng-phái một ý-kiến khác nhau, chưa hẳn đã liên-lạc với nhau được. Mà bên ngoài thì người Nhật một mặt hăm-dọa lăm-le muốn thôn-tính nước Tàu, một mặt lại khôn-khéo dỗ-dành muốn thân-thiện với Tàu. Ấy cũng vì cái kế-hoạch giao-thiệp khôn-khéo ấy, nên mới rồi cái vấn-đề thông-xa thông-bưu tự Bắc-bình ra Mãn-châu, người Nhật mới được thành-công. Duy còn mấy vấn-đề địa-phương thì sẽ do Uông Tinh-Vệ và thuộc-viên quân-bị của Nhật là Sài-Sơn (*Suzuki*) cùng bàn-tính thỏa-định. Hữu-Cát là đại-sứ Nhật mới rồi có tuyên-bố rằng: Điều cần-yếu là phải lo gây nên một mối thân-thiện đằm-thắm trong cuộc Nhật-Hoa. Những cuộc giao-hảo đó đã được thành-tựu tốt-đẹp là nhờ Uông Tinh-Vệ hiện giờ có quyền tự-do giải-quyết các vấn-đề địa-phương ở Tàu.

Ấy về mặt giao-thiệp thân-thiện với Tàu thì người Nhật khôn-ngoan như vậy, mà bề ngoài thì người Nhật lại lấy binh-uy bách-truật nước Tàu. Quân Nhật lấy cớ việc giao-thiệp ở chiến-khu đình-đốn, lại đem thêm quân, thêm khí-giới đến các cửa Ninh-khẩu, Giới-lĩnh, Phan-gia, Hỉ-phong Cổ-bắc-khẩu, Mã-lan-cốc, lại phái máy bay đến dò xét phía tây Nhiệt-hà. Quân Mãn-châu đóng ở Đông-lăng cũng phái thêm đến.

Nhật lại vì phòng-bị đối chọi với Nga, đã dòm-dỏ đến cả Tân-cương và phía tây Mông-cổ, phái bọn quân-nhân và các tay chuyên-môn về kỹ-thuật tổ-chức thành một đội giao-thông, cứ dần-dần theo địa-thế mà lấn tới hai nơi đó, hẹn trong 2 năm phải lấy được xứ Tân-cương.

Cục-diện nước Tàu về miền Nam thì còn rối loạn như thế nọ, mà về miền Bắc thì bị xâm-lấn như thế kia, nếu người Tàu mà không đồng-tâm hiệp-lực thì sao hay cứu-vãn được lúc nguy-vong này. Các tay lĩnh-tụ Tây-nam gần đây xem ra ý-kiến đều chủ-trương về lối « đoàn-kết cứu nước », cái chính-kiến ấy rất dung-hợp với Trung-ương, tiền-đồ thống-nhất may ra cũng có hi-vọng.

Tôn-Khoa có đi Hương-cảng để hội-kiến với Hồ Hán-Dân và đi Quảng-đông để hội-kiến với các tay lĩnh-tụ phái Tây-nam như Trần Tế-Đường, Lý Tôn-Nhân, v. v... Không Tường-Hy, tổng-trưởng bộ Tài-chính, sau khi đi yết-kiến Tưởng Giới-Thạch trở về cũng xuống miền Nam.

Chẳng hay phái Tây-nam có v những cuộc hội-thương này mà chị hợp-tác thực với Trung-ương ha không.

Ngoài miền Đông-bắc thì quân nghĩ dũng lại nổi lên chống Nhật, như l chiếm-giữ được một dải sông Áp-lụ và đánh lấy lại được La-tử-câu. Quâ nghĩa-dũng ở đường Trung đông thì ẩn-hiện không thường, chẹn đánh đoàn xe, phá hủy các cầu, cắt đứt đường điện-báo điện-thoại, không mấy ngày không có. Các toán quân nghĩa dũng tuy quyết đồng-tâm liều chết chống Nhật, làm cho quân Nhật nhiều lần phải thoái-súc, nhưng trứng chọi với đá, chẳng hay sau này có nên công-cán gì không ?

VIỆC TRONG NƯỚC

Đạo Darlac chia làm 27 hạt. — *Darlac là một đạo rừng núi, có dân Mọi ở, thuộc Trung-kỳ, nay Chính-phủ có nghị-định chia đạo ấy ra làm 27 hạt, mỗi hạt đặt một tù-trưởng người Mọi thuộc dưới quyền quan Công-sứ Darlac. Mỗi tù-trưởng mỗi tháng được lĩnh nguyệt-bổng 15 đồng bạc.*

Các thầy số thầy tướng phải chịu thuế — *Trong Nam-kỳ Chính-phủ cho là những thầy xem số xem tướng và xem bói đều là bày cuộc trò chơi vui nho-nhỏ để kiếm tiền, nên định các thầy phải lĩnh môn-bài hoặc chịu thuế từng ngày.*

19

Có văn-bằng khoa-cử mới được làm hương-sư. — *Nghị-định quan quyền Toàn-quyền ngày 22 Juillet 1934:*

Khoản 2 trong nghị-định ngày 2 Décembre 1926 thì nay bỏ đi và thay vào như sau này :

Các thầy giáo trường hương-học lớp sơ đẳng trở xuống, ít ra phải 18 tuổi và phải có một thứ bằng trong các văn-bằng sau này : Sơ-học Pháp-Việt, Khóa-sinh, Sư-phạm, hoặc có chân nhất nhị tam-trường, Tú tài Cử-nhân Phó-bảng Tiến-sĩ về học cũ.

Người có bằng cao hơn sẽ được tuyển trước.

Những điều trên này không thi-hành cho các hương-sư tại-chức.

Điều-lệ vào học tại Quốc-tử-học-xá — *Mới đây quan Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục có tuyên-bố những điều-lệ về sự vào học ở Quốc-tử học-xá như sau này :*

Những người nào được đi Thừa phái thuộc-quan nghĩa là những người nào có bằng Thành-chung tốt-nghiệp, bằng Tú-tài tây hay Tú-tài bản-xứ và những viên-chức lòng-sự của Chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều có quan đầu Ty cho phép đều có thể xin vào Quốc-tử học-xá được.

Người nào vào đều phải nộp một năm 3 đồng và sẽ được một cái giấy vào phòng đọc sách và phòng diễn-thuyết (sẽ có những kỳ diễn-thuyết về những vấn-đề có ích cho thí-sinh).

Tiền đóng hàng năm sẽ nộp ở phòng giấy của Quốc-tử học-xá, do viên thư-ký ở đấy nhận và trao biên-lai ; năm đầu sẽ từ 1er Août 1934 đến 31 Juillet 1935.

Muốn xin vào, thí-sinh phải nộp những tờ đơn sau này :

A. — *Đơn xin vào, gửi cho quan Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-dục, hội-trưởng Quốc-tử học-xá, kể rõ :*

a) *Tên họ.*

b) *Ngày sinh.*

c) *Quê quán.*

d) *Bằng cấp gì, thi về năm nào.*

e) *Làng ngụ.*

f) *Các viên-chức thì hàm phẩm gì và ngày nào được vào làm việc cho nhà nước.*

B. — *Một bức ảnh 4×6 để dán vào cái carte vào cửa.*

C. — *Một tờ sao văn-bằng của thí-sinh để được nhận vào Học-xá theo thể-lệ định.*

D. — *Các viên-chức thì phải có giấy của quan đầu Ty cho phép tới lui Học-xá.*

Hiện nay ở Quốc-tử học-xá có một thư-viện đủ các sách học để đi thi thuộc-quan và một phòng rộng để cho thí-sinh đến học, phòng ấy sẽ mở từ 4 giờ chiều đến 10 giờ đêm.

Một người tá-điền bị bắn chết. — *Người tá-điền tên là Dương Văn-Túl ở đồn-điền Cầu-lồ thuộc Bắc-giang ngày 12 Juillet bị bắn chết. Nguyên ngày ấy Bác-sĩ* Gillard *quản-lý đồn-điền ấy cùng người thư-ký Nguyễn Văn-Hân và mấy người tùy-tùng đến đồn-điền Cầu-lồ đuổi Túl không cho ở đấy nữa. Túl chưa chịu đi, đôi bên gùng nhau một lúc, đến khi hai tiếng súng nổ thì tên Túl ngã lăn ra. Ngày 13, các nhà chức-trách tới điều-tra, ngày 17 Bác-sĩ bị bắt tại Hà-nội đem tống giam, Nguyễn Văn-Hân cũng bị bắt. Theo lời Bác-sĩ khai thì trước chối là không bắn Túl, đến khi ở trước phòng dự-thẩm thì mới nhận là có bắn*

mà bắn chỉ-thiên. Một người lính gác ở đồn-điền ấy là Ngụy Văn-Mạn khai rằng chính ông GILLARD *bắn chết tên Tút.*

Đến cuộc dự-thẩm sau cùng, Nguyễn Thị-Thạch là vợ Trưởng Tút khai là chính tên Pháo tức Nhàn là người tùy-tùng Bác-sĩ bắn Tút, mà Pháo thì khai là có bắn chỉ thiên, xét ra viên đạn bắn chết Tút thì đúng với đạn của súng Pháo cầm, nên Pháo đã bị tống giam, Bác-sĩ GILLARD *và Thư-ký Hân đã được tạm tha. Đợi khi kết-án mới rõ.*

Về việc ông Ackein quản-lý Văn-khế bị bắt. – *Việc ông* ACKEIN *bị bắt hồi đầu tháng 7, thì ông khai ở phòng dự-thẩm đã nhận rằng có biển-thủ hơn bảy vạn đồng của khách hàng và một số tiền trước-bạ ở tòa án. Tòa án* Marseille *lại vừa gửi giấy ủy-quyền sang cho sở Liêm-phóng Hà-nội xét về việc ông* ACKEIN, *vì có nhiều người ở* Marseille *kiện ông* ACKEIN *về tội lừa đảo nữa.*

Đề-phòng ngày 1er Août.— *Ngày 1er* Août *là ngày kỷ-niệm của cộng-sản, các nơi đều đề-phòng cẩn-mật, khắp trong cõi Đông-dương không xảy ra sự gì cả.*

Đông-dương được phát-hành một cuộc công-thái 170 triệu quan. — *Đại-Pháp quan-báo ngày 1er* Août *đã đăng một đạo luật cho phép Đông-dương được phát-hành một cuộc công-thái 170 triệu quan để bù vào số tiền lấy trong quĩ trừ-bị ra, để cho các nhà làm đồn-điền vay. Trong khi chờ cuộc công-thái này thực-hành thì Chính-phủ có thể xuất trước cả hay một phần số tiền công-thái trong một hạn ngắn phải trả. Tiền công-thái này trả dần trong 15 năm thì xong. Số tiền vốn và lãi của cuộc công-thái này do Ngân-hàng Đông-dương chịu và do chính-phủ Pháp bảo-đảm.*

Quan Toàn-quyền Robin ra Huế và Hà-nội.—*Ngày 2* Août, *quan Toàn-quyền từ Sài-gòn khởi-hành ra Huế, ngày 4 tới Huế, Ngài vào yết kiến đức Bảo-đại tại điện Thái-hòa, ngày 5 Ngài chủ-tọa Hội-đồng Thượng-thư, rồi cùng đức Bảo-đại chủ lễ khánh-thành nhà Quốc-tử học-xá, ngày 6 Ngài hội-nghị với đức Bảo-đại, quan Khâm-sứ và các quan đại-hiến Tây Nam, ngày 7 Ngài từ-biệt Huế ra Hà-nội, 9 giờ sáng ngày 8, ra tới phủ Toàn-quyền Hà-nội. Suốt dọc đường Ngài đi từ Sài-gòn ra Hà-nội, địa-hạt nào cũng có các quan dân sở-tại bày nghi-lễ đón rước chúc mừng quan Toàn-quyền mới, mà nhất là Kinh-đô Huế và Hà-nội thì nghi-lễ đón rước rất là trọng-thể.*

Một cô thiếu-nữ Việt-Nam đậu Y-khoa bác-sĩ.— *Cô* HENRIETTE BÙI *là lệnh-ái ông* BÙI QUANG-CHIÊU *mới đây đã đỗ Y-khoa bác-sĩ ưu-hạng tại trường Đại-học Y khoa ở* Paris. *Cô giỏi về khoa bảo-dục nhi-đồng, khoa phụ-nhân thai-sản và các bệnh riêng về phụ-nữ.*

Một cô thiếu-nữ Việt-Nam làm trạng-sư. – *Cô* NGÔ THỊ-DIỆM *du-học bên Pháp, mới rồi đỗ Luật-khoa cử-nhân và đã làm trạng-sư ở tỉnh* Montpellier.

Hội Khai-Trí nghênh-tiếp quan Toàn-quyền Robin. — *Hội Khai-Trí Tiến-Đức đặt một tiệc trà long-trọng vào hồi 5 giờ chiều ngày 18* Août *để nghênh-tiếp quan Toàn-quyền* ROBIN *mừng Ngài mới sang trọng-nhiệm chức thủ-hiến xứ Đông-dương này.*

Xử án không nên phân-biệt người Pháp người Nam.— *Trong Đông-dương tư-pháp quan-báo* Janvier

Mars 1934 có đăng tờ thông-tư của bộ Thuộc-địa đại-ý nói rằng các quan tòa-án đối với những vụ người Âu-tây với người thuộc-địa có can-phạm, thường thấy xử cho người Âu nhẹ tội mà xử người thuộc-địa nặng tội, hình như có phân-biệt màu da. Như thế là trái với sự công-bằng, rồi tất sinh ra nhiều ảnh-hưởng không tốt. Từ nay xử vụ án nào phải nên thận-trọng công-minh, tìm cho ra chứng-cớ, rồi kết án người có tội phải đúng như pháp-luật và trật-tự, bất-luận kẻ phạm là người màu da gì. Vả lại cái vinh-dự của người cầm quyền bảo-hộ cốt ở chỗ có độ-lượng có tinh-anh hơn người thuộc-địa chứ không phải ở chỗ võ-lực quyền-thế hơn người.

Chức-chưởng của phủ Tôn-nhân. — Ngày mồng 9 tháng 5 năm Bảo-đại thứ 9 (20-6-1934) có đạo Dụ của đức Bảo đại chia chức chưởng của phủ Tôn-nhân làm bốn khoản : 1) Chức-chưởng về hộ-tịch các người hoàng-phái ; 2) Chức-chưởng về lễ-nghi ; 3) Chức-chưởng về hành-chính ; 4) Chức-chưởng về hình-vụ.

Dự-định giảm 10 phần trăm thuế thân và thuế sinh-lý cho dân Nam-kỳ. — Ngày 30 Juillet, quan Thống-đốc Pagès đã dự-định qua sang năm 1935 sẽ giảm thuế cho dân An-Nam ở Nam-kỳ 10 phần trăm, và sẽ giảm 10 phần trăm cho cả thuế sinh lý nữa.

Xá thuế điền-thổ chưa nộp về năm 1932 cho dân Nam-kỳ. — Quan Thống-đốc Pagès vừa thông-tư cho dân Nam-kỳ rằng Ngài định xá thuế điền-thổ cho những người nào chưa nộp được từ năm 1932 trở về trước, chỉ phải nộp từ năm 1933 về sau mà thôi.

Hội-đồng Thường-trực Đông-dương Đại-hội-nghị. — Hồi 9 giờ sáng 17 Août, ban Thường-trực Đông-dương Đại-hội-nghị đã họp hội-đồng tại phủ Toàn-quyền Hà nội, do quan Toàn-quyền Robin chủ-tọa.

Hội-đồng chính-phủ. — Sáng ngày 18 Août ban Thường trực Hội-đồng chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan Toàn-quyền Robin chủ-tọa.

Ngạch học-quan ở Bắc-kỳ. — Nghị-định quan Thống sứ Bắc-kỳ mới rồi đã ấn-định các quan Đốc-học, Kiểm-học, Giáo-thụ và Huấn-đạo ở các tỉnh trong xứ Bắc-kỳ như sau này :

Bắc giang : 1 kiểm-học, 1 giáo-thụ, 2 huấn-đạo.

Bắc-kạn : 1 giáo-thụ.

Bắc ninh : 1 đốc-học, 2 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Cao-bằng : 1 kiểm học.

Hà-đông : 1 đốc-học, 2 giáo-thụ hay huấn đạo.

Hải dương : 1 đốc học, 2 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Hà-nam : 1 kiểm học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Hưng-yên : 1 kiểm-học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Kiến an : 1 kiểm-học.

Lạng-sơn : 1 kiểm-học.

Nam-định : 1 đốc-học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Ninh-bình : 1 kiểm-học, 2 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Phú thọ : 1 kiểm học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Phúc-yên : 1 kiểm-học.

Quảng-yên : 1 huấn đạo.

Sơn-tây : 1 kiểm-học, 1 giáo-thụ hay huấn-đạo.

Thiếu trang 98

a) *Các người đậu bằng Cao-đẳng tiểu-học và bằng sư-phạm (B. A. P.)*

b) *Học trò cũ lớp đệ-tam, đệ-tứ-niên cao-đẳng tiểu-học và sư-phạm ;*

c) *Học trò tốt-nghiệp lớp sư-phạm ;*

d) *Học trò có đậu bằng Tiểu-học (C. E. P. F. I.).*

Chỉ khi nào không có người đậu các bằng kể trên ấy mới dùng đến các người đậu bằng Sơ-học yếu-lược (C.E. E. I.) Những cựu-hương-sư, tuyển-sinh, giám-sinh và học-sinh nhất, nhị, tam-trường và đại-đề các người có khoa-mục xưa, nếu thiếu người đậu các văn-bằng kể trên ấy thì cũng có thể tuyển dụng làm giáo-sư được. Song phải hạch cho biết học-lực về chữ quốc-ngữ và các môn yếu-lược theo như khoản thứ 10 trong nghị-định quan Khâm-sứ ngày 20 tháng 7 năm 1933 đã định.

Nói tóm lại thì giáo-sư là người thầy học trực-tiếp ngay trong dân-gian, phải kén chọn người có đủ tư-cách dạy được đã đành, lại phải người có hạnh-kiểm tốt, để cho phụ-huynh học trò mến phục mới được.

Tuy giáo sư không có định ngạch, những người nào làm việc lâu năm, dạy học thành-hiệu, xét ra nên tưởng-lệ, có thể tư về Bộ để thăng-thưởng phẩm-hàm, hoặc huy-chương, Bộ sẽ vui lòng xét cho.

... Thể-lệ mới này bắt đầu từ năm 1935 mới hoàn-toàn thi-hành.

Một vụ biển-thủ ở quan-cảng Hải-phòng.— *Ông* Massimi *bị bắt giam vì có biển-thủ tiền-tài của quan-cảng Hải-phòng. Sáng ngày 22 Août ông* Massimi *đã bị giải lên Hà-nội để xét xử.*

Vì cho chở hàng-hóa lậu thuế hai viên-chức nhà Đoan bị bắt.— *Vì bắt được 5 toa xe lửa chở hàng lậu đáng 9 nghìn bạc thuế từ Ba-ngòi vào Sài-gòn, chủ hàng lậu là Du Phu-Ward khai cho ông chủ-sự nhà Đoan là* Nadal *đã lấy hối-lộ bốn nghìn đồng, khi hỏi ông* Nadal *chủ-sự nhà Đoan Nha-trang thì lại liên-can đến cả ông* Brossé *chủ-sự nhà Đoan Ba-ngòi, nên hai ông chủ-sự ấy đều bị tống giam để xét xử.*

Lại một viên quản-lý văn-khế ở Hải-phòng bị bắt.— *Ông* Durban *làm lục-sự tòa-án kiêm quản-lý Văn-khế, đến hạn về hưu không chịu làm bàn-giao cho người mới nhiệm chức, nên bị cáo là biển-thủ sổ-sách và tiền-tài của tòa-án, ngày 22 Août đã bị bắt giam để xét.*

Quan Toàn-quyền và quan phó Toàn-quyền vào Nam-kỳ. — *Ngày 31 Août này quan phó Toàn-quyền* Châtel *đáp tàu* Compiègne *vào Sài-gòn, còn quan Toàn-quyền* Robin *sang thượng-tuần Septembre sẽ đi đường bộ vào Huế rồi mới vào Sài-gòn.*

Một bậc danh-nho ở Hà-tiên tạ-thế.— *Cụ Lâm Tấn-Đức biệt-hiệu Hữu-Lân, mới tạ-thế ngày 21 tháng 6 năm Giáp-tuất (1er Août 1934), hưởng thọ 69 tuổi.*

Cụ là một bậc nho-học có tiếng ở đất Hà-tiên và là bá-phụ ông Lâm Tấn-Phác, bạn làng-văn của bản-chí. Vậy bản-chí có lời kính viếng cụ và chia buồn cùng ông Lâm Tấn-Phác với qui-quyến.

Giới-thiệu sách và báo

Nam-ngữ chính-tả tự-vị. — *Tập tự-vị thứ nhì : Tr. tiếp theo tập Ch. trước. Tác-giả* Nguyễn Duyên-Niên,

sách dày 122 trang, in tại nhà in Tân-dân Hà-nội, giá 0 $ 35.

40 bài tập đọc.— *Lớp Trung đẳng năm thứ nhất. Tác-giả : Tô Hữu Trác và Nguyễn Đức-Phong, sách có 64 trang, in tại nhà in Lê Cường Hà-nội, giá 0 $ 30.*

Thanh Nghệ Tĩnh.— *Thanh Nghệ Tĩnh tuần-báo mới ra số đầu ngày 3 Août 1934, ông* Lê Hữu-Nhân *là chủ-nhiệm, ông* Phó Đức-Thành *làm quản-lý, mỗi tuần lễ báo ra một số vào ngày thứ sáu, giá đồng niên 1 $ 50, nửa năm 0 $ 80.*

Tân-văn. -- *Tuần-báo xuất-bản ở Sài-gòn, cô Trần Thị-Hiệp sáng-lập do ông Phan Văn-Thiết chủ-trương. Ông Phan Văn-Thiết xuất-bản tờ* Tân-văn *này để thay cho tờ* Việt-dân *mà ông đã giao trả ông Đặng Thúc-Liêng, nên nội-dung tờ* Tân-văn *này cũng tương-tự như tờ* Việt-dân *trước. Báo-quán ở 49 đường* Garros *Sài-gòn, mỗi số giá 0 $ 10.*

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào

Xuất-bản từ trước :

1.— Văn-minh-luận 4 hào
2.— Ba tháng ở Paris 4 hào.
3.— Văn-học nước Pháp 4 hào
4.— L'idéal du Sage 4 hào.
5.— Chính-trị nước Pháp :
Quyển thứ I 4 hào.
Quyển thứ II 5 hào.
6.— Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7.— Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8.— Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9.— Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10.— Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai) 5 hào.
11.— La Poésie annamite. 4 hào.
12.— Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.